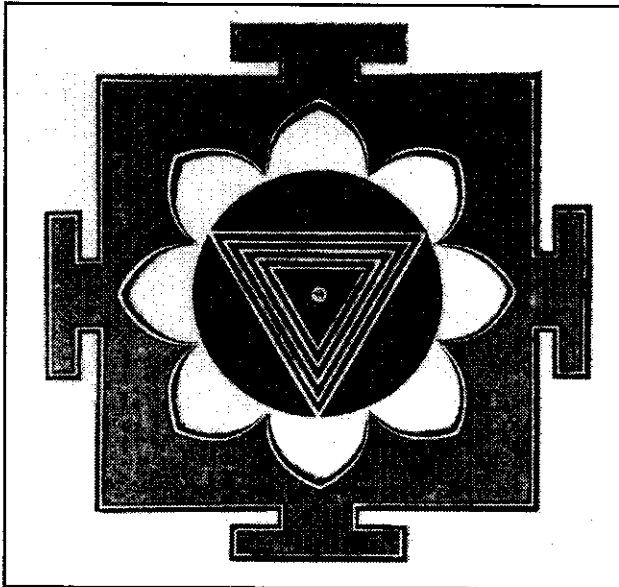




Đồ hình Yantra mang tên nữ thần Kālī
(Ấn Độ giáo), bột màu trên giấy, thế kỷ 18
(Philip Rawson, *Art du Tantrisme*,
Coll. Univers de l'Art, Ed. Thames & Hudson, 1996)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

1 Đại hội 8 của ĐCSVN

Phong Quang

4 Tin tức

12 Hồi ký

Trần Thư

văn hoá & nghệ thuật & khoa học

15 Tưởng niệm thi hào Ngải Thanh (*Ai Qing*)

16 Hoàng Xuân Hãn : kích thước chính trị N.N.Giao

18 Thư mục Hoàng Xuân Hãn N.T.N.

19 Việt Nam tại Festival St Florent le Vieil Kiến Văn

20 Bài ca ngất ngưỡng Đặng Tiến

22 Nhật sạn Nguyễn Hữu Thành

23 Tín ngưỡng phồn thực Đỗ Lai Thuý

25 Nhà ở nông dân Tây Nam Bộ Nguyễn Đạt

27 Những mảnh đời khốn khổ (*truyện ngắn*) Lê Minh

29 Trắng xoá (*truyện ngắn*) Vũ Hồi Nguyên

Đại hội 8 của ĐCSVN

Phong Quang

Theo những tin tức *hành lang nội bộ* thì Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (dưới đây sẽ viết tắt là ĐH8) của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCS) sẽ chính thức khai mạc vào ngày 27.6.1996. Song, đã trở thành thông lệ, đó sẽ chỉ là một lễ nghi sân khấu để báo chí quốc tế và ống kính TV ghi lại. Mọi sự gần như đã được an bài từ mấy ngày trước trong một *đại hội trừu tượng*, nôm na gọi là *đại hội trước*. Vẫn theo những nguồn tin thông thạo, thì phiên họp đầu tiên của *đại hội trước* sẽ họp vào ngày 22.6.

Thật cũng kỳ cục : đại hội của một chính đảng nắm toàn bộ quyền bính của một quốc gia 73 triệu dân — một quốc gia muốn *làm bạn với mọi người* và đã thiết lập quan hệ bình thường với tất cả các nước đã từng giao chiến với mình — đường đường chính chính được giới thiệu như một *sự kiện trọng đại của đời sống dân tộc*, mà ngày họp cũng vẫn được giữ bí mật cho đến phút cuối cùng.

Một thứ bí mật tương đối vì các hãng du lịch đã được thông báo là họ phải huỷ bỏ mọi chuyến du hành trong thời gian từ 20.6 đến 5.7 (du khách ai đã vào, thì phải ra khỏi Việt Nam trước ngày 20.6, ai chưa thì chỉ được nhập cảnh sau ngày 5.7).

Nếp suy nghĩ của hơn nửa thế kỷ hoạt động bí mật và chiến tranh đã in sâu vào não trạng, 21 năm sau ngày đất nước độc lập và thống nhất, tàn dư của nó vẫn đè nặng lên đời sống, khiến cho những người trong cuộc và có quyền quyết định, vì quá cảnh giác nên không còn đủ tỉnh táo để dẹp bỏ những tập tục lỗi thời đến mức đã trở thành lối bịch.

Nghiêm trọng hơn nữa : cái *bệnh bí mật* đó còn bao trùm toàn bộ quá trình chuẩn bị ĐH8, về đường lối cũng như (và nhất là) về nhân sự.

Về đường lối, sự việc đầy ý nghĩa không phải là bản thân lá thư ngày 9.8.95 của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ chính trị

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)
programme de juin 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

Dualité de Chantal DUFOUR

exposition du 1er au 30 juin
vernissage : samedi 1er juin à 18 h

MOMENT MUSICAL

avec **Anne GOYEN**, mezzo soprano,
Michel THIOLAT, guitare
accompagné de poèmes de **Claude MICOSKI**
Samedi 1er juin, de 19 h 30 à 20 h 30.

CONFÉRENCES

Les Amours Coloniales (Aventures et fantasmes exotiques
de Claire de Duras à Georges Simenon)

par **Alain RUSCIO** auteur du livre du même titre

Vendredi 7 juin à 20 h 30

Réflexologie faciale

par **Lê Quang Nhuận**

Samedi 8 juin à 18 h

MIME

Le vieil homme et la mer

par **Nguyễn Tiến Vượng**, Samedi 8 juin à 20 h 30

FILM VIDÉO

Việt Linh présente un documentaire de **Văn Lê**

Une époque mémorable

Samedi 15 juin à 20 h 30

Nàng Tô Thị (Légende de la Femme de pierre)

Film vidéo de **Tuệ Minh**

Samedi 29 juin à 20 h 30



Du 16 au 30 Juillet

1 9 9 6



L'UJVF organise cet été en Auvergne un Camp pour
les 15-30 ans qui se déroulera en 2 parties indépendantes :

1^{ère} SEMAINE

Randonnée "Tour des lacs
d'Auvergne" (niveau moyen).

2^{ème} SEMAINE

Camp fixe en pension complète
au cœur de l'Auvergne près d'un
grand lac avec base de loisirs et
plusieurs circuits de promenade.

ACTIVITÉS PROPOSÉES

- Initiation à la topographie,
- Randonnée-découverte de l'Auvergne,
- Canoë kayak, VTT, Escalade...

ATTENTION

Nombre de places limité :
Rando. 20 pl. / Camp fixe 45 pl.

Camp d'été

PRIX

La semaine de randonnée 500 Fr

La semaine en camp fixe 1 000 Fr

Les 2 semaines 1 450 Fr

- Le prix indiqué ne comprend pas le transport.
- Le billet SNCF pourra être réservé par nos soins,
prix indicatif du billet aller/retour avec 50% de réduction : 350 Fr

- Le prix du Camp fixe ne comprend les activités payantes comme le VTT ou le canoë kayak.



RENSEIGNEMENTS

Hoang Nam : 16 (1) 47 02 34 73



thư bạn đọc

Chẳng lọ ?

Diễn Đàn số 52 (1.5.1996), trang 14, cột 2 :

Trong bài *Đáp lời mừng thọ* của bác Hoàng Xuân Hãn có hai câu chữ quốc ngữ chép khác chữ nôm :

câu 3 : Thương tâm bốn trận (cuộc 𠵿) binh đao thảm

câu 7 : Tri âm chẳng lựa (lọ 𠵿) so già trẻ

Theo ngụ ý thì bốn cuộc binh đao chứ bốn trận là những trận nào ? Và sao lại chỉ nhắc đến có bốn trận ?

Chẳng lọ nghĩa là không phân biệt, không kể. Đã có chữ so rồi mà còn thêm chữ lựa nữa là thừa, trường hợp này gần như đồng nghĩa.

Tôi nghiêng về bên chữ Nôm, thủ bút của tác giả.

Rất ngưỡng mộ học giả Hoàng Xuân Hãn — và ưa sách làm nghiêm túc — nên tôi dám mong quý vị chịu trách nhiệm công bố công trình nghiên cứu *Truyện Kiều*, một công trình mà học giả đã dày công nghiên cứu suốt mấy chục năm trời, sẽ chú ý đến ba điểm :

- 1) tuyệt đối tôn trọng di cảo ;
- 2) nếu có chữ Hán và chữ nôm thì không nên bỏ ;
- 3) đọc kỹ bản in thử trước khi ký "bong" .

Nguyễn Hữu Thành (Paris, Pháp)

Bản quốc ngữ in trên Diễn Đàn cũng đã theo đúng bản quốc ngữ do tác giả Hoàng Xuân Hãn viết tay.

Đúng như ông nhận xét, ở câu 3, bản nôm viết *cuộc*, bản quốc ngữ viết *trận*. Ông đề nghị theo bản nôm là rất hợp lý, mặc dầu chữ *trận* cũng không sai, vì trận (quân sự) có hai nghĩa : (1) một trận đánh cụ thể (trận Bạch Đằng, trận Ấp Bắc...), (2) chiến tranh nói chung (trận mạc, trận giặc, trận Đại chiến thế giới...)

Còn chữ nôm 𠵿 có hai cách đọc lọ và lựa. Mỗi chữ đều có nghĩa riêng khác nhau (lọ là chai lọ, lựa là chọn), nhưng trong các thành ngữ lọ là / lựa là, chẳng lọ / chẳng lựa, thì chúng hoàn toàn đồng nghĩa (xem Từ điển Génibrel và Từ điển Khai Trí Tiến Đức ; riêng Từ điển Huỳnh Tịnh Của chỉ để chẳng lựa).

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

ĐẶNG THÁI SƠN

donnera un

Récital exceptionnel

11 juillet 1996, à 20 h 30

Amphithéâtre Henri Poincaré

Ecole Polytechnique

Route de Saclay, (91) **PALaiseau**

sous les auspices de l'Ecole Polytechnique

et de l'Association culturelle d'Aubonne

entrée sur invitation individuelle nominale

(dans la limite des places disponibles) :

écrire (en joignant une enveloppe timbrée) à

Association d'Aubonne,

38 rue de Lozère, 91400 ORSAY

Hoạt động của Hội văn hoá CAM TUYỀN (Hoàng Xuân Hãn)

Một trong những mục đích của Hội văn hoá giáo dục Cam Tuyền (Association d'Aubonne, 38, rue de Lozère, 91400 ORSAY) do cố giáo sư Hoàng Xuân Hãn làm chủ tịch là giúp đào tạo các nghiên cứu sinh tại chỗ ở trong nước. Từ năm 1992, Hội Cam Tuyền đã cấp học bổng cho một số sinh viên làm luận án tiến sĩ và đồng thời giới thiệu những giáo sư Pháp cùng hướng dẫn luận án. Được biết luận án tiến sĩ quốc gia (về toán) đầu tiên tiến hành trong khuôn khổ này sẽ được bảo vệ trung tuần tháng 6.1996 tại Trường Bách khoa (Ecole Polytechnique).

Tưởng niệm giáo sư Hoàng Xuân Hãn, cuộc trình tấu nhạc phẩm Chopin của Đặng Thái Sơn ngày 11.7 tới đây (*xem khung ở trên*), ngoài ý nghĩa văn hoá tự nó, còn có mục đích gây quỹ học bổng cho Hội văn hoá Cam Tuyền.

nhắn tin

Bạn DINH PHAN CU, trước ở Grusonstr.29, 80939 MUNCHEN (RFA), sau ở Werinherstr. 42, 81541 MUNCHEN (RFA) :

Hai số báo 51 và 52 gửi về địa chỉ mới đều bị bưu điện gửi trả lại. Xin liên lạc với toà soạn để chúng tôi gửi lại các số báo thiếu

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang : 180 F

1/4 trang : 300 F

1/2 trang : 550 F

1 trang : 1000 F

(*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thu về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Thuyền nhân

Một nhóm 278 thuyền nhân Việt Nam trên đảo Kuantan, Malaysia, đã bị cưỡng bức đưa về nước bằng tàu thủy ngày 9.5. Đây là chuyến tàu thứ ba và cuối cùng của Malaysia đưa những thuyền nhân Việt Nam về nước không tự nguyện. Theo một quan chức Malaysia, chỉ còn khoảng 1 100 thuyền nhân Việt Nam khác trong các trại tị nạn của Malaysia, nhưng những người này đã ký giấy tự nguyện hồi hương và sẽ được đưa dân về bằng máy bay trong tháng 6 này, đúng theo kế hoạch đóng các trại của Cao uỷ tị nạn Liên hiệp quốc (HCR). Ngày 19.4, Malaysia đã lần đầu tiên dùng tàu thủy đưa một nhóm 317 thuyền nhân về nước. Chính quyền Việt Nam đã cấm báo chí và các phương tiện truyền thông khác đưa tin, ảnh về những chuyến tàu này, cũng như về những chuyến bay chở người tị nạn về nước, dù tự nguyện hay không, từ các nước khác ở châu Á.

Nếu Malaysia có thể coi như đã giải quyết tương đối ổn thỏa việc đóng các trại tị nạn, vấn đề tỏ ra hắc búa hơn nhiều ở Hồng Kông, nơi còn khoảng 18 000 thuyền nhân hầu hết đã bị từ chối quy chế tị nạn chính trị nhưng rất ít chịu trở về. Liên tục từ hơn một năm nay đã xảy ra nhiều cuộc biểu tình, bạo động chống các chuyến cưỡng bức đưa người về. Mới nhất là vụ hơn 200 người trốn khỏi trại Whitehead ngày 8.5 sau khi đã đốt phá nhiều căn nhà trong trại. Chỉ còn một năm nữa, chủ quyền Hồng Kông sẽ trở về Trung Quốc, và Bắc Kinh tiếp tục làm sức ép để đưa về Việt Nam toàn bộ thuyền nhân trên bán đảo, dù một phần trong số này nhất định không chịu về Việt Nam chính vì họ là người gốc Hoa và rất sợ sẽ lại là nạn nhân trong cuộc tranh chấp giữa hai nước.

Về phần mình, theo nhật báo New York Times ngày 15.5, chính phủ Mỹ cho biết Việt Nam đã đồng ý nguyên tắc sẽ cho phép Mỹ xem xét hồ sơ của những thuyền nhân muốn đi định cư ở Mỹ, nếu những người này chịu rời các trại tị nạn hiện nay để về nước, và sẽ để họ tự do ra đi nếu được phía Mỹ nhận. Tuy nhiên, chi tiết của thỏa thuận chưa được công bố. (tin tổng hợp AFP, Reuter cuối tháng 4 tới 17.5.1996)

Miễn thuế cho các công ty tư nhân hoá

Đúng hơn là “*cổ phần hoá*” (equitisation). Nhà nước Việt Nam còn nhiều e ngại đối với thuật ngữ “*tư nhân hoá*” (privatisation) chứa đựng nhiều nội dung ý thức hệ, nhất là trong lúc tranh cãi trước đại hội đảng này. Một nghị định của chính phủ ngày 7.5, đã được công bố một tuần sau đó, khuyến khích các công ty quốc doanh cỡ vừa và nhỏ bán cổ phần cho công nhân viên và công chúng bằng cách cho giảm 50 % thuế trong hai năm. Cổ phần phải được mua bán qua các ngân hàng thương mại, và các công ty liên hệ sẽ tiếp tục được hưởng lãi suất ưu đãi khi vay tiền của các ngân hàng

này, như khi còn là công ty quốc doanh. Mặt khác, để đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá, việc cho phép tiến hành chương trình được đưa về cấp địa phương (tỉnh, thành phố) đối với những công ty có vốn dưới ba tỉ đồng (270 000 đôla). Chương trình cổ phần hoá của các công ty lớn hơn phải được xem xét ở cấp trung ương. Cho tới nay, mới có 6 công ty quốc doanh đã được cổ phần hoá. Chương trình mới của chính phủ dự tính đẩy con số này lên khoảng 200 trong năm nay, trên tổng số 6 000 công ty quốc doanh còn hoạt động.

Theo nhật báo tiếng Anh Saigon Times Daily, bộ tài chính cũng sẽ tổ chức các thí điểm bán cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài, song nghị định ngày 7.5 không nói gì tới vấn đề này. Dầu sao, ít có công ty nào hội đủ những tiêu chuẩn có sức quyến rũ đối với các nhà đầu tư quốc tế ! (AFP 13.5.1996)

Biểu tình vì đất đai, một người chết

Theo các hãng thông tấn Reuter và AFP, báo Thanh Niên của đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, xuất bản tại Hà Nội, đã đưa tin trong số báo ra ngày thứ bảy 18.5 về một vụ biểu tình của nông dân xã Kim Nỗ, ở ngoại thành Hà Nội, hôm đầu tuần. Tờ báo mô tả vụ đụng độ giữa cảnh sát và “*những phần tử xấu*” làm cho hàng chục cảnh sát bị thương và một người chết. AFP và Reuter đều nói nguyên nhân của cuộc biểu tình là nông dân phản đối việc chính quyền chiếm đất làm sân golf. Reuter cho biết thêm dự án xây sân golf này do công ty Hàn Quốc Daeha đầu tư, trị giá 177 triệu đôla. Một nông dân nói với thông tấn viên Reuter, công an đã hộ tống khoảng 4, 5 trăm công nhân quân đội tới bắt lúa khỏi ruộng, và đánh đập ba bà già ra ngăn cản họ. Khoảng một ngàn nông dân đã lấy đá ném vào những công nhân quân đội và dùng cuộc xuống chống lại công an. Trong cuộc đụng độ, một phụ nữ trong số công nhân tới làm sân golf đã bị chết đuối khi nhảy xuống ao trốn đám nông dân giận dữ.

Vấn đề đất đai xây dựng là một vấn đề nan giải đang làm đau đầu nhà cầm quyền. Ngày 4.5, ngay tại trụ sở đảng bộ đảng cộng sản Hà Nội, khoảng 40 người đã biểu tình chống tham nhũng và việc chính quyền địa phương trưng mua đất để mở rộng đường phố. Cũng như trong vụ sân golf ở Kim Nỗ, hầu hết những người bị lấy đất đều cho rằng nhà nước không trả giá đất cho họ một cách thỏa đáng. (AFP 4 và 18.5, Reuter 19.5.1996)

Nợ

Theo thời báo Saigon Times Daily ngày 24.4, thống đốc Ngân hàng quốc gia Cao Sỹ Kiêm đã quyết định hoãn việc phát hành trái phiếu quốc tế để vay tiền đầu tư phát triển. Ông Kiêm nói quyết định này được lấy vì những dự án phát triển còn “*chưa được bền, chắc*”, và không đủ sức thuyết phục là sẽ mang lại lợi nhuận. Ông Kiêm không đề cập tới mức nợ đã quá cao của Việt Nam, song, khi ý định phát hành trái phiếu này được đưa ra năm ngoái, chính đây là lý do khiến nó không được Ngân hàng Thế giới ủng hộ. Mặt khác, cho tới nay Việt Nam vẫn chưa hấp thụ hết những khoản vay nhẹ lãi kết hợp với viện trợ của cộng đồng quốc tế. Chỉ tính các món nợ đối với những nước có tiền tệ chuyển nhượng

được, Việt Nam đã nợ nước ngoài khoảng 6,7 tỉ đôla, tương đương với 40 % tổng sản lượng quốc nội (GDP).

Về phương diện này, Việt Nam vừa thành công trong cuộc thương lượng để hoãn, giảm món nợ 800 triệu đôla đối với các ngân hàng tư nhân quốc tế (còn gọi là nợ thương mại), chủ yếu là vay của các ngân hàng Nhật vào đầu những năm 80. Sau 18 tháng thương thuyết, ngày 17.5 tại Hà Nội, các chủ nợ tập hợp trong “*câu lạc bộ Luân Đôn*” đã ký kết với Ngân hàng quốc gia Việt Nam một hiệp định khung theo đó câu lạc bộ nhận xoá đi một nửa món nợ đó, và đề ra một lịch trả số nợ còn lại ưu đãi hơn. Tuy nhiên, chi tiết của hiệp định chưa được công bố. (AFP 24.4 và 20.5, Reuter 17.5.96)

Thành phố Hồ Chí Minh : những vụ án trọng điểm đang chìm xuống

Trước khi hết nhiệm kỳ, ban lãnh đạo đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh có cam kết cho xét xử dứt điểm 5 vụ án kinh tế lớn, trong đó có các vụ Trần Xuân Hoa, Công ty lương thực TPHCM và Đông Lạnh Hùng Vương.

Về vụ Trần Xuân Hoa, giám đốc công ty Quyết Thắng, đã lừa đảo 47 doanh nghiệp – trong đó có 28 là quốc doanh –, những thất thoát được ước tính là 139 tỷ đồng (tương đương 13 triệu đô la) và những tài sản thu hồi lại được không quá 500 triệu đồng. Theo phó viện trưởng kiểm sát thành phố Đặng Công Tâm, cuộc điều tra đã phát hiện chính cán bộ cục cảnh sát điều tra thay vì khởi tố và bắt giữ bà Trần Xuân Hoa đã để cho thủ phạm trốn ra nước ngoài. Song ông Tâm cũng cho biết ông không có thẩm quyền đưa các cán bộ đó vào vòng tố tụng. Ông đã trao báo cáo cho viện kiểm sát tối cao và bộ nội vụ, “*tuy nhiên tới nay chưa có kết quả*” !

Về vụ án Công ty lương thực thành phố, từ lúc khởi đầu, một số lãnh đạo đảng công sản đã tuyên bố, giám đốc công ty, bà Ba Thi Nguyễn Thị Ráo, là “*bất khả xâm phạm*”. Tiếp theo đó, người ta được tin cánh tay trái của giám đốc, bà Trần Thu Hồng, bị “*tâm thần phân liệt*”, cho nên được tạm đình chỉ điều tra. Do đó, toà án Thành phố Hồ Chí Minh chỉ mới xét xử sơ thẩm đối với một số cán bộ công ty về tội nhận hối lộ và có kêu một số án tù chung thân. Vừa qua, người ta lại được biết toà phúc thẩm phía Nam của toà án tối cao đã quyết định hủy bản án sơ thẩm đó với lý do : “*không có Trần Thu Hồng ra đối chất trước toà*” !

Về công ty Đông Lạnh Hùng Vương, doanh nghiệp quốc doanh thuộc uỷ ban nhân dân quận 6 này để lại một số nợ lên đến 239 tỷ đồng, số tiền thất thoát được Công ty kiểm toán Việt Nam ước tính vào khoảng 92 tỷ đồng (tương đương với 9 triệu đô la). Tuy nhiên, theo cơ quan điều tra và viện kiểm sát thành phố, giám đốc Dương Ngọc Minh “*đã quản lý công ty theo kiểu gia đình, chứng từ sổ sách không có, cho nên 92 tỷ đồng nói trên đi đâu, nguyên nhân thất thoát thế nào thì chưa thể phân tích được*”. Với lý do đó, toà án Thành phố Hồ Chí Minh cuối tháng 4 vừa qua chỉ xét xử ông Dương Ngọc Minh về những tội danh đến nay được viện kiểm sát xác lập là tham ô (6 930 đô la), lập quỹ trái phép (7 249 đô la không chứng minh được), cố ý làm trái qui định kế toán (tổn thất khoảng 181 triệu đồng) và trốn thuế (1 tỷ đồng). Tại phiên

toà, hội đồng xét xử nhận định rằng ông Dương Ngọc Minh không phạm tội trốn thuế, vì “*chủ thể trốn thuế chỉ có thể là một pháp nhân*” – đó là công ty mà ông quản lý, chứ không phải cá nhân ông ! Hội đồng xét xử cũng cho rằng ông không phạm tội lập quỹ trái phép vì “*chưa đủ căn cứ để buộc tội*”. Cuối cùng, ông Dương Ngọc Minh chỉ bị toà án tuyên phạt 4 năm tù về tội tham ô và 3 năm tù về tội cố ý làm trái pháp luật. Đồng thời, hội đồng xét xử đưa “*kiến nghị*” khởi tố vụ án làm thất thoát 92 tỉ đồng.

Dư luận ở thành phố cho rằng sở dĩ đến nay vụ án Đông Lạnh Hùng Vương khó tiến hành đến nơi đến chốn, chỉ vì công ty này suốt một thời gian dài đã “*nuôi*” không những Thành ủy đảng cộng sản mà cả cá nhân một số lãnh đạo hiện đang mãn nhiệm kỳ. Không phải không có lý do mà phó viện trưởng kiểm sát thành phố, Đặng Công Tâm, buộc phải tuyên bố rằng : “*không có cơ sở chứng minh có bao che hay tiếp tay*” cho Đông Lạnh Hùng Vương. (Tuổi Trẻ 3, 27 và 30.4.96)

Tamexco : khi 40 triệu đô la bốc hơi ...

“*Vụ án gây thiệt hại lớn nhất nước từ trước tới nay*” : đó là vụ Tamexco, cơ sở kinh tài do quận uỷ đảng cộng sản quận Tân Bình thành lập năm 1989 và trực thuộc ban tài chính quản trị Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1993. Theo tính toán của viện kiểm sát thành phố, con số thất thoát do giám đốc Phạm Huy Phước gây ra vào khoảng từ 350 tỉ đến 400 tỉ đồng (gần 40 triệu đô la). Trong đó ông Phạm Huy Phước bỏ túi 57 tỉ đồng, chi cho bồ nhí 2,9 tỉ đồng, đánh bạc 1,4 tỉ đồng ... Song đáng chú ý là khoản chi phí “*ngoại giao*” – tức hối lộ – lên đến 20 tỉ đồng, trong đó có chi phí mời khoảng 250 cán bộ đi “*du hí*” ở nước ngoài.

Công ty Tamexco đã phá sản sau khi đã rút ruột hơn 200 tỷ đồng của hai ngân hàng : Vietcombank và First Vina, một ngân hàng liên doanh giữa Vietcombank với Korea First Bank của Hàn Quốc. Kỳ công này, ông Phạm Huy Phước đã thực hiện được nhờ móc ngoặc với tổng giám đốc Vietcombank Nguyễn Văn Dề, giám đốc Vietcombank Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Duy Lộ và phó tổng giám đốc First Vina Trần Linh. Và nhờ sự “*ưu ái*” dễ hiểu của những cấp chính quyền, mặc dù họ đã nhận được nhiều đơn của cán bộ, đảng viên quận Tân Bình tố cáo hành vi tham nhũng, thoái hóa của ông Phạm Huy Phước ngay từ những năm đầu của Tamexco. Ông Phạm Huy Phước hiện bị tạm giam và đã bị khởi tố các tội : vi phạm chế độ quản lý đất đai, cố ý làm trái luật, hối lộ, tham ô và đánh bạc. Ngược lại, những người đã bao che hay tiếp tay cho ông vẫn ung dung đứng ngoài vòng tố tụng. Như báo Lao Động đã lên tiếng, đó chính là điều “*không thể chấp nhận được*” (Tuổi Trẻ 20.4 ; Phụ Nữ TPHCM 27.4 ; Lao Động 28.4.96)

Quan hệ thầy - trò : nhà trường đảo điên

Chỉ trong một tháng – tháng 4 vừa qua – trên báo Tuổi Trẻ, người ta đã có thể đọc chỉ ít bốn sự kiện đáng kinh ngạc về quan hệ thầy - trò hiện nay ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ nhất : Các thầy, cô giáo ở tất cả các nhà trường thuộc quận 4 (cũng như tại hầu hết các trường tiểu học quận

Bình Thạnh) đã phải làm “*giấy cam kết không đánh hoặc lăng nhục học sinh*”, nếu muốn tiếp tục được dạy học !

Vụ thứ hai : Tại trường Khánh Hội (quận 4), hai em học sinh lớp 9 đã cho cô giáo P.H.M. uống nước tiểu, bằng cách dúi vào ly nước trà của cô !

Vụ thứ ba : Tại trường Đoàn Thị Điểm (quận 4), cô giáo Đ.T.T.H đã phạt một em học sinh lớp 5 bằng cách buộc em cưỡi váy trước lớp !

Vụ thứ tư : Tại trường Phan Đình Phùng (quận 3), hiệu phó trường đã tổ chức cho những em học sinh lớp 5 ký tên vào biên bản kiểm tra năng lực sư phạm của cô giáo viên H.T.T.T. phụ trách lớp của các em !

Được hỏi về việc bắt giáo viên làm cam kết không đánh học sinh, bộ trưởng Trần Hồng Quân cho biết đó không phải chủ trương của bộ, mà chỉ là một “*sáng kiến*” của Thành phố Hồ Chí Minh. Trước những phản ứng của công luận, ông khẳng định rằng tờ cam kết đó “*không những xúc phạm đến lòng tự trọng, nhân phẩm của người thầy, mà còn ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lý và thái độ của học sinh với thầy cô giáo*”. Cho rút lại quyết định nói trên, giám đốc sở giáo dục thành phố Cao Minh Thi đồng thời phủ nhận việc hai phòng giáo dục quận 4 và Bình Thạnh cho rằng sáng kiến đó là do sở “*gợi ý*”. Cuối cùng, quyết định buộc giáo viên cam kết có từ đâu và do ai chủ trương, vấn đề vẫn chưa ngã ngũ.

Về các vụ việc khác, người ta được biết : hai em học sinh trường Khánh Hội đã bị “*đình chỉ học một năm*” ; cô giáo viên trường Đoàn Thị Điểm đã bị “*cảnh cáo*”; việc làm của phó hiệu trưởng trường Phan Đình Phùng được đánh giá là “*phản sư phạm*” ... (Tuổi Trẻ 7.16, 28.4 và 2.5 ; Lao Động 23.4.96 ; Phụ Nữ TPHCM 27.4.96)

Quan hệ lao động : từ thô bạo đến hành hung

Sau sự kiện 15 nữ công nhân của công ty Sam Yang ở Thành phố Hồ Chí Minh bị một chuyên gia kỹ thuật Hàn Quốc đánh đập tập thể, tình trạng đối xử thô bạo của một số giới chủ nước ngoài ở Việt Nam đang trở thành một vấn đề nhạy cảm trong quan hệ lao động. Tình trạng này không phải đến nay mới xuất hiện mà đã kéo dài từ nhiều năm nay. Điều làm cho người ta lo ngại là các vụ việc càng ngày càng gia tăng về số lượng. Năm 1990 : 4 vụ ; 1991 : 2 vụ ; 1992 : 3 vụ ; 1993 : 3 vụ ; 1994 : 10 vụ ; 1995 : 20 vụ. Và chỉ trong 3 tháng đầu năm nay, có đến 10 vụ xảy ra.

Tính nghiêm trọng của các vụ việc cũng tăng lên : nếu như trước đây các hành động thô bạo của chuyên gia nước ngoài chỉ phổ biến ở mức giằng dụa, chửi bới hay áp dụng hình phạt không phù hợp với tập quán Việt Nam, thì thời gian gần đây đã có nhiều vụ hành hung, đánh đập công nhân Việt Nam. Theo thứ trưởng kế hoạch và đầu tư Nguyễn Nhạc, tình trạng này kéo dài là do các cơ quan chính quyền ở địa phương không làm đủ trách nhiệm nhằm ngăn ngừa các trường hợp kể tiếp. Báo Lao Động cho biết, trong hàng chục vụ việc nghiêm trọng xảy ra đến nay, chưa có một vụ nào được đưa ra tòa xét xử. Hình thức xử lý chỉ dừng ở mức xin lỗi, bồi thường thiệt hại hoặc cao nhất là trục xuất về nước. (Lao Động 14.4.96)

Thất nghiệp : 2,4 triệu người

Theo thống kê của bộ Lao động, thương binh và xã hội, Việt Nam hiện có 2,4 triệu người thất nghiệp, chiếm 7 % dân số lao động cả nước. Ở thành thị, số người lao động không có việc làm lên tới 80 vạn, chiếm 8 % tổng số lao động. Ngay trong khu vực nhà nước, có đến 3 % trong tổng số 3 triệu lao động không có việc làm, phải nghỉ không lương, và gần 15 % số lao động không đủ việc làm trọn tháng, trọn tuần. Ở nông thôn, số lao động không đủ việc làm lên đến 35 % nguồn lao động, tương đương khoảng 6 triệu người.

Theo bộ kế hoạch và đầu tư, nếu cộng con số thất nghiệp hiện tại, tính đến năm 2000, Việt Nam sẽ có cả thảy 8,5 triệu người cần giải quyết công ăn việc làm. Những dự tính lạc quan nhất hiện nay chỉ giải quyết công ăn việc làm cho khoảng 6,5 triệu người. Báo Người Lao Động, thuộc công đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, nhận định rằng hai yêu cầu lớn của một chính sách chống thất nghiệp phải là : nâng cao trình độ văn hóa và tay nghề của lực lượng lao động, và phát triển các doanh nghiệp nhỏ, tức thuộc tư nhân. Nhắc lại Việt Nam đến nay mới chỉ có hơn một vạn doanh nghiệp tư nhân, tờ báo cho rằng nhà nước cần có một thái độ thỏa đáng đối với kinh tế tư doanh mới trông mong huy động nguồn vốn còn tiềm tàng trong dân và tạo thêm hàng loạt doanh nghiệp vừa và nhỏ. (Người Lao Động 13.5.96)

Công đoàn : làm sao hạn chế đình công?

Trong ba tháng đầu năm 1996, theo thống kê chưa đầy đủ của Tổng liên đoàn lao động, đã xảy ra 17 cuộc đình công tại các doanh nghiệp quốc doanh (3 cuộc), tư doanh trong nước (5 cuộc) và có vốn nước ngoài (9 cuộc). Trong tháng 4 vừa qua, đã xuất hiện một hiện tượng mới là người lao động không đình công tại chỗ mà lại xuống đường. Ngày 12.4, ở Thành phố Hồ Chí Minh, 700 công nhân công ty giày An Lạc, một doanh nghiệp quốc doanh, đã kéo đến biểu tình trước trụ sở ủy ban nhân dân quận Bình Chánh, đòi tăng lương, trả lương đúng thời hạn, bỏ việc khấu trừ vô lý tiền lương và giảm thời gian lao động. Cùng ngày đó và cũng tại Thành phố Hồ Chí Minh, 50 xe taxi thuộc công ty Tanaco, một doanh nghiệp tư nhân, đã tổ chức đình công trước trụ sở Liên đoàn lao động thành phố, đòi giới chủ tăng tỷ lệ chia doanh thu cho tài xế, giảm tiền rửa xe, thanh toán tiền vé vào sân bay và làm rõ chế độ bảo hiểm tai nạn xe cộ.

Nguyên nhân chủ yếu những cuộc đình công vừa qua, theo tổ chức công đoàn, là các chủ doanh nghiệp chưa tôn trọng các quy chế lao động, không ký đầy đủ hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể, và xử lý sai khi công nhân phát biểu ý kiến về quyền lợi của mình. Đồng thời, Tổng liên đoàn lao động thừa nhận rằng một số cuộc đình công xảy ra là do tổ chức công đoàn yếu kém, không nắm bắt được nguyện vọng của công nhân, thậm chí do cán bộ công đoàn “*sợ mất việc làm*” nên đã không dám báo cáo để giải quyết. Tại công ty giày An Lạc, công đoàn cơ sở đã biểu lộ sự bất lực hoàn toàn của mình trước cuộc đình công tự phát của công nhân. Và lần đầu tiên, trong một cuộc tranh chấp lao động, tại công ty Việt Phú, người chủ tịch của công đoàn cơ

sở đã từ chức vì không ngăn được 80 công nhân đình công.

Cuối tháng 4 vừa qua, nhà nước đã cho ra pháp lệnh “*thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động*” để xác định lại thế nào là đình công hợp pháp. Sáu yếu tố được đưa ra :

- phải phát sinh từ tranh chấp lao động tập thể, ở trong phạm vi quan hệ lao động và nằm trong phạm vi doanh nghiệp ;

- phải xử lý tranh chấp trước tiên tại hội đồng trọng tài lao động cấp tỉnh ;

- phải thông báo cho chủ nhân, sở lao động tỉnh và liên đoàn lao động tỉnh ;

- phải do công đoàn cơ sở quyết định sau khi được quá nửa tập thể lao động tán thành bằng cách bỏ phiếu.

- phải là doanh nghiệp không thuộc danh mục phục vụ công cộng hoặc thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân hay an ninh quốc phòng ;

- phải không vi phạm quyết định hoãn hay ngưng đình công của chính phủ.

Bộ trưởng lao động Trần Đình Hoan nhấn mạnh : “ *một cuộc đình công thiếu một trong 6 điều kiện trên thì coi là bất hợp pháp* ”. Pháp lệnh này có hiệu lực từ đầu tháng 7. (Lao Động 7, 23, 25.4 ; Tuổi Trẻ 13 và 18.4.96)

Tướng Trần Văn Trà từ trần

Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần ngày 20.4.1996, tại một bệnh viện ở Singapore sau khi bị mổ tim lần thứ hai. Sinh năm 1919 tại xã Tịnh Long (Quảng Ngãi), tham gia Đảng cộng sản Đông Dương (1938), bị chánh quyền thực dân bắt giam hai lần (1939 và 1944), phó tư lệnh Nam bộ sau Cách mạng tháng 8, phó tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam (1955), tư lệnh quân giải phóng miền Nam (1963), phó tư lệnh bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), ông làm chủ tịch ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định năm 1975. Bị ông Lê Đức Thọ loại ra khỏi Trung ương đảng năm 1981 và cho về hưu năm 1982, ông là tác giả quyển *Kết thúc cuộc chiến 30 năm - những chặng đường lịch sử của B2 Thành Đồng*, phản bác nhiều quan điểm trong cuốn sách *Đại thắng mùa xuân* của đại tướng Văn Tiến Dũng. Từ năm 1992, ông làm chủ tịch hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Sa : Trung Quốc bắt chấp quốc tế

Việt Nam và Philippin đã lên tiếng phản đối tuyên bố ngang nhiên ngày 17.5 của Thường vụ Quốc hội Trung Quốc ghi các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong hải phận Trung Quốc. Người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam coi đây là một “ *vi phạm trắng trợn luật pháp quốc tế* ”. Bộ ngoại giao Philippin một mặt hoan nghênh việc Bắc Kinh tuyên bố gia nhập Công ước quốc tế về Biển, mặt khác tỏ ý lo ngại về hành động đơn phương quy định đường biên giới biển của Trung Quốc, bao gồm nhiều vùng tranh chấp như quần đảo Trường Sa và coi “ *hành động này của Trung Quốc là một đe dọa ổn định trong vùng* ”.

Cuối tháng 4, Việt Nam và Philippin đã gửi một đoàn

ngiên cứu khoa học hỗn hợp tới vùng đảo Trường Sa để tiến hành nghiên cứu về hải sinh vật trong vùng. Thủ tướng ngoại giao Philippin Rodolfo Severino cho biết công trình này sẽ mở rộng cho các nước khác. (AFP 23.4, 17.5.1996)

Quasar Khánh làm ăn trong nước

Người chồng của nhà tạo thời trang Emmanuelle Khánh, một kỹ sư cầu cống nổi tiếng từng tham gia xây cất công trình Arche de la Défense ở Paris, ông Quasar Nguyễn Mạnh Khánh đã cùng vợ về thành phố Hồ Chí Minh hai năm nay để “ *đổi phó những thách thức mới ở Việt Nam* ”, vì “ *không thể chấp nhận cái thiên kiến cho rằng khoảng cách giữa các nước phát triển và các nước nghèo là không thể lấp được* ”. Công trình hiện nay ông đang bảo vệ trước chính quyền thành phố là một chiếc cầu bắc qua sông Sài Gòn, cao 38 mét trên mặt nước, đủ để các tàu thương mại lớn qua lại được. Độ cao của cầu đòi hỏi đường tiếp cận dài, đặt ra nhiều bài toán kỹ thuật phức tạp. Quasar Khánh đề nghị thay vào đó là một đường xoay ốc, rộng 120 mét, xây quanh cột cầu trên sông. Ông cũng mong được chọn làm người quy hoạch toàn bộ khu Thủ Thiêm, trung tâm tài chính tương lai của thành phố, bên kia cầu, và còn có nhiều dự án khác.

Song song với các hoạt động sáng tạo những dự án xây cất mới, ông đã mở một xưởng chế tạo một kiểu xe đạp hoàn toàn bằng tre do ông vẽ mẫu. Kỹ sư Nguyễn Mạnh Khánh sinh ra ở Hà Nội, năm nay 62 tuổi, sống ở Pháp từ năm 15 tới năm 60 tuổi. (theo AFP 9.5.1996)

Tin ngắn

- Cung đoạn một của công trình tái thiết và mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất sẽ bắt đầu vào quý ba năm nay và kéo dài 15 tháng. Dự án trị giá 96 tỉ đồng (85 triệu đôla) vừa được nhà nước thông qua đầu tháng 5. Toàn bộ công trình nâng cấp sân bay sẽ cần tới 350 triệu đôla, để tới năm 2000 Tân Sơn Nhất có sức đưa đón hàng năm 8 triệu lượt khách.

- Câu lạc bộ bóng đá **Juventus**, vừa thắng giải vô địch châu Âu ngày 22.5 vừa qua, sẽ tới đá hữu nghị với đội tuyển Việt Nam ngày 2.6 tại sân bóng Hà Nội. Đội bóng đá Việt Nam hiện do huấn luyện viên người Đức K.H. Weigang huấn luyện, vừa đoạt huy chương bạc trong SEA Games năm ngoái.

- Theo báo Lao Động ngày 9.5, ủy ban nhân dân thành phố HCM đã quyết định không cho phép xây cất **nhà cao hơn 12 tầng** ở thành phố, chỉ trừ ngoại lệ là khu tài chính và hành chính Thủ Thiêm. Quyết định này đáp ứng một chỉ thị ngày 1.5 của thủ tướng Võ Văn Kiệt nhằm giới hạn mức tăng dân số của các thành phố lớn.

- Một phụ nữ 34 tuổi, mang tội lừa đảo của khoảng 50 người số tiền tương đương khoảng 320 000 đôla, vừa bị tòa án tỉnh Bình Định **kết án tử hình** ! Các tòng phạm bị xử tù giam từ 18 tháng tới 16 năm. Đây là lần đầu tiên án tử hình được đem ra áp dụng cho tội danh này.

- Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thông qua dự án xây dựng một **nhà máy thủy điện** trị giá 441 triệu đôla trong tỉnh Bình Thuận. Nhà máy mang tên Đại Ninh sẽ được khởi công xây

cất đầu năm 1988, dự tính hoàn thành vào năm 2002, với công suất 300 Megawatts, và được Ngân hàng thế giới hỗ trợ tài chính.

- Một hố chôn 272 người, hầu hết bị chết vì bom na pan trong trận phản công của quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng hoà sau tổng tấn công Mậu Thân vừa được khám phá ở một làng ngoại ô Mỹ Tho. Theo chính quyền Việt Nam, khoảng 300 000 người vẫn bị coi là **mất tích trong chiến tranh**, và các cuộc tìm kiếm vẫn được tiến hành.

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội vừa ra quyết định **tăng lương tối thiểu** trong các công ty nước ngoài ở Việt Nam, kể từ ngày 1.7 tới, lên 45 đôla/tháng ở Hà Nội và Thành phố HCM, 40 đôla ở 9 thành phố khác và 35 đôla tại những nơi khác. Lương trung bình ở các công ty do người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam hiện nay được ước tính khoảng 90 đôla/tháng.

- Ngân hàng Thế giới (WB) đã quyết định viện trợ cho Việt Nam **1,5 tỉ đô la trong ba năm** tới. Quyết định này được công bố trong chuyến đi thăm Việt Nam hai ngày 8-9.5 của ông James Wolfensohn, chủ tịch ngân hàng. Nhân dịp này, ông Wolfensohn cũng không quên nhắc nhở nhà cầm quyền Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa các cải tổ kinh tế, và “*hỗ trợ nhiều hơn cho khu vực kinh tế tư nhân*”.

- Cũng trong tháng 5, **Ngân hàng phát triển châu Á** (ADB) thông báo sẽ mở văn phòng thường trực tại Việt Nam và Cam Bốt trước cuối năm nay. ADB sẽ viện trợ cho Việt Nam 350 triệu đôla mỗi năm, trong đó 10 triệu là viện trợ kỹ thuật.

- Theo công ty tư vấn về bảo hiểm Political and Economic Risk Consultancy, đặt tại Hồng Kông, Việt Nam là nước có **mức độ hiểm nguy cao nhất** cho các nhà đầu tư, trong số 12 nước ở châu Á. Ba nhân tố chính trong thang giá trị của PERC là 1/ Tầm vóc của thị trường, 2/ Tiềm năng thay đổi về kinh tế và 3/ Các kẻ hở trong hệ thống và tiềm năng thay đổi về chính trị-xã hội.

- Nhà Trắng đã công bố quyết định chính thức bổ nhiệm hạ nghị sĩ Pete Peterson làm **đại sứ đầu tiên của Hoa Kỳ** tại Hà Nội. Ông Peterson năm nay 61 tuổi, là đại uý không quân trong chiến tranh Mỹ - Việt và từng bị bắn rơi, cầm tù hơn 6 năm tại miền bắc. Việc bổ nhiệm này còn phải đợi thượng nghị viên thông qua mới trở thành chính thức.

- Theo Thông tấn xã Việt Nam ngày 21.5, **ô nhiễm hoá chất** từ khu công nghiệp Biên Hoà đã buộc 5 000 dân tỉnh Đồng Nai phải dời nhà đi nơi khác.

- Hãng hàng không **Việt Nam Airlines** vừa thuê 10 chiếc Airbus A320 của công ty Aerostar, thay cho 8 chiếc A320 thuê của Air France từ năm 1993 với một hợp đồng đào tạo phi công. Trong năm qua, Vietnam Airlines đã chuyên chở 2,25 triệu lượt khách và 33 000 tấn hàng hoá, kể cả các chuyến bay nội địa và quốc tế. Quý đầu năm nay, số khách bay của hãng đã tăng 18 % so với cùng thời kỳ năm ngoái.

- Các đại hội đảng bộ đảng cộng sản, tiến hành trong tháng 5 vừa qua, đã cử một số **bí thư thành, tỉnh ủy mới**: Lê Xuân Tùng (Hà Nội), Trương Tấn Sang (Thành phố Hồ

Chí Minh), Ngô Yên (Huế - Thừa Thiên), Trần Thị Minh Hoàng (Đồng Nai), Nguyễn Thị Hồng Vân (Khánh Hòa), Nguyễn Văn Quân (Vĩnh Long), Nguyễn Văn Thới (Bến Tre), Lương Công Đoan (Phú Yên)...

- Theo bộ kế hoạch và đầu tư, cả nước hiện nay chỉ còn khoảng **25 000 hợp tác xã**. Đa số chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đang gặp khó khăn về việc xử lý nhà xưởng, đất đai, tài sản tích lũy trước đây.

- Trong thời gian 1993 - 1995, tổng số **vốn viện trợ phát triển** do chính phủ các nước cam kết cho Việt Nam lên tới 6 tỉ đô la. Tuy nhiên cho đến nay, những chương trình Việt Nam ký được là 4,6 tỷ và chỉ mới giải ngân được 1,731 tỉ.

- Tổng số **dự án đầu tư nước ngoài** vào Việt Nam đến hết năm 1995 là 1 606 với 18,8 tỉ đô la. Nhưng vốn thực sự góp mới có 5,5 tỷ đô la, chiếm tỷ lệ 28,8 %.

- Theo một báo cáo của bộ kế hoạch và đầu tư, trong năm **1996, Việt Nam dự kiến thu hút khoảng 6 tỉ đô la vốn đầu tư** trực tiếp nước ngoài chỉ bằng 75 % so với năm 1995, và gồm 5 tỷ vốn đăng ký của các dự án mới và 1 tỉ vốn tăng thêm của những dự án đang hoạt động.

- Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển đã đi vào hoạt động theo luật khuyến khích **đầu tư trong nước** và với vốn pháp định là 1 100 tỉ đồng (50 % là vốn ngân sách). Đối tượng được vay là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Giáo sư Võ Tòng Xuân vừa được bầu làm chủ tịch Ủy ban liên lạc các **tổ chức phi chính phủ và phát triển ASEAN**. Ủy ban này ra đời nhằm chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về an toàn lương thực sẽ diễn ra ở Ý vào cuối năm nay.

- Hiện tại có gần 400 **tổ chức phi chính phủ** nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Song cho đến nay chỉ có 30 tổ chức được chính quyền cho phép lập văn phòng đại diện ở Việt Nam.

- Việt Nam hiện nay chỉ có **558 luật sư**, và trong số đó có đến 40 % là luật sư kiêm nhiệm.

- Với sự tài trợ của Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản, trường **đại học nghệ thuật Huế** vừa khai giảng lớp đại học nhã nhạc. Sinh viên được đào tạo để trở thành diễn viên, giảng viên hay nghiên cứu viên các môn âm nhạc và múa cung đình.

- Theo một công trình nghiên cứu phổ biến tại Hà Nội, trong thập kỷ 1990, có **sự tăng trưởng rõ rệt về thể lực và chiều cao** của người Việt Nam so với thập kỷ trước. Ở tuổi trưởng thành, chiều cao của thanh niên nam lẫn nữ tăng trung bình 2 cm, cân nặng thanh niên nam tăng 2,24 kg, nữ tăng 1,39 kg.

- Đài VTV3 của truyền hình Việt Nam, phối hợp với công ty Hồng Kông Sondat, đã bắt đầu chương trình trò chơi thi đấu liên tỉnh “**Interville Việt Nam 96**” với 16 đội thuộc 13 tỉnh. Chương trình được tiến hành tại công viên Lê Nin ở Hà Nội và gồm 18 trò chơi mang tính thi đấu hài hước.

- Bộ trưởng nông nghiệp, ngư nghiệp và thực phẩm Pháp **Philippe Vasseur** đã đến thăm Việt Nam 5 ngày kể từ thứ sáu 24.5, cùng với nhiều doanh nhân Pháp trong các lĩnh vực kể trên.

Những tội ác ở trại nuôi dưỡng xã hội Nghệ An

LTS. Chúng tôi nhận được bài sau đây, đăng trên tuần báo Kinh doanh và Pháp luật của Hội Luật gia Việt Nam, số 12-96, tuần lễ 19.3-25.3.1996. Khó viết gì thêm. Người ta có thể nói, ở nước nào cũng có những kẻ sát nhân đáng ghê tởm. Song, có thể nào một tổ chức mang tính chất “ xã hội ”, lại của một nhà nước, có thể trở thành vô nhân tới mức đó mà vẫn tồn tại lâu dài như trường hợp nêu trong bài này ? Câu trả lời, như tác giả nêu cuối bài, thuộc về những nhà hữu trách Việt Nam.

Đàn áp và sỉ nhục trại viên

Khi vào sống trong Trung tâm bảo trợ xã hội Nghệ An, trại viên trở thành thân cô, thế cô. Cán bộ của trung tâm này đã tha hồ hành hạ, đàn áp và thậm chí còn dùng nhục hình đối với họ. Nhiều người đã phải tìm đến cái chết để thoát nợ đời.

Khi phát hiện ra sự tham nhũng của lãnh đạo Trung tâm bảo trợ xã hội Nghệ An, ông Nguyễn Văn Phụng, 70 tuổi, viết đơn tố cáo lên sở Lao động - thương binh - xã hội Nghệ An. Không được giải quyết, ông Phụng đã viết thư tuyệt mệnh rồi uống thuốc ngủ tự tử vào ngày 4.10.1991. Được cứu sống, ông Phụng viết đơn tố cáo tiếp. Sở Lao động - thương binh - xã hội giao cho ông Nguyễn Văn Minh, phó giám đốc sở, thanh tra, nhưng kết luận ngược lại với thực tế đang xảy ra ở trung tâm. Giám đốc Trung tâm còn đưa ông Phụng ra phê bình trong toàn trại. Ngày 3.10.1992, ông Phụng lại viết thư tuyệt mệnh và tự tử lần thứ hai.

Tháng 4.1993, ông Cấn Kim Tuyên cũng viết đơn tố cáo lên nhiều cơ quan ở địa phương và trung ương. Cũng lại ông Minh thanh tra và ra một văn bản, phần quan trọng nhất là “ ca tụng công đức ” của trung tâm. Lập lại bài bản cũ, giám đốc Nguyễn Văn Tư cho họp toàn trung tâm vào ngày 18.6.1994 để phê bình ông Tuyên. Hai ngày sau, Nguyễn Văn Tư cho họp hội đồng kỷ luật để đuổi ông Tuyên ra khỏi trại.

Có thể kể ra đây một số vụ điển hình về hành vi sỉ nhục, ngược đãi trại viên.

Thực hiện lệnh của Nguyễn Bình Thản, phụ trách sản xuất của trại, các ông Nguyễn Văn Bình, Đặng Quang Bát bắt ông Lê Văn Lạp nhốt vào nhà chứa củi. Ông Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Đình Sơn bắt ông Lê Văn Lam nhốt vào chuồng lợn. Lê Văn Đồng cũng nhốt bà Nguyễn Thị Biền vào chuồng lợn. Có lần bà Biền bị một số cán bộ của trung tâm trói vào gốc mít để đánh đập. Đồng còn nhốt ông Viêng bị mù hai mắt vào chuồng lợn.

Các cháu mồ côi được đưa vào trung tâm bảo trợ nuôi dưỡng. Tuổi thơ đã mất mát quá nhiều, lẽ ra ở đây các cháu được bù đắp. Nhưng ngược lại, các cháu tồn tại để làm bia hứng đòn của bọn quỷ dữ. Lê Văn Đắc, lái xe, nghi cháu Hà lấy cắp mỡ lợn. Thực ra cháu nhặt được ở gốc mít trong trại. Đắc dùng ngay mỡ lợn để đánh cháu. Nghi các cháu “ chơi bẩn ” lên mui xe ô tô, Đắc bắt các cháu Hà, Chiên, Chiến, Thắng, Tuấn xếp thành hàng một để đánh. Y sĩ Đặng Quang Bút đánh cháu Thoại thâm tím cả người, cháu Thoại phải ra dân xin thuốc bóp.

Những sự việc kể trên không thể được chấp nhận ở chế độ ta. Nhưng các sự việc đó chưa lột tả hết mức độ bị “ quỷ dữ hoá ” khi biến một đơn vị từ thiện thành địa ngục trần gian. Ông Đặng Đình Xuân vi phạm nội quy của trại, Nguyễn Bình Thản cho nhốt ông Xuân vào nhà 11 giam 3 ngày, 2 đêm liền. Giữa mùa đông rét mướt, ông Lê Văn Hậu một trại viên mang chăn cho ông Xuân đắp nhưng ông Bình cán bộ của trung tâm lấy đi. Ông Xuân phải chịu cho tắm thân già trơ trọi trên nền xi măng suốt thời gian bị giam giữ.

Nghiêm trọng hơn, Đặng Quang Bát nhốt ông Lê Văn Lạp vào chuồng lợn. Khi được thả, ông Lạp uất ức đập đầu vào tường tự tử nhưng không chết. Qua đêm, gần sáng ông Lạp dùng liềm cắt cổ tự tử. Trung tâm phát hiện đã không cho đi cấp cứu tuyến trên mà giữ lại tại phòng y tế của trung tâm. Đã thế, hộ lý vẫn đút cơm canh cho ông Lạp. Cơm và canh hoà vào máu chảy phòi ra ở cổ nơi cương họng bị đứt. Khi ông Lạp chết trung tâm ém nhem mang chôn, không báo cho cơ quan hữu trách.

Chia chết đã đem chôn

Ít nhất hai trường hợp đã được phát hiện, người chưa chết trung tâm bảo trợ xã hội đã mang đi chôn. Đó là trường hợp ông Nguyễn Văn Danh sinh năm 1912, quê ở Yên Sơn, Đô Lương, khi lâm bệnh nặng, có thể đã chết lâm sàng. Không cần xác định chính xác ông Danh đã chết thật chưa, các ông Nguyễn Thành Chi, Tống Kim Sắc, cán bộ của trung tâm đã vội vàng khâm liệm mang chôn. Khi dòng dầy hạ quan tài xuống huyệt, nhiều người nghe có tiếng lục cục trong quan tài. Nâng quan tài lên, đưa vào bụi cây để cây nắp quan tài ra, ông Nguyễn Thành Chi còn nói : “ Cụ còn trần trối gì không ? Nếu không, cụ đi cho khoẻ ! ”.

Trường hợp thứ hai là bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1903 ở thành phố Vinh, khi còn thở đã bị khâm liệm đưa vào quan tài. Ông Thư, thương binh sống gần trại giúp việc mai táng phát hiện bà Thanh chưa chết đã nói : “ Người ta chưa chết đã đóng nắp quan tài ”. Chồng của bà Mùi, y tá của trung tâm là ông Lưu cũng đến giúp việc mai táng, nói : “ Dượng đừng nói đại, bày tôi đã mần nhiều ca như thế này rồi ”.

Nếu như lời của ông Lưu là chính xác thì Trung tâm bảo trợ xã hội Nghệ An không chỉ chôn sống hai người kể trên.

Ngoài những tội ác nói trên, một số cán bộ chủ chốt của trung tâm còn có hành vi tham nhũng (...), khi bị tố cáo, bọn họ càng gia tăng đàn áp những người tố cáo.

Ai chịu trách nhiệm về những tội ác này ?

Hàng chục năm, Trung tâm bảo trợ xã hội Nghệ An liên tục có nhiều hoạt động trái pháp luật, xâm phạm lợi ích nhà nước và quyền lợi của trại viên. Đã năm năm, đơn thư tố cáo của các trại viên gửi lên các cơ quan hữu trách của địa phương, thậm chí có trường hợp phải dùng cái chết của mình để tố cáo, nhưng tiếng kêu cứu đã không thấu trời !(...)

Có căn cứ để xem xét trách nhiệm (của những người trách nhiệm trung tâm) về hàng loạt tội phạm : Tham ô, lập quỹ trái phép, hành hạ người khác, bức tử, không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, không tố giác tội phạm, xâm phạm quyền khiếu nại tố cáo của công dân, giết người.

Dư luận mong chờ câu trả lời của các cơ quan hữu trách.

Trần Quang Vũ

Đại hội 8...

(tiếp theo trang 1)

(xem Diễn Đàn số 48), mà là việc nó được biến thành tài liệu bí mật nhà nước để bắt giam các ông Lê Hồng Hà và Hà Sĩ Phu (tức Nguyễn Xuân Tú) với tội danh *tán phát / chiếm đoạt bí mật nhà nước*, gây ra một bầu không khí khủng bố, ngăn cấm mọi cuộc thảo luận dân chủ về đường lối xây dựng đất nước (xem khung kèm ở dưới, về chỉ thị mật của ông Đào Duy Tùng). Không khí xã hội trở thành nặng nề hơn với chiến dịch *thanh lọc văn hoá* đốt sách, đốt băng (một dịp để vãi văn nô hạng B trên báo *Công an Thành phố* ân oán giang hồ với một số tác phẩm và tác giả văn học), bôi xoá bằng quảng cáo ngoại ngữ (một trong những nguyên nhân khiến số vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong 4 tháng đầu năm giảm hẳn so với năm ngoái). Trong bầu không khí phi dân chủ bao phủ toàn bộ xã hội (ngoài đảng và trong đảng), cuộc tranh luận về đường lối, nếu có, chỉ còn có thể diễn ra ở trên chóp bu, nơi thâm cung của quyền lực.

Song, như đã được phân tích trên báo này (xem bài Hải Vân, *Vậy mà không phải vậy*, số 51), các văn kiện chuẩn bị ĐH8 không vạch ra được một đường lối nào (dù là đường lối bảo thủ), mà chỉ là một chuỗi dài văn bia (mà tiếng Việt... kiểu gọi là *lưỡi gổ*), trong đó những cụm từ *định hướng xã hội chủ nghĩa*, *vai trò chủ đạo của khu vực quốc doanh*, *chủ nghĩa tư bản nhà nước*... được cắt ra từ kinh điển mác-xít thành những hình lá nho để che đậy cho một cuộc tranh giành quyền bính rất ư trần tục.

Diễn hình nhất là bài viết trên Tạp chí Cộng sản số tháng

12.95 ký tên Nguyễn Hà, nhằm chống lại luận điểm của thủ tướng Võ Văn Kiệt bằng một chuỗi thần chú *hai phe, bốn mầu thuẩn.... đổi mới mà không đổi màu...* Ý nghĩa duy nhất của bài báo đăng trên *tạp chí lý luận trung ương* của ĐCS không nằm trong nội dung, mà ở cái bút hiệu : Nguyễn Hà. Thêm một chữ Phan, là người ta đọc ra tên họ một ngôi sao sáng của phe bảo thủ, uỷ viên Bộ chính trị, Ban bí thư, Trưởng ban kinh tế Trung ương, Phó chủ tịch thứ nhất Quốc hội : Nguyễn Hà Phan.

Nhân vật này, trước khi vào Bộ chính trị (tháng 1.1994), đã nổi lên từ mùa xuân 1990 như ngọn cờ chống lại mọi sự chệch hướng trong vụ cách chức ông Trần Xuân Bách (chiều hôm trước của Đại hội 7). Từ hơn một năm nay, Nguyễn Hà Phan được giới cung đình coi như ứng cử viên của phe bảo thủ vào chức thủ tướng (thay ông Võ Văn Kiệt). Gần đây hơn, khả năng làm tổng bí thư (thay ông Đỗ Mười) của ông được nêu lên trong một kịch bản *trở hoá* Bộ chính trị, với một *xác suất (probabilité)* rất cao, nhất là trong bầu không khí chính trị nặng nề đã nói ở trên.

Với những người quá tin vào những *thông tin miệng bắt nguồn từ thâm cung*, thì việc khai trừ ông Nguyễn Hà Phan ra khỏi ĐCS tại cuộc họp Trung ương giữa tháng 4.1996 (xem khung trang bên) quả là một bất ngờ, tưởng có thể đảo lộn tương quan lực lượng, cũng như trước đó, đọc văn kiện chuẩn bị ĐH8 một cách thật thà, có người tưởng rằng phe bảo thủ đã thắng thế.

Sự bất ngờ thật ra rất tương đối : những nghi vấn về trách nhiệm của ông Nguyễn Hà Phan trong cái chết của những

cấm thì cú cấm...

Chỉ thị “MẬT” số 67-CT/TW của Ban bí thư Trung ương ĐCSVN tuy đề ngày 1.4.1996 nhưng không phải là một con cá thối tư. Mang chữ ký của ông Đào Duy Tùng, uỷ viên Bộ chính trị và Ban bí thư, tài liệu có một cái tên dài : *Chỉ thị về việc tăng cường chỉ đạo, quản lý, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch dùng phương tiện thông tin, điện tử để chống phá ta*.

Mở đầu, bản chỉ thị viết : « Gần đây từ nước ngoài, chúng chuyển nhiều tài liệu có nội dung xuyên tạc, chống đối chế độ đến thẳng một số cơ quan, khách sạn và cá nhân (...) thông qua các kênh thông tin liên lạc như điện thoại, fax, bưu phẩm, bưu kiện và cả các kênh thương mại như gửi trong các thùng hàng, container... Càng gần đến Đại hội VIII của Đảng, chúng càng chống phá ta ráo riết hơn, cả về đường lối và về nhân sự Đại hội. Trong khi đó, nhiều cơ quan, tổ chức của ta lại sơ hở trong việc quản lý tài liệu, quản lý các phương tiện thông tin liên lạc... ».

Tiếp theo, là một loạt những biện pháp, như :

1. “Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động in ấn, báo chí, xuất bản, thông tin, văn hoá phẩm, không để xảy ra những sơ hở, sai sót...”.
2. Bộ ngoại giao, Bộ văn hoá thông tin và thông tấn xã, báo chí phải “quản lý chặt chẽ các phóng viên nước ngoài

hoạt động ở Việt Nam”.

3. Các cơ quan Hải quan, Bưu điện, Văn hoá... phải “tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn”.

4. Bộ văn hoá thông tin, Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Tổng cục bưu điện, Thông tấn xã Việt Nam và Đài truyền hình Việt Nam phải “khẩn trương đánh giá tình hình và có kiến nghị các biện pháp quản lý nhà nước chặt chẽ đối với việc sử dụng điện thoại, fax, các kênh truyền hình, TVRO, kết nối mạng thông tin Internet...”.

5. “Khẩn trương rà soát (...) các quy chế bảo mật và bố trí cán bộ có liên quan đến lưu giữ, sử dụng tài liệu mật”.

6. Sớm “ban hành nghị định về quản lý thông tin, (...) các hoạt động mua tin và phóng vấn trên đất Việt Nam”.

7. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban ngành và cơ quan trung ương “khi phát hiện có tài liệu phản động hoặc tài liệu mật phát tán phải thu hồi và báo cáo về Ban bí thư”.

Lời bàn của người đánh máy :

Văn phong *tương-cà-mắm-muối* của chỉ thị thể hiện một tâm lý bất lực tỉ lệ thuận với ý muốn bóp, siết, chặn của cái thời mà một chiếc máy chữ Remington trước đại chiến I cũng phải đăng ký ở đồn công an. Có điều, bây giờ là thời đại ra đầu ngõ có thể photocopie 4 trang sách in giá 250 đồng (0,11F). Có cần nói thêm : theo nhiều nguồn tin, lá thư của ông Võ Văn Kiệt (tài liệu quốc cấm) lại do chính người chiến hữu của ông Đào Duy Tùng là ông Nguyễn Hà Phan (vừa bị khai trừ vì tội quá khứ) phổ biến.

đồng chí của ông khi ông bị chính quyền Diệm bắt giam (từ 1959 đến 1963) đã được nêu lên từ lâu, rồi được những cơ quan điều tra minh giải. Song từ một năm nay, ở nhiều tỉnh miền tây và đông Nam Bộ, một số cán bộ lão thành, cựu chiến binh đã làm sức ép đòi thẩm tra trở lại. Theo nhiều thông tin hội tụ, thì ông Đỗ Mười đã đích thân chỉ đạo một cuộc điều tra mới, cuối cùng đã tìm ra những bằng chứng khiến ông Nguyễn Hà Phan, trong một cuộc họp đầy kịch tính, đã phải thừa nhận. Trước tình hình đó, phe bảo thủ cũng đã bỏ phiếu khai trừ người phát ngôn năng nổ của mình. Mất đi một thành viên, chưa hẳn mọi người trong phe này đã buồn bã, vì tham vọng của ông Phan chắc cũng đã làm phiền lòng những người tự thấy mình đủ tiêu chuẩn làm tổng bí thư.

Về phần giới lão thành và cựu chiến binh đã buộc lãnh đạo ĐCS phải điều tra trở lại, có thể giả định rằng ý muốn sòng phẳng với quá khứ không mâu thuẫn với một mong muốn khác : chặn đường một nhân vật bảo thủ hung hăng, mà dường như những lời cao đạo về chủ nghĩa xã hội lại đi đôi với vụ bê bối Tanimex đang làm chấn động dư luận.

Bất luận thế nào, với vụ Nguyễn Hà Phan, khối tư tưởng trong ĐCS đã mất đi một thành viên đặc lực, uy tín vốn mỏng manh càng trở thành thảm hại. Điều này cất nghĩa tại sao, trong các cuộc họp phổ biến cho các cấp về quyết định khai trừ, những quan chức của khối này không quên vớt vát : “ Tuy nhiên, đồng chí Nguyễn Hà Phan đã có công xây dựng bản dự thảo báo cáo chính trị trước ĐH8 ”. E rằng sự vớt vát này sẽ có tác dụng ngược lại : chiếc lá nho tu tưởng nếu không cuốn theo cơn gió Nguyễn Hà Phan thì cũng sẽ mất thiêng.

Điều chắc chắn là trong mấy tuần còn lại, những tiếng đồn sẽ được tung ra, gắn liền tên tuổi nhân vật này với vụ

tham ô kia, con ông này đâm chém con ông nọ trong một đêm say máu cờ bạc,... nhằm loại trừ những ứng cử viên không cùng phe cánh. Đấu tranh chính trị chỉ có thể biến thành phường tuồng khi không có tranh luận dân chủ về đường lối.

Rồi bức màn sẽ hạ xuống. Trên sân khấu chính trị Việt Nam đầu tháng 7.96 này, quyền lực chính trị sẽ về tay những ai ? Các nhà Hà Nội học lão thành hay tập sự ít nhất cũng đã học được một bài học từ quá khứ : không ai dám đưa ra những lời tiên đoán.

Tuy nhiên, những nhà quan sát có chút ít hiểu biết về tập tục của Khu Ba Đình đều cho rằng : trong tình hình hiện nay, tương quan lực lượng giữa các xu hướng về cơ bản vẫn không thay đổi. Sẽ không có phe nào thắng dứt điểm, cũng không phái nào sẽ bị gạt ra.

Trong thế cân bằng không ổn định ấy, hai kịch bản về nhân sự có thể diễn ra :

– Một là để bảo đảm sự liên tục rất cần thiết sau một cơn sóng gió cung đình, các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt tiếp tục ở lại vị trí cũ, ít nhất tới Đại hội bất thường họp giữa nhiệm kỳ (cuối 98, đầu 99)

– Do sức ép đòi trẻ hoá lãnh đạo (sức ép này đã thể hiện khá rõ tại đại hội các đảng bộ, như ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, xem tin ở dưới), ba vị trên trở thành cổ vắn, và được thay thế bằng một bộ ba khác, ít tuổi hơn, song nhất thiết thành phần bộ ba phải thể hiện thế cân bằng hiện có, và, theo đúng truyền thống của một nhà nước chưa thật sự thống nhất, nó phải có tính “ cơ cấu ” (có Bắc, có Nam, có Trung, thậm chí có người dân tộc...).

Bất luận thế nào, thì ĐCS sau Đại hội 8 vẫn phải đứng trước những vấn đề cơ bản về đường lối : cải tổ cơ cấu kinh tế, hành chính, chính trị... mà bức thư của ông Võ Văn Kiệt mới chỉ nêu ra một vài nét. Mọi sự trì hoãn kéo dài sẽ đe dọa mức độ tăng trưởng hiện nay, ảnh hưởng tai hại tới triển vọng phát triển đất nước và đẩy tới một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng.

Phong Quang

thông báo MẬT

Ngày 27-4-1996, Thành uỷ TP. Hồ Chí Minh của ĐCS đã phổ biến “ đến chi bộ, **không công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng** » một bản thông báo nội bộ (số 267/TB-TU). Toàn văn bản thông báo :

« Ngày 25-4-1996, Ban Bí thư Trung ương Đảng có thông báo như sau :

Ngày 17-4-1996, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã ký quyết định của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc thi hành kỷ luật đối với đồng chí Nguyễn Hà Phan, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.

Căn cứ vào điều lệ Đảng, sau khi xem xét báo cáo thẩm tra, xác minh của Ban Bảo vệ Chính trị Nội bộ Trung ương, ý kiến của đồng chí Nguyễn Hà Phan và tờ trình của Bộ chính trị, Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành Trung ương khoá VII nhận thấy : Trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, khi bị bắt, bị tù, đồng chí Nguyễn Hà Phan không giữ vững được khí tiết của người Cộng sản, đã khai báo với địch nhiều cơ sở cách mạng và sau khi ra tù, từ năm 1964 đến nay, không báo cáo đầy đủ với Đảng về những sai lầm của mình. Sai lầm của đồng chí Nguyễn Hà Phan là nghiêm trọng. Ban chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thi hành kỷ luật với đồng chí Nguyễn Hà Phan bằng hình thức khai trừ. »

tin ngắn tin ngắn tin ngắn tin ngắn

Cuối tháng 5.96, đại hội đảng bộ của ĐCS tại các tỉnh thành đã họp xong, để bầu các ban chấp hành đảng bộ địa phương và cử đoàn đại biểu tham gia ĐH8.

Tại Hà Nội, ông Lê Xuân Tùng (nguyên trợ lý của TBT. Nguyễn Văn Linh) được bầu làm bí thư thành uỷ (thay thế ông Phạm Thế Duyệt). Có 3 phó bí thư : Hoàng Văn Nghiên (chủ tịch Uỷ ban nhân dân), Phạm Lợi và Trần Văn Tuấn.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, ông Trương Tấn Sang (chủ tịch UBND) được cử làm bí thư, thay thế ông Võ Trần Chí. 3 phó bí thư : Vũ Văn Cường, Phạm Chánh Trực, Võ Việt Thanh. Ngoài ông Võ Trần Chí, 9 nhân vật chủ chốt khác của thành uỷ (Hai Tân, Bảy Dự,...) không được bầu lại với lý do chính thức là tuổi cao (trên 60). Ban thường vụ thành uỷ còn có 9 người : Huỳnh Đảm, Trần Văn Đông, Lê Thanh Hải, Bùi Quốc Huy (giám đốc công an mới), Đoàn Lê Hương, Hoàng Thị Khánh, Đoàn Văn Khuy, Phan Trung Kiên, Trần Văn Tạo.

HỒI KÝ TRẦN THƯ

Lời nói đầu

Tôi viết cuốn sách này vì nghĩ rằng mình đã may mắn được sống những hoàn cảnh mà ít người được sống, không viết ra thì thật phí của trời.

Tôi muốn viết thành một cuốn tiểu thuyết vì đủ chất liệu cho một cuốn tiểu thuyết. Nhưng trong đời tôi chưa viết cuốn tiểu thuyết nào, cho nên nếu viết chắc chắn phải cần thời gian. Mà tôi thì không còn thời gian. Tôi bị bệnh ung thư, sống chết không biết thế nào, đành chọn cách viết kể chuyện thật, tuy cũng có cái phiền của nó nhưng có thể nhanh hơn, may ra kịp.

Hy vọng rằng :

Lời quê chấp nhặt đông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh

Một ngày tháng 6 năm 1973, tại trại giam quân sự Trung ương ở Bất Bạt, Sơn Tây.

Tôi quay lại nhìn một lần chót ngôi nhà nhỏ giam tôi. Đó là một ngôi nhà vuông, nom như cái chòi canh đề, đủ cho một người ở, kê một giường cá nhân, một bàn viết kèm theo ghế tựa, trên giường có giá xích đông để đặt các đồ linh tinh. Nhà có hai cửa sổ, xây trên sườn đồi thoải thoải, trước nhà là sân và vườn rộng khoảng một sào, có giếng nước trong leo lẻo với con cá lội tung tăng, có chuồng gà ghép bằng thân cây sắn, có hồ vệ sinh.

Bên ngoài, dưới chân đồi là ruộng lúa và xa xa mấy ngọn đồi thông. Ngồi trước cửa sổ nhìn ra sân thấy một bụi hồng lớn, hoa lá um tùm, cao hơn đầu người, do ai bị giam ở đây trước tôi đã trồng. Không rõ loại hồng gì mà hoa chỉ nhỏ bằng những bông nhài lớn, nhưng nhiều lớp cánh đỏ chót, rất đẹp, và chỉ chít hàng trăm, mấy trăm bông. Bao nhiêu buổi chiều xuống, tôi đã đứng ngắm bụi hồng này hồi lâu, chọn xem bông nào là Thuý Kiều, bông nào là Thuý Vân.

Đại để là một ngôi nhà kẻ sĩ ở ẩn, trong đó anh muốn làm gì thì làm. Một ngôi nhà ở ẩn, nếu không có cái hàng rào dây thép gai ken lẩn với mấy hàng cây sắn cao rậm rạp, và nếu

ban đêm cửa buồng không bị khoá trái. So với tất cả những nơi tôi bị giam giữ trước đó thì đây quả thật là một nơi không dám mơ ước.

Sáu tháng trước khi được chuyển từ trại giam Tân Lập, Yên Bái, về đây, tôi đã ngạc nhiên một cách thú vị. Nhưng chỉ một tuần sau là mọi sự đã rõ : gia đình tôi lên thăm, báo tin một số anh em đã được về. Vậy là tôi cũng sắp được về. Và đây là nơi tôi được chuẩn bị để làm quen dần với tự do. Thực là chu đáo quá ! Nếu dùng một cái được thả ra khỏi cồng nhà tù, khéo tôi hoá rồ mất thật. Và đây cũng là nơi để người ta vỗ béo cho tôi (tất nhiên là bằng tiền của vợ con tôi) trước khi tôi được cho về triềng làng triềng nước. Vì ở đây gia đình được đi thăm nom tiếp tế thoải mái. Chỉ sợ không có sức.

Vậy là một lần chót tôi quay lại nhìn từ biệt ngôi nhà nhỏ đã chứng kiến bao nhiêu tâm tư của tôi, rồi bước đi theo người quản giáo. Tôi mặc bộ quần áo tù nhuộm chàm, đầu đội nón, vai gánh chiếc ba lô lính và đeo đặc lĩnh kính (nồi niêu chai lọ hộp...) treo lủng lẳng hai đầu chiếc đòn gánh làm bằng cành cây, tay trái xách chiếc bu gà có một con gà mái đã đẻ ba bốn lứa mà bà mẹ vợ tôi đã đem đến tiếp tế cách đây mấy tháng để nó làm bạn với tôi trong cảnh cô quạnh. Bây giờ trông thấy tôi trong bộ dạng này chắc bà phải cười ra nước mắt.

Người quản giáo dẫn tôi loanh quanh đường đồi đến một gian nhà khác, bảo tôi đặt đồ lễ vào góc, và chỉ cho tôi ngồi vào bên bàn, ở đó đã có ba người — hai cán bộ chấp pháp của bộ Công An và một trung tá của Cục bảo vệ Quân đội, ngồi chực sẵn.

Một trong hai người kia mở đầu :

— Chắc anh đã rõ hôm nay anh được gọi ra đây để làm gì ?

Tôi gật đầu : Có.

Rồi ông ta đọc cho tôi nghe liền một lúc bốn cái lệnh :

Lệnh thứ nhất : lệnh tạm giam Trần Thư 3 năm vì tội chống Đảng, ký tháng 12-1967.

Lệnh thứ hai : lệnh tạm giam thêm 3 năm, ký 3 năm sau, tức 1970.

Lệnh thứ ba : lệnh tạm tha, ký mấy ngày trước đây.

Đến đây thì kèm theo lời giải thích :

— Như thế là anh được về sớm 6 tháng so với thời hạn. Đó là do chính sách khoan hồng của Đảng và do anh cải tạo tốt.

Cuối cùng là lệnh thứ tư : lệnh quản chế ba năm lao động cải tạo tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, ký cùng ngày với lệnh tạm tha.

Tôi có vài ý nghĩ :

Một là : tất cả các lệnh trên đây, cùng với lệnh bắt tôi trước kia và các lệnh khác sau này, tôi chỉ được đọc cho nghe qua một lần, không được cầm đọc, càng không được có một bản sao gửi cho đương sự để thi hành, cho nên tôi không nhớ được cụ thể ngày ký và người ký. Hình như người ta không

Tên tù xử lý nội bộ

Những trang này được trích từ tập hồi ký *Câu chuyện của một tên tù xử lý nội bộ*. Tác giả là nhà báo Trần Thư, đảng viên, tham gia quân đội trong cuộc Kháng chiến lần thứ nhất, sau 1954 biên tập viên báo Quân đội Nhân dân.

Ông bị bắt từ tháng 12-1967 trong vụ “ xét lại chống Đảng ”, tổng cộng 6 năm tù, 3 năm quản chế.

Tập hồi ký này, ông viết xong năm 1995, khi đã bị ung thư nặng.

muốn tôi có được bất cứ một thứ giấy tờ gì làm bằng chứng cho việc tôi bị bắt.

Hai là : tôi có cảm tưởng cả bốn lệnh trên đây đều được ký cùng một lúc, một ngày, nhưng lại đề ngày tháng khác nhau. Nếu không thì tại sao một lệnh ký cách đây 5 năm rồi lại phải đợi đến bây giờ mới được đọc cho dương sự nghe để thi hành ?

Ba là : tất cả đều là tạm. Tạm giam, nghĩa là không xét xử, không có án, không có thời hạn, nếu cần thì tạm giam thêm, không cần nữa thì tạm tha, nghĩa là không tha hẳn, có thể hiểu là : được cho về thì “ tăng lương ” (attention), vớ vẩn là ông bắt lại.

Bốn là : một cơ quan Nhà nước là Bộ Công an lại bắt giam người vì tội chống Đảng, và tha người cũng vì chính sách khoan hồng của Đảng. Tất cả các thủ thuật để làm cho việc bắt bớ tôi có vẻ hợp hiến ấy, tôi thấy nó lủng cả lủng củng quá ! Nhưng những ý nghĩ ấy là mãi về sau này, ngồi nghĩ lại tôi mới nảy ra dần dần. Chứ ngay lúc đó thì những cảnh hiện ra trước mắt tôi, những câu nói lọt vào tai tôi rồi lại biến đi đâu mất, tôi đâu có để ý đến.

Chỉ có một ý nghĩ : Tự do ! Tự do !

Người tôi cứ bàng hoàng, nhẹ như bấc. Và tất cả những gì đã xảy ra với tôi trong những năm tháng vừa qua bỗng trở thành một quá khứ xa xăm.

Lúc ấy tôi đã quên sạch.

Quên rồi, những đêm giá rét nằm trong xà lim Hoả Lò, nghe tiếng chuông xe điện leng keng từ phía Cửa Nam vọng lại mà có cảm tưởng như nằm dưới đáy mồ lạnh lẽo nghe tiếng động của trần gian vọng xuống.

Quên rồi, những đêm tháng sáu, cũng vẫn cái xà lim Hoả Lò rộng vài mét vuông ấy với một cửa sổ thông hơi sắt trần cao năm mét. Tiếng bay rào rào của hàng trăm con muỗi to bằng con ruồi. Chiếc màn ngủ bằng vải xô bí rì, dính màn còn phủ kín quần áo để che bớt cái ánh đèn điện 100 oát quái ác ở trên trần cứ chiếu xoáy vào mắt. Và bên trong cái lồng ấp ấy, tôi nằm trần truồng, vật vã trên sàn xi măng nóng hổi và nhầy nhụa mồ hôi chảy ròng ròng từ khắp người tôi xuống. Cảm giác mình như con lợn lặn lộn trong cái chuồng đầy cứt dái.

Quên rồi, những buổi bức cung đáng sợ. Suốt hai tháng trời chỉ có đọc một câu hỏi : “ Hoàng Minh Chính đã ra lệnh cho anh hoạt động những gì trong quân đội ? ”, có lúc đổi thành : “ Hoàng Minh Chính đã truyền đạt cho anh những chỉ thị gì của Liên Xô về hoạt động ở trong quân đội ? ”, hoặc đủ dằn hơn : “ Liên Xô đã chỉ thị cho anh hoạt động những gì trong quân đội ? ”.

Nếu chuyện đó có thật thì chắc là tôi đã khai ra hết rồi. Vì sau chín tháng trời bị quần như thế, người tôi đã nhão hết. Và lại... “ Đảng hỏi anh cơ mà, Đảng mà anh đã hy sinh cả thời trai trẻ của mình cho nó, Đảng đầy tình thương yêu đồng chí, chỉ mong anh trút bỏ tội lỗi đi thì sẽ tha thứ cho anh, Đảng chỉ muốn cứu vớt anh. Anh khai mau cho xong đi, để về. Về cho chị ấy đi học bác sĩ chứ, cơ quan chị ấy định bố trí cho chị ấy đi học lớp bác sĩ mà. Về mà chăm lo con cái chứ mặc cho một mình chị ấy hay sao ? Và còn tương lai của anh nữa, anh là một cán bộ trẻ có năng lực...”.

Đúng là nếu chuyện mà người ta muốn tôi khai ra là có thật thì chắc chắn tôi đã khai ra hết. Nhưng chuyện đó không

Diễn Đàn trên INTERNET

Kể từ nay, bạn đọc có thể liên lạc với Diễn Đàn qua địa chỉ điện tử (E-mail)

106032.1560@compuserve.com

Chúng tôi cũng dự định xuất bản một bản thông tin điện tử miễn phí dành cho những bạn đọc có địa chỉ điện tử. Bản tin này không định kỳ, sẽ phát hành trên internet theo yêu cầu của thời sự Việt Nam. Để nhận được bản tin này, bạn chỉ cần gửi điện thư về địa chỉ nói trên, cho biết tên họ và địa chỉ điện tử của bạn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng đang nghiên cứu đưa nguyệt san Diễn Đàn lên mạng Web để bạn đọc ở xa có thể tham khảo nhanh lẹ.

hề có và tôi còn đủ tỉnh táo và lương tâm để không đem đặt điều gì cho ai. Nhưng trình bày như thế nào thì cái ông Nhuận có bộ mặt lăm lăm lì da sát tận xương kia vẫn nhất định không tin. Và tiếp theo những lời dỗ dành ngon ngọt là một cái đập bàn : “ Anh định chết rũ xương trong tù hay sao mà không chịu khai ? ” Tôi ngồi đó, lòng đầy tuyệt vọng, nước mắt chỉ muốn ứa ra và óc lộn vồn một ý nghĩ : có nên lao ra đập đầu vào cái ô cửa kính kia hay không ?

Bao nhiêu cay đắng, bao nhiêu ê chề, bao nhiêu cơ cực, bao nhiêu oán hờn nặng trĩu hai vai !

Nhưng lúc này đây tôi đã quên sạch. Tôi cứ ngồi đó, người lằng lằng, miệng mỉm cười.

– Anh chú ý là về địa phương tình hình phức tạp, có những kẻ xấu, đừng để họ lôi kéo.

Câu nói ấy của một trong hai người cán bộ chấp pháp kia làm tôi bưng tỉnh. Và bất ngờ tôi bật ra một câu đối đáp :

– Các anh coi thường tôi quá ! Chẳng gì tôi cũng là một tên phản cách mạng cỡ kha khá, lại để mấy anh tề ngụy ở xã lôi kéo hay sao ? Tôi tha lôi kéo họ thì thôi chứ !

Nói câu ấy là tôi muốn ám chỉ cái lệnh bắt tôi trong đó gọi tôi là “ tên phản cách mạng Trần Thư ”. Và cũng ám chỉ cả cái “ Sắc lệnh trừng trị phản cách mạng ” đầy những điều khoản mơ hồ mà năm 1967 ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua vội để làm cơ sở pháp lý cho việc bắt bớ chúng tôi. Và trong quá trình hỏi cung, người ta không đánh giá tôi là cái gì khác ngoài cái là phản cách mạng, phản động, phản quốc, phản dân, phản Đảng, tóm lại là ngũ phản.

Nhưng nói câu ấy tôi cũng nói một cách vui vẻ, như một câu pha trò. Tôi tưởng họ sẽ phản ứng. Ngờ đâu họ cũng cười, chắc là thấy câu pha trò có duyên.

Một không khí thật là hồn nhiên vui vẻ.

Lát sau người ta bảo tôi ra xe. Anh trung tá Cục bảo vệ sẽ áp tải tôi về Phù Cù. Tôi định ra lấy đồ lễ thì anh ta ngăn tôi lại, ôn tồn nói :

– Anh cứ ra xe, đồ lễ để đấy tôi bảo anh em cảnh vệ mang đỡ ra cho.

Quả thật hôm nay, người với người là... bạn.

Tôi hăm hở bước ra xe com-măng-ca, hùng dũng như một vị thủ trưởng. Bỗng từ một ngọn đồi xa xa, vẳng lại một tiếng con gái trong trẻo :

– Hồ lô, hồ lô, lắng tai nghe tiếng ai...

Tiếng hò của các cô gái dân công trên đường đi chiến dịch năm nào ! Tôi đứng sững lại. Và nước mắt cứ thế trào

ra, trào ra, không tài nào ngăn được. Còn miệng thì cười. Một nụ cười thâm.

(...)

Nó [con gái tác giả, *chú thích của DD*] bị đuổi học ở trường nhạc ít lâu thì tôi bị bắt. Vợ tôi vào thăm kể chuyện nó đi học văn hoá bị bạn nào chơi ác dẫn trộm vào lưng nó tờ giấy có mấy chữ “con việt gian” đeo một lúc lâu thấy ai nhìn mình cũng cười mỗi biết. Về nhà nó kể, khóc sung cả mắt. Suốt mấy năm phổ thông còn lại, biết thân biết phận, nó “phấn đấu” để được vào đoàn, ra sức học tập và lăn lộn mọi công tác xã hội của trường. Bạn bè thông cảm muốn kết nạp nó lắm, nhưng ai cho kết nạp. Tốt nghiệp phổ thông xong, nó nộp đơn thi vào đại học tổng hợp văn, không được học nhạc thì học văn vậy. Vì nó cũng rất thích văn, đã thử viết truyện ngắn, làm thơ, và mỗi lần trường diễn kịch đều nhảy lên sân khấu thủ một vai.

Khổ thân nó, ai để cho vào học mà thi ! Nếu tôi ở nhà thì tôi sẽ thuyết phục được nó, còn mẹ nó thì không can nổi : nó cứ nhất định tin rằng một khi nó mong muốn mãnh liệt như thế thì không có chú nào nỡ gạt bỏ nó, nhất là nếu nó đỗ điểm cao. Nó đã đỗ điểm cao thật, được ban tuyển sinh xếp vào danh sách cho đi học Cộng hoà dân chủ Đức. Danh sách đưa lên trên thì nó bị gạt : lý lịch xấu. Không những không được đi CHDCĐ, mà còn không được nhận vào học ở Đại học tổng hợp. Nó đã lộn cổ rơi từ trên trời rơi xuống. Rơi tự do.

Hồi ấy trong giới học sinh có câu vè : *Thứ nhất học Y, thứ nhì vào Dược, Bách khoa tạm được, Sư phạm vút đi.*

Đối với con cái bọn xét lại thì cả cái thứ nhất, thứ nhì, đến cái tạm được lẫn cái vút đi đều là những chỗ chúng bị cấm cửa. Chúng bị cấm cửa toàn bộ những trường dạy khoa học xã hội và các trường *trọng điểm* của khoa học tự nhiên.

Học Văn chúng có thể làm thơ văn phản động.

Học sư phạm chúng có thể lợi dụng bực giảng nhà trường làm hư hỏng học sinh.

Học ngoại ngữ chúng có thể làm gián điệp.

Học được chúng có thể bỏ thuốc độc vào thuốc men.

Học địa chất chúng có thể nắm được tiềm lực quốc gia, và đi lang thang khắp đất nước, chúng có thể gây cơ sở lập chiến khu.

Học kiến trúc chúng có thể phá hoại các công trình xây dựng.

Học lý hoá chúng có thể sản xuất bom.

V.v... và v.v...

Dành cho chúng còn mấy trường : nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thể dục thể thao, học thì học chẳng học thì dừng.

Thế là đồ hăn hoi mà nó phải đi đan len. Năm sau, người ta cứu vớt nó, xếp cho nó vào trường Đại học xây dựng vừa học vừa làm, mới mở thí điểm khoa đầu. Một năm học lý thuyết vài tháng, còn lại là ra công trường gánh gạch, đẩy xe bò, đánh vôi, đánh vữa. Nhà trường tuyên bố thẳng thừng : học trường này chỉ có hai loại người, một loại lý lịch tốt thì học dứt, loại thứ hai học giỏi thì lý lịch xấu, các anh các chị biết thân thì liệu mà phấn đấu.

Công trường làm thông lùm, đến trưa mấy đứa con gái lại rủ nhau vác cà mèn cơm nguội rúc vào giữa mấy đồng gạch ngồi ăn và nghỉ trưa một tí : mùa hè là để tránh nắng, mùa

đông để tránh gió, mùa nào thì cũng để tránh sự trêu chọc cột nhà của đám thanh niên công trường. Nó kể : mùa hè nắng chang chang, đứng trên cầu vôi, hoa mắt chóng mặt tưởng như muốn nhào xuống hố. Người ta đã coi nó là không đủ sức để học nhạc, nhưng đủ sức để làm công việc phu hồ.

Học đến năm thứ ba thì bị khai huyết, nó đành phải bỏ. Thế là mất toi ba năm nữa, thành bốn. Bốn năm của cái tuổi ước mơ và hy vọng. Nhưng nó còn đủ nhiệt tình, nói cho đúng hơn là đủ sự bướng bỉnh để thua keo này bày keo khác, cho tròn quá tam ba bận. Năm sau nó lại thi vào một lớp đào tạo nữ hộ sinh. Lại đổ. Đời học trò của nó thi đâu đổ đấy, và đổ điểm cao.

Nhưng người ta cũng lại không nhận nó vào học. Người ta sợ con cái phản động dễ để cho nhân dân thì sẽ bóp chết con cái của nhân dân. May mắn là lúc ấy tôi ra tù. Chạy chọt, khiếu nại, kiện cáo lung tung, lên Bộ công an, lên Ban tổ chức Trung ương. Rồi cuộc người ta cũng thương tình để cho nó vào học. Cuộc đời nó quấy mãi cuối cùng cũng thành được một cô y tá đỡ đẻ.

Nhưng đến đây thì nó không còn hoài bão gì nữa, chỉ cốt sao ngày hai buổi đến làm việc không để ai chê trách là được. Và đến đây hậu quả của mấy năm công trường càng rõ. Mấy đợt nằm bệnh viện lao. Vài ngày lại một lần nó ngồi gục xuống cổng học ra hàng bát máu. Đó cũng còn là hậu quả của một thời kỳ, khi tôi còn ở trong tù, mấy mẹ con phải lần lượt thay phiên đi bán máu nuôi nhau. Bán máu đến nổi con gái đang thì mà người xanh rớt. Người ta xì xào : chắc là nó phá thai ! Nhưng dẫu sao như thế vẫn còn là mừng lắm : bao nhiêu khát vọng tan tành, vậy mà nó không phát rồ phát dại, không buông thả, không phá phách. Nếu nó rồ dại hoặc phá phách thì còn khổ biết đến chừng nào.

Bây giờ nó đã có đứa con gái lên tám, học lớp ba, giống mẹ hồi bé như đúc. Trong một buổi sinh hoạt lớp, cô giáo bảo bạn nào có tiết mục thì lên bục trình bày cho cả lớp nghe. Con bé giơ tay xin lên... đọc Kiều. Đọc khoảng trăm câu, ý chừng mỗi mồm, vì phải đọc có diễn cảm, nó báo cáo cô :

– Thưa cô, con còn thuộc nữa, nhưng sợ dài quá, con xin phép cô đến đây con thôi.

Cô sợ quá, vội đồng ý ngay : chị tra tấn cả lớp thế là quá đủ rồi ! Học Kiều là nó thích chứ không ai bảo. Tôi xem tờ lý lịch nó khai, thấy ở mục năng khiếu nó ghi : năng khiếu văn. Và ở mục nguyện vọng : trở thành nhà văn. Khiêm tốn thế thôi. Trở thành nhà văn. Một lần tan giờ học, tôi đến đón nó muộn thì thấy nó ngồi một mình dưới đất, lưng tựa vào tường rào nhà trường, cuốn vở nháp kê lên đầu gối, đang mải mê viết truyện ngắn mini. Tôi kể chuyện lại cho mẹ nó nghe thì mẹ nó chỉ mỉm cười buồn rầu.

Tên con gái tôi là Nguyễn Thị Giáng Hương. Cái tên đó không nói gì với bạn đọc cả. Nhưng tôi nêu ra là vì nếu may mắn cuốn sách này có được bạn đọc chú ý đến, và đọc đến đoạn này có chút thương cảm với một cuộc đời con trẻ sớm bị bút ngọn một cách tàn nhẫn, thì âu đó cũng là một cách tôi chuộc lỗi với nó vậy. Còn con nó, con bé đọc Kiều, tôi đã đặt tên là Cẩm Linh. Ông ngoại mang tiếng gián điệp Liên Xô đã đặt tên cháu như thế để kỷ niệm một quãng đời khốn khổ.

Ước gì hai ba chục năm nữa có một cuốn tiểu thuyết hay mang tên tác giả : Nguyễn Thị Cẩm Linh.

Trần Thu

Tưởng niệm thi hào Trung Quốc
NGÀI THANH 艾青 (1910-1996)

Mùa xuân

Bây giờ là mùa xuân.
Những cây đào ở Lũng hoa * đang trở hoa.
Chúng trở hoa trong những đêm đó,
Những đêm vắng máu đó,
Những đêm không sao đó,
Những đêm đầy gió đó.
Những đêm nghe tiếng gió phụ khóc nức nở đó.

Nhưng trái đất già nua này !
Giống như con ác thú mỗi mòn và đói lả
Đang liếm máu những người trẻ tuổi,
Máu những người trẻ tuổi gan lì.
Sau những ngày mùa đông dài,
Sau những băng giá và tuyết,
Sau những đợi chờ dai dẳng và kiệt lực.
Những vết máu đó, những vết máu đó,
Trong một đêm huyền thoại,
Trong một đêm Á Đông đen tối,
Đã nở thành nụ hoa
Và tô điểm cả một vùng phía nam dòng sông
với mùa xuân của chúng.

Người hỏi : Mùa xuân từ đâu tới ?

Xin thưa : Từ những ngôi mộ ngoài châu thành.

bản dịch của NGUYỄN ĐĂNG THUỜNG
(nhà xuất bản Trình Bầy, 1971)

* Bãi hành quyết ở Thượng Hải

Điều tàn

Phía bên này núi, không có cây
trên miền đất ấy, không có cỏ
trong con sông ấy, không có nước
nơi những người phía bên ấy, không còn nước mắt
29.8.1940

Con cá hoá thạch

Con cá hoá thạch
Câm nín đã từ mười ngàn năm
Bị bưng bít trong quặng đá
Mười ngàn năm nữa
Vẫn còn tung tăng trong lòng bàn tay
Những người tìm ra nó

Ánh sáng

Dù yếu ớt như ngọn nến
Chúng ta vẫn phải cháy tới giọt lệ cuối cùng ;
Dù nhỏ bé như cây diêm,
Chúng ta vẫn phải đánh ra tia lửa khi cần thiết ;
Dẫu chỉ còn là những thân ma mục nát,
Chúng ta hãy cứ biến thành ngọn lửa ma trôi
để chấp chờn trên cánh đồng hoang dã.

Nói chuyện với than

tặng Y.R.

Mi cư ngụ ở đâu ?

Ta cư ngụ dưới những rặng núi mười ngàn năm
Ta cư ngụ trong những núi đá mười ngàn năm

Mi bao nhiêu tuổi ?

Ta già hơn những rặng núi này,
Già hơn cả những ngọn núi đá này.

Từ khi nào mi im lặng ?

Từ khi giống khủng long ngự trị trên rừng,
Từ tiếng rạn nứt đầu tiên của vỏ đất.

Phải chăng mi đã chết vì quá oán hờn ?

Chết ? Không đâu, ta vẫn sống —

Hãy cho ta lửa, cho ta lửa.

Mùa xuân 1937

Bốn bài thơ sau là bản dịch của ĐIỂM CHÂU
(nhà xuất bản Trình Bầy, 1995)

NGÀI THANH (Ai Qing), nhà thơ lớn Trung Quốc, vừa từ trần ngày 5.5.1996, thọ 86 tuổi.

Sinh ngày 10.3.1910 tại Chiết Giang, Jiang Haicheng sang Pháp năm 1929 học hội hoạ, tiếp xúc với triết học phương Tây và các nhà thơ ấn tượng, siêu thực. Năm 1931, sáng tác bài thơ đầu tiên. *Cuộc gặp lớn*, sau một cuộc họp của Liên minh phản đế.

Năm 1932, về nước, tham gia Liên minh Văn nghệ sĩ Tả phái, bị bắt tại tô giới Pháp ở Thượng Hải và bị kết án 3 năm tù. Trong tù, Ngài Thanh bắt đầu sự nghiệp thơ ca.

Tham gia cách mạng Trung Quốc, ông ba lần bị đàn áp hay tù đầy : lần đầu, ngay từ năm 1942, cùng với nữ thi sĩ Đinh Linh, tại Diên An, lần thứ nhì, năm 1957 trong đợt Trăm hoa đua nở, và lần thứ ba, trong " cách mạng văn hoá ", tổng cộng 21 năm bị cấm viết và cấm xuất bản.

Ông là phó chủ tịch *Hội nhà văn Trung Quốc* (1979), chủ tịch danh dự *Hội Trung Quốc thơ không vần* (1984).

Hoàng Xuân Hãn : *con người và chính trị*

Nguyễn Ngọc Giao

Tên tuổi Hoàng Xuân Hãn trước tiên gắn liền với sự nghiệp giáo dục (Truyền bá Quốc ngữ, Danh từ Khoa học, Chương trình trung học) và văn hoá to lớn của ông. Hiểu biết và đánh giá công lao của ông trong các lãnh vực này, tuy có những tiểu dị và khác biệt do góc độ, nhưng nói chung, mọi người đều dễ đồng ý trên những nét lớn.

Về mặt chính trị thì khác hẳn. Hành động của ông (tham gia nội các Trần Trọng Kim năm 1945, phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà tại Hội nghị Đà Lạt năm 1946) và thái độ, lập trường, cũng như quan hệ của ông đối với các chính quyền (Việt Nam và ngoại quốc), thì có thể nói ý kiến mỗi người một khác. Đúng hơn : ý kiến của số đông thường đơn thuần dựa vào một định kiến tiên thiên, ít có căn cứ vào hiểu biết chính xác, tường tận. Nói cách khác : những đánh giá chính trị về nhân vật Hoàng Xuân Hãn cho ta hiểu về người đánh giá hơn là hiểu người được (hay bị) đánh giá.

Điều này cũng dễ hiểu : ông Hoàng Xuân Hãn sống gần như trọn vẹn thế kỷ 20, một thời kỳ mà đất nước Việt Nam trải qua những cuộc biến động quá to lớn và sâu sắc. Việc tham chính hai lần của ông quá ngắn ngủi (tổng cộng vài tháng), và suốt nửa thế kỷ tiếp theo, ông hầu như không hoạt động chính trị (và khi có hoạt động thì rất ít ai biết), gần như không phát biểu công khai chính kiến của mình. Nửa thế kỷ đó cũng là nửa thế kỷ quốc gia trải qua bao nhiêu thăng trầm, khi nhất trí đồng tâm tới mức hiếm có trong lịch sử dân tộc (và có lẽ, nhân loại) khi chia rẽ, hận thù, phân tán trong từng tế bào của mình là mỗi gia đình, làng xóm. Trong điều kiện ấy, mọi sự đánh giá chính trị đều tùy thuộc vào lập trường và hoàn cảnh. Thậm chí, trong cùng một chiến tuyến, sự đánh giá cũng rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Điều này rất rõ trong ca Hoàng Xuân Hãn : người chống Cộng thường coi tác giả *La Sơn Phu Tử* là thân Cộng, nhưng cũng có người tin rằng ông ghét Cộng (“bằng chứng” là từ năm 1975 đến nay, ông không hề về thăm Việt Nam) ; về phía chính quyền của Đảng cộng sản Việt Nam, sau ngày ông mất, chủ tịch Lê Đức Anh truy tặng huân chương Độc Lập hạng nhì, nêu công lao của ông về văn hoá, giáo dục, nhưng không đề cập tới khía cạnh chính trị, tác phẩm của ông chỉ mới được xuất bản hoặc in lại từ 10 năm trở lại đây, còn trước đó, có cuốn tiểu thuyết về đề tài Hà Nội 45-46 gọi ông là “tên thân Nhật”, lại có hồi ký của cán bộ minh giải điều đó.

Xét về mặt nào đó, vì kích thước chính trị không phải là kích thước chủ yếu của sự nghiệp Hoàng Xuân Hãn, nên sự đánh giá chính trị về ông, từ bất cứ đâu, cũng chẳng mấy quan trọng. Song đứng về mặt dân tộc, sự nhìn lại quá khứ một cách tỉnh táo, chân thực, việc gìn giữ kỷ ức tập thể lại hết sức cần thiết. Tìm hiểu thế đứng và hành trình chính trị

của một nhà văn hoá, một trí thức như Hoàng Xuân Hãn, do đó, là một điều bổ ích và rất quan trọng.

Trong bài nhỏ này, tôi xin ghi lại đôi điều được biết về quan hệ chính trị của ông Hoàng Xuân Hãn, qua những lần được hỏi hoặc nghe chuyện ông, từ năm 1959 đến nay, chủ yếu tại Paris và Trouville (dã thự Cam Tuyền). Ngoài một, hai buổi phỏng vấn có ghi âm và ghi hình, tất cả đều là những cuộc đối thoại hoặc điện đàm không ghi chép, nên chủ yếu dựa vào trí nhớ. Tôi cố gắng trình bày một cách trung thực vì tôn trọng người đã khuất, song cũng như mọi chứng từ, những dòng dưới đây tất nhiên ít nhiều bị lãng kính chủ quan và hạn chế của bộ nhớ làm sai lệch. Vì khuôn khổ bài báo, tôi chỉ tập trung vào những điểm ít người biết, hoặc chưa hề được công bố.

Do đó, tôi xin không kể lại về Hội nghị Đà Lạt 1946 : tác giả đã viết hồi ký về sự kiện này. Chỉ xin mở ngoặc : tập sách này, do tạp chí *Sử Địa* xuất bản lần đầu ở miền Nam vào năm 1971, khi cuộc *hoà đàm* ở Paris đã kéo dài 3 năm mà vẫn chưa xong. Cũng như trong mọi tác phẩm của mình, tác giả bao giờ cũng viết chính xác và tuân thủ những tiêu chuẩn khoa học, nhưng ông thường gửi gắm tâm sự và tin rằng bản thân đề tài cuốn sách có thể nhắc nhở người đọc suy nghĩ về vận mệnh đất nước. Từ công trình đồ sộ *La Sơn Phu Tử*, cho đến bài báo nhỏ về *Cổ Điện* viết cho *Diễn Đàn*, chúng ta có thể đọc được tâm trạng và những ký thác của tác giả. Trở lại tập hồi ký về Hội nghị Đà Lạt : theo tôi hiểu, nó đã có tác động đáng kể ở miền Nam trong bối cảnh 1971.

Về chính phủ Trần Trọng Kim, sau chứng từ của Bùi Trọng Liễu (*Diễn Đàn* số 52, xem thêm bài Nguyễn Trọng Nghĩa, số 51), tôi chỉ xin xác định mấy điểm chính :

– Nội các Trần Trọng Kim được thành lập và hoạt động mấy tháng trong bối cảnh Nhật đã đảo chính Pháp nhưng ở trong cái thế mà mọi người đều biết Nhật sẽ thua đồng minh. Có thể nói đây không phải là chính phủ của một nước độc lập (tuy hoàng đế Bảo Đại, sau ngày 9.3.45 đã tuyên bố độc lập), vì nó chỉ nắm quyền quyết định trong những lĩnh vực và quân đội Nhật để cho nắm giữ. Nhưng không thể nào coi nó là một chính phủ tay sai của Nhật, do Nhật dựng nên, phục vụ chính sách của Nhật. Thành phần nội các Trần Trọng Kim không có những đảng phái thân Nhật mà quân đội Nhật đã sử dụng từ năm 1940 ở Việt Nam.

– Hoàng Xuân Hãn tham gia chính phủ này với một ý thức rõ rệt và tham gia một cách chủ động. Ông cho rằng trong khi chờ đợi ngày quân đồng minh (Mỹ) đổ bộ hay ngày Nhật đầu hàng, cần phải có một chính phủ Việt Nam, bắt đầu lo công việc chính quyền, để khi đồng minh tới, không vì có người Việt Nam chưa biết tự trị mà áp đặt một chế độ uỷ thác (như ở Liban, Syrie đầu năm 1945). Ông cũng đã giao

ước với hoàng đế Bảo Đại là khi đồng minh tới, thì nội các sẽ từ nhiệm, và nhà vua nên mời các nhà cách mạng đứng ra cầm quyền. Tháng 8 năm 1945, việc này đã không diễn ra như dự tính, nhưng về phần ông và nội các Trần Trọng Kim đã làm đúng theo giao ước. Với ý thức rõ ràng như vậy, ông đã chủ động thúc đẩy cụ Trần Trọng Kim và cụ thể, cùng với ông Phan Anh, đã quán xuyến việc sắp xếp thành phần chính phủ.

– Trước khi ấy ông Hoàng Xuân Hãn có quan hệ gì với Việt Minh không ? Ông Nguyễn Tạo, một đảng viên cộng sản (lúc đó đã vượt ngục, và ở nhà ông Hãn ở Hoàng Mai, sau đó là cán bộ cấp cao ngành Công an), kể lại trong hồi ký *Chúng tôi vượt ngục* : khi nhận được điện của nhà vua mời vào Huế, ông Hãn đã hỏi ý kiến, ông Tạo liên lạc với cấp trên và trả lời là nên nhận ; sau đó, có ý kiến ngược lại, nhưng quá muộn, vì ông Hãn đã lên đường vào Huế. Tôi có dịp hỏi hai ông và ông cũng đã xác nhận điều này. Ngày nay, chúng ta đều biết năm 1945, đường lối của ĐCS và Việt Minh chưa đồng nhất trong cả nước, thậm chí ngay trong một tỉnh, chủ trương của Hồ Chí Minh, vào lúc đó, mới chỉ phổ biến từ Cao Bằng tới Thanh Hoá, và rất chậm trễ. Không phải chỉ có một trường hợp ông Hoàng Xuân Hãn : ông Trần Văn Giàu cũng khẳng định là lúc đó ở Sài Gòn, chính ông đã khuyên bác sĩ Hồ Tá Khanh nhận lời vào nội các Trần Trọng Kim (phỏng vấn ghi âm và ghi hình tại Paris, tháng 7.1989).

Về thái độ của ông Hoàng Xuân Hãn với đảng cộng sản và chính quyền cách mạng, tôi nghĩ nó được quy định bởi hai suy xét cơ bản : một là ông đánh giá rất lớn vai trò của ĐCS trong sự nghiệp độc lập và thống nhất Tổ quốc, hai là ông nghĩ rằng chính sách của ĐCS là không “dung” những người như ông. Chữ “dung” là chữ của những người bạn thân của ông (bạn học đồng hương) đã hoạt động cộng sản, gặp lại ông sau ngày khởi nghĩa tháng Tám 1945. Từ đó, ông hiểu rằng trong khuôn khổ một chính quyền cộng sản, sự đóng góp của ông vào công việc chính trị của đất nước, nếu có, thì sẽ rất hạn chế. Có lẽ chính suy xét thứ nhì này đã thúc đẩy ông thêm trong quyết định chọn lựa lãnh vực nghiên cứu sử học, văn học, văn hoá để cống hiến cho đất nước. Tôi nói thêm, vì đó vừa là sở trường, vừa là say mê bẩm sinh của ông, như mọi người có thể nhận ra.

Tôi muốn nói rõ thêm về suy xét thứ nhất : sự đánh giá của ông về công lao của ĐCS, và nhất là của chủ tịch Hồ Chí Minh. Hơn một lần, tôi được nghe ông tâm sự : “ *Bây giờ lòng người còn phân tán, hận thù còn quá nhiều, nên sự đánh giá dễ lệch lạc. Nhưng với con mắt của người nghiên cứu lịch sử dân tộc, bác tin rằng vài chục năm nữa, có lẽ sớm hơn, người ta sẽ nhìn nhận công lao của cụ Hồ* ”. Điều gì dẫn ông tới nhận định đó ? Tài “ *thao lược* ” của cụ Hồ trong thời kỳ sóng gió 45-46 chẳng ? tất nhiên có một phần. Nhưng tôi có cảm tưởng có cả những điều rất cụ thể, và có cả những nhận định bao quát hơn. Cụ thể ? “ *Cũng những anh thanh niên ấy, mà bác đã quan sát vì dạy họ học trong mấy năm, không tập hợp nhau được, hay tập hợp được thì cũng không làm nên việc gì, thế mà hôm trước hôm sau, họ thay đổi hẳn* ”. Giữa hôm trước và hôm sau, xin hiểu : tháng 8.45. Tôi liên tưởng tới nhận xét của một viên tướng Nhật chỉ huy Đông Dương thời đó — nhận xét này, tôi vừa được anh Vĩnh Sinh kể lại : “ *những đôi mắt, những ánh mắt* ” mà ông ta nhìn thấy trên

Cảm tạ

Trước tình cảm thương tiếc và mến trọng của nhiều người đã gặp Ông Hoàng Xuân Hãn, dù là chỉ qua sách báo của Ông, và trước lòng thành của nhiều người đã tưởng nhớ và cầu siêu cho vong linh của Ông, chúng tôi xin chân thành đa tạ.

Gia đình Hoàng Xuân, Nguyễn và Nghiêm Xuân
38 rue de Lozère, 91400 ORSAY

các khuôn mặt Việt Nam trên con đường đi từ Hà Nội vào Sài Gòn ngay sau ngày Nhật hoàng tuyên hàng “ *hoàn toàn khác hẳn* ”. Nhớ lại nhận xét ấy, tôi hiểu thêm những lời của ông Hoàng Xuân Hãn khi ông ôn lại những cố gắng liên tiếp, mà không thành, của các thế hệ cha ông, từ cuối thế kỷ 19, tìm đường giải phóng đất nước. “ *Vì chưa bao giờ trong lịch sử của mình, dân ta phải đương đầu với một quốc gia xâm lược mà thế lực, trình độ phát triển, hơn hẳn ta đến như vậy* ”.

Ở một thế đứng được quy định bởi hai dữ kiện cơ bản nói trên (vai trò của ĐCS trong sự nghiệp độc lập, và sự bất dung đối với trí thức), ông đã chọn địa hạt học thuật, song có thể nói, trong suốt 50 năm, từ 1946 cho đến khi từ trần, không bao giờ ông ngừng quan tâm tới việc nước, và trong những điều kiện nhất định, không nề hà làm những việc mà ông thấy cần, bất luận dư luận có thể đánh giá khác nhau thế nào. Điều này đã thể hiện rõ trong việc ông tham gia chính phủ Trần Trọng Kim. Nhưng ai chưa nắm rõ sự việc của thời này vẫn có thể hoài nghi : phải chăng đó là những luận cứ đưa ra sau khi hành động, để biện minh cho hành động ?

Ở đây, có thể kể lại một sự việc không mấy người biết, liên quan tới một phương án rút cuộc đã không thành (nên không có gì phải biện minh). Tháng 5-1954, từ Roma (nghiên cứu lưu trữ của Vatican thế kỷ 16-17 về Việt Nam) Hoàng Xuân Hãn viết thư liên lạc với phái đoàn Phạm Văn Đồng (bằng... chữ nôm, xem bài Bùi Mộng Hùng, số 52), sau đó ông sang Genève gặp phái đoàn của chính phủ kháng chiến, theo dõi hội nghị và góp ý kiến với phái đoàn. Ý thức được nguy cơ đất nước bị chia cắt lâu dài, ông đề nghị giải pháp tập kết quân lực không theo một ranh giới vĩ tuyến cắt ngang lãnh thổ, mà vào từng vùng tập trung (sau này, loại giải pháp này sẽ được gọi là *giải pháp da beo*). Việc này không thành, một phần vì sức ép quốc tế (Liên Xô, Trung Quốc một bên, Mỹ, Anh, Pháp một bên), phần nữa vì thực lực và yêu cầu của lực lượng kháng chiến, “ *anh em quá mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi, chính phủ cần có một lãnh thổ* ”. Vĩ tuyến 17 được vạch ra, ngày ấy cái tên Bến Hải hầu như chẳng mấy ai biết, ở Genève, đọc trên bản đồ, có người phát âm *sông Bến Hói* (chi tiết này, tôi theo lời kể của luật sư Trần Công Tường). Miền Nam sẽ ra sao ? Thống nhất thế nào ? Hai tuần trước đó, Mỹ đã áp đặt với Pháp nội các Ngô Đình Diệm. Nhưng có tin thủ tướng Mendès-France nhậm thành lập một nội các Trần Văn Hữu. Thật hu không rõ, nhưng ông Hữu cũng đã có mặt bên bờ hồ Léman. Gặp riêng hai ông Hoàng Xuân Hãn và Nguyễn Mạnh Hà, trưởng đoàn Phạm Văn Đồng đề nghị : “ *Nếu Trần Văn Hữu lập nội các, tôi nghĩ hai anh phải tham gia. Giữa mình với nhau, thương lượng sẽ dễ* ”.

(còn một kỳ)

Thư mục

Hoàng Xuân Hãn

(tóm lược)

1936 *Quel sera l'avenir de la langue annamite*, la Patrie annamite, No 146.

1938 *Văn quốc ngữ dạy theo phương pháp mới*, cùng soạn với Trần Văn Giáp và Vũ Hy Trác.

1941 *Nguyễn Biếu : một gương nghĩa liệt và mấy bài văn thơ cuối đời Trần*, Khai trí tiến đức tập san, số 2-3.

1942 *Danh từ khoa học*, in tại nhà in báo Trung Bắc Tân văn (Hà Nội) ; Vĩnh Bảo (Sài Gòn) tái bản năm 1948 ; Minh Tân (Paris) tái bản năm 1955.

1943 a. *Đổi ngày Tây lịch và can chi*, Khoa học, số 19, 7.1943, tr. 249-252, số 20, 8.1943, tr. 292-299.

b. *Nguồn gốc văn Kiều (Văn phái Hồng Sơn)*, Thanh Nghị, số 29-31, 2.1943, tr.5-6 và 54-55 ; số 32, 1.3.1943, tr. 10-12 và 24-28 ; số 47, 16.10.1943

1946 a. *Hội nghị Đà Lạt : vấn đề văn hoá*, Dư luận, số 6, tr. 17-32.

b. *Hội nghị Đà Lạt : vấn đề chính trị*, Dư luận, số 24, tr. 33-48.

1949 *Đại Nam quốc sử diễn ca* của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái. Hoàng Xuân Hãn tựa và dẫn. Hà Nội : Nhà xuất bản Sông Nhị, 2 tập.

1949-1950 *Lý Thường Kiệt. Lịch sử ngoại giao triều Lý*. Hà Nội : Nhà xuất bản Sông Nhị, 2 tập.

1950 *Hà thành thất thủ và Hoàng Diệu (Các văn cổ)*. Hoàng Xuân Hãn dẫn và chú thích. Hà Nội : Nhà xuất bản Sông Nhị, 72 tr.

1951 a. *Thi văn Việt Nam. I (Từ đời Trần đến cuối đời Mạc)*. Hoàng Xuân Hãn biên tập và trích dẫn, Nghiêm Toàn chú thích. Hà Nội : Nhà xuất bản Sông Nhị, 183 tr.

b. *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ (1783-1841). Hoàng Xuân Hãn biên tập và dẫn, Nghiêm Toàn chú thích. Hà Nội : Nhà xuất bản Sông Nhị, 62 tr.

1952 *La Sơn phu tử*. Paris : Minh Tân, 336 tr.

1953 *Chinh phụ ngâm bị khảo*. Paris : Minh Tân, 392+60 tr. hán văn.

1959 *Một văn kiện bằng quốc âm tàng trữ ở Âu Châu*, Đại học (Huế), số 10.

1962 *Liệt sĩ Nguyễn Huệ*, Bách khoa (Sài Gòn), số 121, 15.1.1962.

1964 *Bích Câu kỳ ngộ*. Huệ đính và chú thích. Huế : Nhà xuất bản Đại học, XXXII +179 tr.

1966 a. *Sách Thiên tông bản hạnh*, Vạn Hạnh (Sài Gòn), số 15, tr. 14-15.

b. *Những lời thề của Lê Lợi (1427, 1428)*, Sử Địa (Sài Gòn), số 1, tr. 3-22; số 2, tr. 11-18.

c. *Gốc tích các chúa Trịnh và một bức thư nôm của*

Trịnh Kiểm (1545), Sử Địa, số 4, tr. 3-26.

1967 *Vụ Bắc sử năm Canh Thìn (1761) đời Cảnh Hưng với Lê Quý Đôn và bài trình bằng văn nôm*, Sử Địa, số 6, tr. 3-5 và 142-162; số 11 (7-8-9.1968), tr. 193-215.

1968 *Việt-Thanh chiến sử theo Ngụy Nguyên, một sử gia Trung Quốc đời Thanh*, Sử Địa, số 9-10, tr.3-8 và 245-263.

1969 *Bắc hành tòng ký*, Sử Địa, số 13, tr. 3-32 và 181-183 ; số 14-15, tr. 140-140 ; số 16, tr. 159-195.

1970 *Đồ biểu đối chiếu lịch xưa và công lịch*, Sử Địa, số 17-18, tr. 3-6 và 198-208.

1971 a. *Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc và tập Lữ trung ngâm*, Sử Địa, số 21, tr. 3-16 và 187-209 ; số 22, tr. 3-6 và 213-224 ; số 25 (1973), tr. 3-32.

b. *Hội nghị Đà Lạt (hồi ký)*, Sử Địa, số Xuân Nhâm Tí, tr. 3-32 và 210-257.

1974 a. *Đúng ba trăm năm trước : đình chiến Trịnh Nguyễn*, Sử Địa, số 26, tr.5-25 và 237-247 ; số 27-28, tr. 3-48 và 209-219.

b. *Quần đảo Hoàng Sa*, Sử Địa, số 29, tr. 7-18.

1976 *Thực trạng xã hội thời Gia Long qua một vài tư liệu sử học và văn học*, Tập san Khoa học Xã hội (Paris), số 1, tr. 5-20.

1977 a. *Cuộc tiếp sứ Thanh năm 1683*, Tập san Khoa học Xã hội, số 3, tr.5-39 và 100 ; số 4 tr. 111-151.

b. *Lễ Vu Lan với văn tế cô hồn*, Tạp chí Văn học (Hà Nội), số 2, tr. 117-145.

1978-1980 *Văn nôm và chữ nôm đời Trần-Lê. Phái thiên Trúc Lâm Yên Tử*, Tập san Khoa học Xã hội, số 5, tr. 1-62 ; số 6 (1979), tr. 5-38 và 65 ; số 7 (1980), tr. 78-112 và 113-125.

1980 *Lời thề Lũng Nhai*, Tập san Khoa học Xã hội số 7 (đặc biệt về Nguyễn Trãi), tr. 2-13.

1982 *Lịch và lịch Việt Nam*, Tập san Khoa học Xã hội, số 9, tr. 1-144.

1984 a. *Chuyện Ý Lan (văn nôm lục bát của Trương Thị Ngọc Trong soạn năm 1759)*, Tập san Khoa học Xã hội, số 12, tr. 48-84.

b. *Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long*, Tập san Khoa học Xã hội, số 10&11, tr. 92-149.

1987 a. *Chuyện Song Tinh (và Nguyễn Hữu Hào)*, Hà Nội : nhà xuất bản Văn học,

b. *Sao chổi với tự phê bình*, Đoàn Kết (Paris), số 338, tr. 14-15.

c. *Kim Vân Kiều án và Nguyễn Văn Thắng*, Tập san Khoa học Xã hội, số 13&14, tr. 145-172.

1988 *Nhớ lại Hội truyền bá quốc ngữ nhân kỷ niệm 50 năm*, Đoàn Kết (Paris), số 405-406, tr. 30-32.

1990 *Tưởng nhớ bác Hoán (văn tế)*, Diễn Đàn (Paris), số 1, tr. 19.

1993 *Cổ Điện*, Diễn Đàn (Paris), số 16, tr. 24.

1994 *Cổ Điện* (tiếp theo), Diễn Đàn, số 28, tr.42-44 ; số 29, tr. 23-25 ; số 30, tr. 27-29 và 30.

1995 *Thiên tình sử Hồ Xuân Hương*, Nhà xuất bản Văn học (Việt Nam), 332 tr.

N.T.N. lược ghi

Festival St Florent le Vieil 1996

Việt Nam trên bờ Sông Loire

Ea Sola, Nguyên Lê, Thierry Thieu Niang, Tai Luc...

Hạn hán và Con mưa, Contes du Vietnam, Un arbre, La Souris Déglinguée...

Đó là những nghệ sĩ Việt Nam và tác phẩm trong hai lãnh vực Vũ (múa) và Nhạc đã được giới phê bình Pháp đánh giá cao tài năng và giá trị nghệ thuật.

St Florent le Vieil là một thị xã nhỏ nằm trên bờ sông Loire, giữa đường từ Angers tới Nantes, nơi con sông này chảy tới gần biển, toả ra hai dòng bao quanh hòn đảo Ile Batailleuse còn mang di tích của những hải thuyền Vikings. St Florent le Vieil nổi tiếng với nhà thờ tu viện dòng Bénédictin. Trong giới nghệ thuật, St Florent gắn liền với một Festival Asie-Occident vũ/nhạc độc đáo ở châu Âu : nơi gặp gỡ hàng năm của nghệ thuật Á châu và Tây phương. Tại đây, từ năm 1993 đến nay, giới nghệ thuật và phương Tây mộ điệu đã làm quen với nhiều nghệ sĩ và đoàn nghệ thuật Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên... Từ Việt Nam, công chúng mới chỉ gặp **Nguyên Lê** và **Tôn Thất Tiết**, hai nhạc sĩ Việt Nam sống tại Pháp.

Mùa hè năm nay, St Florent le Vieil sẽ dành cả một tập hợp chương trình cho Việt Nam.

Lần đầu tiên, Việt Nam xuất hiện trên sân khấu múa ngoài trời giữa khu vườn Tu viện St Florent vào 22 giờ ngày thứ năm **20.6.96** với vở kịch múa **Hạn hán và Con mưa** của Đoàn Ea Sola.

20 g 30 tối chủ nhật **23.6**, múa và nhạc chèo sẽ nhường chỗ cho múa và nhạc Jazz :

– phần đầu chương trình là vở múa **Un arbre** (Một cây) của **Thierry Thieu Niang** (biên đạo) và **Jeff Cohen** (piano), với **Thierry Thieu Niang, Kim Tú** và hai nghệ sĩ múa khác.

– phần hai : **De la Lune et du Vent, contes du Vietnam** (Truyện Trăng Gió) một tác phẩm của **Nguyên Lê** được tác giả **phối âm, phối cảnh, phối quang**. Phần biên đạo do **Thierry Thieu Niang** đảm nhiệm. Trong tác phẩm này, **Nguyên Lê** chỉ đạo liên hợp các nhạc sĩ Việt Nam và Tây phương (**Hương Thanh, Hạo Nhiên, Nguyên Lê, Paolo Fresu, Simon Spang-Hanssen, Michel Bénita, François Verly, Joel Allouche, Didier Lockwood**).

Festival St Florent le Vieil (15.6 / 10.7.1996)

Mua vé tại chỗ : OTSI, 49410 St Florent le Vieil ;

TACOMA Nantes : 8 rue Scribe, 44000 Nantes ;

FNAC Angers : 25 rue Lenepveu, 49000 Angers.

Giữ chỗ bằng điện thoại : 41 72 62 02

(gọi từ Paris : 16 41 72 62 02).

Tên tuổi của **Ea Sola** và vở **Hạn hán và Con mưa** đã quá quen thuộc với bạn đọc **Diễn Đàn** (xem lịch trình diễn hè-thu ở châu Âu trong khung), dưới đây chúng tôi xin vấn tắt giới thiệu **Nguyên Lê** và **Thierry Thieu Niang** :

Sinh năm 1959 tại Paris, **Nguyên** (xin đọc là **Nguyên**) **Lê** là con trai nhà sử học **Lê Thành Khôi**. Tên tuổi **Nguyên Lê** đã gắn liền với nhạc Jazz hiện đại. Nhà soạn nhạc, phối âm, và nhạc sĩ (đặc biệt là guitare), **Nguyên Lê** tung hoành trong nhiều lãnh vực : rock, funk, thanh ca (Claude Nougaro, Nicole Croisille), jazz hiện đại, âm điện tử và nhạc ngoại Âu. Hai mươi đĩa (đĩa mới nhất : *Tales from Vietnam*). 15 tuổi, **Nguyên** bắt đầu say mê bộ gõ, rồi *guitare, basse* điện. Sau khi tốt nghiệp cử nhân nghệ thuật và cao học triết học, **Nguyên** dứt khoát chọn âm nhạc, đam mê của đời anh, làm nghề, làm *nghệ*. Một nhạc sĩ *guitare thần kỳ* (*Jazz magazine*). Một nhạc sĩ sâu sắc, đầy bí ẩn, chẳng bao giờ chơi nhạc mà không có gì để *nói* (*Télérama*).

Sinh năm 1962, **Thierry Thieu Niang** bắt đầu cuộc đời thanh niên của anh trong ngành giáo dục. Và giảng hồ : Thái Lan, Ethiopie, Nigéria. Giảng hồ nghệ thuật nữa : múa, kịch, điện ảnh... Hình như mọi cuộc giảng hồ ấy đều dẫn anh tới Việt Nam, quê hương của bà nội (mẹ của **Thierry** là một phụ nữ Pháp *tóc vàng*, cha anh là con một quân nhân Sénégal tham chiến ở Việt Nam và một phụ nữ Việt Nam). Kết quả là vở múa **Un arbre** mà công chúng vùng Paris vừa khám phá ở *La Ferme du Buisson* cách đây hai tháng (cùng với một tác phẩm hết sức độc đáo của **Emmanuelle Huỳnh Thị Loan**, một tên tuổi khác đáng ghi nhớ).

Còn **Tai Luc** và ban **La Souris Déglinguée** của anh, nếu bạn đọc trung niên chưa nghe tên, thì chỉ cần hỏi con cái hay bạn trẻ chung quanh ở lứa tuổi 20, 30. Từ cái đĩa 45 đầu tiên phát hành cách đây 17 năm, đến đĩa album mới nhất (*Tambour et Soleil*), tên tuổi của **Con chuột xệu xạo** và **Tai Luc** đã có chỗ đứng vững chãi trong làng nhạc rock. Từ nhiều năm, ban nhạc giảng hồ này đã đi nhiều lục địa, nhất là châu Á, dưới ảnh hưởng của người trưởng ban : **Tai Luc** là con một bác *lính thợ* Việt Nam. **21 giờ chủ nhật 9.7** tại **St Florent le Vieil**, giới hâm mộ nhạc rock sẽ chứng kiến một sự kiện hiếm có : cuộc gặp gỡ giữa ngôi sao nhạc rock Bắc Kinh **Dou Wei** và ban **La Souris Déglinguée** của **Tai Luc**.

Kiến Văn

Hạn hán và cơn mưa : một vòng châu Âu

Sau khi trình diễn ở Mỹ (Charleston, Spoleto Festival), **Đoàn Ea Sola** sẽ lưu diễn ở nhiều nước châu Âu :

PHÁP : 20.6 ở **St Florent le Vieil**, 18 và 19 tháng 10 ở **Lyon** (Maison de la Danse), 22.10 ở **Limoges**.

Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Anh, Áo : xem sổ trước

HÀ LAN : Utrecht (4.11), Arnhem (5.11), Den Bosch (6.11), Den Haag (9.11), Tilburg (14.11), Amersfoort (15.11), Groningen (16.11), Eindhoven (20.11)

BỈ : Aalst (31.10), Strombeek-Bever (1.11), Hasselt (2), Turnhout (8), và Kortrijk (13.11)

THỤY SĨ : Genève (16.10, Forum Meyrin)

Bài ca ngất ngưỡng

Đặng Tiến

Nguyễn Công Trứ, con người, cuộc đời và thơ (1) là một cuốn sách hay, thuộc loại hiếm có những năm gần đây trong ngành biên khảo Việt Nam, gồm những tư liệu rút từ một hội thảo chuyên đề về Nguyễn Công Trứ, tại Trường viết văn Nguyễn Du cuối năm 1994, Hà Nội.

Sách gồm ba phần : 1. Tiểu luận nghiên cứu. 2. Tuyển thơ. 3. Tư liệu về văn bản, giai thoại, quê hương Nguyễn Công Trứ. Phần trích tuyển yếu, vì thiếu sót và in lỗi nhiều (xem bài bạn Nguyễn Hữu Thành đính kèm). Phần ba có nhiều bài hay : Nguyễn Ban viết về quê hương Nguyễn Công Trứ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thanh giới thiệu đất Thái Bình, sinh quán nhà thơ, Trần Quang Hải nói đến huyện Kim Sơn, do Nguyễn Công Trứ lập ra, là những tác giả địa phương viết nghiêm túc với nhiều xúc cảm.

Quan trọng nhất là phần đầu, 13 bài tiểu luận ngắn, giá trị không đồng đều, nhưng nói chung là nghiêm chỉnh, có thể xếp thành 4 loại :

1. Những bài tóm tắt sự nghiệp văn chương, như của Trương Chính, *Phong cách Nguyễn Công Trứ* ; sau khi nhắc qua văn bản, Trương Chính đưa ra những nét lớn : Nguyễn Công Trứ chỉ làm thơ nôm, nặng phong cách bình dân — chữ bình dân lâu lắm mới được nghe lại — giàu tinh thần lạc quan và phóng khoáng của một người năng nổ hoạt động ; thơ ông ngay thật, gắn bó với cuộc đời thật, nhiều thăng trầm đưa đến thái độ ngất ngưỡng về sau ; cuối cùng ông là người khai phá thể ca trù phóng túng “ *có thể xem đó là một thể thơ tự do* ” (tr. 74). Bài của Trần Ngọc Vương đối chiếu hai phong cách *anh hùng thời loạn* và *tài tử phong lưu, uyên bác, hàm súc và tài hoa*. Tác giả còn trẻ, hăng say và góc cạnh ; ông nhấn mạnh ở *tính cách khiêu khích, chọc giận đạo nghĩa* của Nguyễn Công Trứ, một cách *tìm kiếm tự do tư tưởng* trong một xã hội phong kiến, của người *tài tử lãn la gây sự với các tín niệm đạo đức cổ hữu* (tr. 62). Mấy chữ *lãn la gây sự* hứa hẹn với chúng ta một ngòi bút biên khảo sắc sảo và dũng cảm.

2. Những bài nhắc lại sự nghiệp kinh tế, chính trị của Nguyễn Công Trứ. Phan Đại Doãn nêu lên công tác khai hoang hai huyện Tiền Hải, Kim Sơn (Nam Hà) trong kế hoạch *xây dựng đồng ruộng, khu dân cư, hệ thống thủy lợi, giao thông, phân giới* (tr. 19), kèm theo với công tác văn hoá, lấy cấp huyện làm đơn vị, lấy quan hệ làng xóm làm điểm tựa : *Trong lịch sử khai hoang nước ta đến nay, đây là một hiện tượng độc đáo, có một không hai* (tr. 22). Đặng Huy Bá còn đi xa hơn nữa khi khẳng định Nguyễn Công Trứ đã *khởi xướng nhiều chính sách kinh tế xã hội mới mẻ, đi trước thời*

đại (tr. 29), từ việc giáo dục, đến thuế khoá, quản lý lương thực và giá cả. Về chính trị, ông có *tầm nhìn xa rộng vượt thời đại về lĩnh vực quan hệ đối ngoại giữa các quốc gia, chống xâm lược áp bức* (tr. 35).

Thật ra, những điều này, chúng ta đều có biết qua, nay được nghe các bậc thức giả nhắc lại một cách hùng hồn, và cô đúc, chúng ta vẫn thấy khoái, như những ẩn ức được giải phóng. Ngoài ra, chúng ta sung sướng được nghe lại giọng bình văn ngang tàng của sĩ phu Bắc Hà, tưởng chừng đã tắt.

3. Những bài đặt tác phẩm Nguyễn Công Trứ vào một bối cảnh văn hoá rộng lớn hơn : *Tính hiện đại của Nguyễn Công Trứ* (Vương Trí Nhàn), *Thơ hành lạc của Nguyễn Công Trứ với dòng thơ an lạc thế giới* (Phạm Vĩnh Cu), *Nguyễn Công Trứ và văn học dân gian* (Nguyễn Xuân Kính) : những đề tài hấp dẫn và cần thiết, nhưng rộng quá, các tác giả không đủ thì giờ và tư liệu để quán xuyên. Thậm chí, có tác giả còn ngay thẳng thú nhận “ *Trực giác nói với chúng ta rằng* ” (tr. 132). Loại bài này khó viết, vì dễ bất cập hay thái quá, trong một nước chưa có một xã hội văn học ổn định.

4. Những bài minh oan cho Nguyễn Công Trứ, bậc danh nhân từ nửa thế kỷ nay bị loại ra khỏi văn học vì tội “ *đàn áp nông dân* ” khi ông cầm quân dẹp loạn Nông Văn Vân và Phan Bá Vành. Nói chung, toàn bộ cuốn sách đều minh oan cho ông, nhưng có vài bài tập trung vào đề tài này, đặc sắc là của Hà Văn Tấn. Chỉ trong hơn một trang sách (tr. 15) tác giả đã đưa ra 5 luận điểm sử học để bác bỏ bản án nói trên, chủ yếu là vì « *Không chắc các cuộc nổi dậy của nông dân đều có nghĩa tiến bộ (...) có khi làm phương hại sự thống nhất đất nước* », và Hà Văn Tấn kết luận “ *Cho nên khi xét thái độ của kẻ sĩ thời xưa (...) chúng ta phải thận trọng, không thể xuất phát từ quan điểm “ chính ” và “ tà ” hết sức chủ quan của chúng ta ngày nay. Và đặc biệt với nhiều danh nhân, trong đó có Nguyễn Công Trứ, không nên kết tội là “ đàn áp khởi nghĩa nông dân ”. Thật là vô duyên.* » (tr. 16).

Hai chữ *vô duyên* của Hà quân hay tuyệt, dân dã, hài hước và kiêu bạc. Quê tôi, người dân phát âm thành *dô diên*, âm vang còn mạnh hơn.

Một bài giải oan đặc sắc khác, do Vũ Ngọc Khánh, cùng với Hà Văn Tấn, là đồng hương với Nguyễn Công Trứ. Từ nửa thế kỷ nay (1946), ông đã tìm tôi, suy nghĩ và đã viết một tác phẩm hay về Nguyễn Công Trứ (2). Bài viết chỉ mười trang có tính cách tổng hợp những bài khác, vừa cô đọng và thoáng mát, nhờ kiến thức và tấm lòng của tác giả, mà cũng nhờ hành văn tài hoa. Vũ Ngọc Khánh sử dụng văn biên khảo hay, biết cách chọn chữ, ngắt nhịp, pha giọng, tạo không khí cho mỗi đoạn văn. Trong những điều kiện khó khăn ông đã chủ biên một bộ *Từ Điển Văn Hoá Việt Nam* (3) rất... văn hoá.

Mở ngoặc : trong bài, Vũ Ngọc Khánh có trích thơ Phan Bội Châu ca ngợi Nguyễn Công Trứ (tr. 43) :

*Sao như Uy Viễn tướng công nhĩ
Say đất cô đầu lên với sư*

Ông không cho biết câu này, nguyên tác bằng chữ Hán, như đã có ghi trong sách trước kia (4). Có lẽ ông ngại chữ Hán làm nặng bài văn, nguyên là một tham luận khẩu

chiến ; trường hợp đó, cần ghi ở phần cước chú để người đọc khỏi nhầm khi tham khảo. Đó là nguyên tắc. Thực tế thì ta sẽ tránh được ngộ nhận khi in sai :

Tay dắt cô đầu lên với sư (tr. 43)

Chữ “*tay*” thay vì chữ “*say*” làm câu thơ nghèo đi, lại dung tục, nhưng vẫn có nghĩa, người đọc không biết đâu mà lẫn. Nếu có nguyên tác :

Hà như Uy Viễn tướng công thú

Tuý ủng hồng nhi thượng pháp môn

người đọc dù kém chữ Hán cũng đoán ra được tuý là say chứ không thể là tay.

Điều tinh tế hơn nữa là : câu thơ dịch, chắc là của Vũ quân, đặc sắc ở hai âm s đầu câu (*sao, say*) và một ở cuối câu (*sư*) tạo cảm giác sật sừ, say sưa, sờ sẫm, sờ sảng một tí, kết hợp với cụm từ *lên với* nghịch ngợm, đùa cợt với *sư*, gọi ý sư sử sự,...Chữ *tay* đánh vỡ cuộc say...

Nhưng đọc sai đôi khi cũng thú. Ví dụ tựa đề Vũ quân : *Nguyễn Công Trứ, một cá nhân, một danh nhân văn hoá* (tr. 36) tôi sật sừ đọc nhầm, đọc ngược *danh nhân* thành *nhân danh*, biến cá nhân Nguyễn Công Trứ thành một biểu tượng văn hoá, ngang tầm với Nguyễn Trãi trong khi Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến chỉ là những biểu tượng văn học.

Chuyện phũ phẫm, nhưng cái thú văn chương là đây. Còn chuyện Nguyễn Công Trứ lớn lao, thì nói cho ngay, mình biết cả rồi. Mở ngoặc, tầm phào, cũng là để gửi đến Vũ quân niềm tri kỷ tha phương. Đóng ngoặc.



Dĩ nhiên sách cũng có bài yếu, như bài Ngô Văn Phú. Về thi liệu dân gian, Nguyễn Xuân Kính viết xa đề, ít bột nhiều hồ. Về tính hiện đại của Nguyễn Công Trứ, Vương Trí Nhàn viết không vững. Ông có thiện chí duy tân hoá Nguyễn Công Trứ để đưa nhà thơ đến gần với bạn đọc trẻ ngày nay, điều này rất tốt. Ví dụ hai khuynh hướng độc lập ở Nguyễn Công Trứ : công danh và nhân lạc, Vương Trí Nhàn gọi là “*phân thân*” trong nghĩa “*thiếu nhất trí*”. Ông cho rằng “*sự phân thân là hướng phát triển bất buộc mà mọi người hiện đại phải*

có” (tr. 83). Tôi không biết Vương Trí Nhàn đào đâu ra chữ “*phân thân*”, có lẽ mượn từ những khái niệm tâm lý học phương tây : *dédoublment de la personnalité, dépersonnalisation...*, có người dịch là nhị hoá nhân cách. Nhưng đây là những bệnh trạng tâm thần khá nặng, rất xa dụng ý xưng tụng của tác giả. Vương Trí Nhàn còn cho rằng *Nguyễn Công Trứ đi rất gần với một quan niệm hiện sinh, chỉ thấy cuộc đời này là quan trọng...* (tr. 83) ; tôi e Vương quân dùng từ theo mặt nổi, mặt thông dụng, trong khi một bài biên khảo nghiêm túc đòi hỏi ở những chữ “*phân thân*”, “*hiện sinh*” một định nghĩa chính xác hơn nhiều. Ông còn ca ngợi người xưa kiểu : « *Nguyễn Công Trứ rất mới mẻ, rất “tây”, rất gần với con người hiện đại. Chúng ta nhìn vào ông như nhìn vào chính mình* ». Lời xưng tụng thẩm thiết, nhưng tiểu nhân nó đem ra phân tích, bầm vằm, thì Vương quân lại sẽ thêm một lần chịu đòn hội chợ (5).

Nhưng trong toàn bộ, bài dở nhất là bài dẫn nhập của Nguyễn Khoa Điềm, Tổng thư ký Hội nhà văn. Câu chữ luộm thuộm, ý tứ vớ vẩn. Đại khái, đoạn cuối độ 20 dòng, người đọc thưởng thức :

« *Trong cái ánh sáng đầy kịch tính (?) của thời đại, Nguyễn Công Trứ đã đem đến... Vì vậy nhân dân dễ dàng đồng cảm, yêu mến ông, bỏ qua khuyết tật của ông (?)* ». Khổ quá, suốt nửa thế kỷ *nhân dân* (của ông Điềm) có được đọc Nguyễn Công Trứ đâu mà *đồng cảm* ? Văn chương này sử quan xếp vào loại “*vô duyên*”.

Quan tiếp lời : *Có Nguyễn Công Trứ cây đàn Việt Nam có đủ dây vũ dây văn, mà ông chính là sợi dây vũ cường tráng luôn luôn rung lên những âm sắc nam nhi (?) sáng khoải làm phong phú cung đàn văn chương đất nước*. Ghê quá. Qua những lời lẽ hùng hồn kia, người đọc tự hỏi quan đã đọc Bình Ngô Đại Cáo chưa, thậm chí có đọc Truyện Kiều toàn văn hay không. Văn chương này, “*nhân dân*” xếp vào loại vô công rồi nghề.

Rồi ngài kết luận :

Nguyễn Công Trứ là một type (!) trí thức khá gần gũi với người trí thức hôm nay. Đánh giá đúng Nguyễn Công Trứ là một điều hết sức cần thiết (tr. 11).

“*Người trí thức hôm nay*” không ai đánh giá ai cả, y compris (!) Nguyễn Khoa Điềm.

Ôi xa rồi, xa lắm rồi, cái thời *bẻ củ sắn, chia đôi điều giản dị*.

Đặng Tiến

15. 4. 1996



(1) Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 1995, 300 trang, giá bán tại Paris : 48F.

(2) Vũ Ngọc Khánh, *Nguyễn Công Trứ*, Nxb Văn Hoá, Hà Nội 1983.

(3) Nxb Văn Hoá Thông Tin, 1993.

(4) Vũ Ngọc Khánh, *Sdd*, tr. 237.

(5) Bài này của Vương Trí Nhàn được ghi lại trên báo *Kiến thức ngày nay* — TPHCM, số 205, ngày 10/04/96, được biên tập lại gọn gàng hơn. Cũng là nghịch lý : thường thường cuốn sách phải được biên tập kỹ hơn tờ báo chứ.

Nhân đọc quyển
Nguyễn Công Trứ
Con người, cuộc đời và thơ

Phần I gồm 13 bài của 13 vị có uy tín lớn trong nhiều ngành, mỗi bài một vẻ, bài nào cũng rất hay, nói lên *cách nhìn khác với thời gian qua* về nhiều khía cạnh đối với một danh nhân trong lịch sử.

Phần III - Tư liệu về Nguyễn Công Trứ.

Phần này gồm nhiều tư liệu hay và mới của nhiều học giả đóng góp.

Vì sợ bài quá dài và e không tóm thu được cái hay trong hai phần trên đây, tôi nhường cho một người bạn vừa là nhà phê bình vừa là nhà giáo viết: Tôi chỉ lược kê một số chữ sai ở Phần II.

Phần II - Tác phẩm của Nguyễn Công Trứ - Thơ, phú, hát nói do quý ông Ngô Văn Phú tuyển thơ, Ngô Văn Phú và Phạm Vĩnh Cư chịu trách nhiệm bản thảo, Lại Nguyên Ân biên tập chính.

a) Thơ Nguyễn Công Trứ đã được in ra nhiều lần rồi, quý vị chỉ chọn có 34 bài, thế mà sai sót thì nhiều hơn bất cứ bản nào mà tôi đã được đọc ! Tôi nói rõ là *sai* chứ không phải *khảo dị*. *Xin lược kê một số (chỉ một số thôi) chữ sai :*

Tr. 149 Anh hùng khi *gặp* (gặp là *gấp khúc lượn*) cũng khoanh tay.

Tr. 153 *Phiên trực* (Phên trúc) ngăn nửa bếp nửa buồng,

Tr. 154 Áo vải thô nặng trĩu, lạnh làm nền, nực làm *hối* (gối),

- - Khăn lau *giặt* (giắt) đồ lòm,

- - Cuộc uống rượu, be sành chấp *cổ* (cổ).

Tr. 155 *Quê* (Quẻ) đã hạc... (Đã Hạc đáng lẽ phải viết hoa)

- - Buồn bán rắp theo nghề *đó* (đỏ),... (Bạc cờ toan gỡ cơn *đen*,...)

Tr. 156 Tắt do thiên, âu phận *ấy* (sốt chữ *ấy*) là thường, (chữ *kia* ở câu dưới đổi lại)

- -, *dấu* (dấu là sự tích) xưa ông Phó, ông Hề ;

- -, *thuở* trước chàng *Khuơng* (Khuông : Khuông Hành), chàng Võ.

Tr. 165 Tài tử giai nhân *tái* (tế) ngộ nan.

Tr. 167 Ngồi *thừ* (thủ ?) găm trăm hoa ai nhuộm,

- - Hoa với khách như *đã* (đà) có hẹn, (*đã có hẹn* là ba thanh trắc liền nhau...)

Tr. 172 Đã sinh người lại *hẹn* (hạn) lấy năm,

Quý vị chép *hẹn* rồi chú thích : “ Trời đã sinh ra người, chỉ *hẹn* cho sống được bao nhiêu năm rồi bắt phải chết, chứ không cho sống mãi. ”

Ai dám bảo là chú thích không rõ ?

Tr. 185 Bóng kỳ đài *trắng* (giăng ?) mặt nước như in,

- - *Làn* (Tàn ?) thảo thụ che bên toà cổ sát.

- - Chiếc *cổ* (cổ) vù, mảnh lạc hà bát ngát,

- - Để khách rượu làng *chơi* (thơ) ngơ ngẩn.

- - Chùa *chơi* *dầu* (dầu đây) một tiếng chuông rơi. (Chùa *chơi* *dầu* vô nghĩa)

Tr. 188 *Thù* thế *kể* (kể) lấy làm đệ nhất.

b) Có khi chép sai lầm cho câu thơ vô nghĩa và khó đọc. Ví dụ :

Tr. 149 Non sông *lần thần* (lần thần) mấy thu chầy. (Bốn thanh bằng liền nhau)

Tr. 156 *Thần thì* (thần thì) to to nhỏ nhỏ, ...

Không những lần thần và thần thì không có trong tiếng Việt mà bốn thanh bằng đi sát nhau như vậy không đọc được. Vẫn biết Tản Đà và sau Tản Đà, Xuân Diệu có làm vài câu thơ *Phá Thế toàn bằng* chơi, nhưng Nguyễn Công Trứ thì chắc chắn là không.

c) Vì ở xa, tôi không biết ở bên nhà có chú ý đến chính tả không, chú ở hải ngoại, nhất là mấy ông nhà báo, thì họ giỏi chính tả lắm.

Tr. 174 Chí những toan *rời* (dời) núi lấp sông,

Tr. 178 Đã mấy độ sao *rời* (dời) vật đổi,

(*Vật toán tình di kỷ độ thu* - Thơ Vương Bột đời Đường)

Tr. 182 *Xong* (Song = song le) đạo thống hầy rành rành công cử.

Tr. 204 Gồm thao lược đã *lên* (nên) tay ngắt ngưỡng.

d) Một bài thơ mà đổi đầu đề và sửa đi vài chữ rồi chép đi chép lại đến ba lần ! Lần thứ nhất ở trương 104, lần thứ hai ở trương 164, lần thứ ba ở trương 174. Tại sao bài thì chép ba lần mà có những bài thuộc loại tiêu biểu bậc nhất lại không chọn ?

Chẳng hạn bài thơ ứng khẩu *Vịnh Cây Vông* là thuộc loại thơ châm biếm sâu sắc và hay vào bậc nhất. Giai thoại Nguyễn Công Trứ đối đáp với thượng thư Hà Quyền cũng rất thú vị.

Hoặc bài thơ chữ Hán độc nhất : Bài *Thất Thập Tự Thọ*. Làm thơ rồi *mời* (thực ra là *thách*) các quan triều hoạ thơ mình thì chưa có ai ngang tàng và trịch thượng như Nguyễn Công Trứ ! Trong năm bài hoạ có bài của tiến sĩ Nguyễn Quý Tân hoạ thơ chữ Hán bằng chữ Nôm rất độc đáo ! Nếu thay hai bài chép thừa bằng hai bài này thì số trương không thay đổi mà lại thêm được hai bài thơ rất hay.

đ) Phần II trong quyển này còn thiếu phần Khảo Dị để người đọc rộng đường tham khảo. Xin nêu một ví dụ để chứng minh phần Khảo Dị rất quan trọng :

Tr 204 Quý vị chép : *Được mất dương dương người thái thượng* (*thái* không viết hoa).

Tr.206 Quý vị chú thích : “ *Thái thượng* cũng như *Thái cổ*. Hai câu này nói người đời Thái thượng (*Thái* viết hoa) không quan tâm đến sự được hay mất, khen hay chê coi như gió thoảng qua. ”

Trong quyển Nguyễn Công Trứ của Vũ Ngọc Khánh (Nxb Văn Hoá 1983, tr. 235) chép *Được mất dương dương người tái thượng* và chú thích theo điển “ *Tái ông thất mã* ”.

Tôi nghiêng về phía Vũ Ngọc Khánh.

Tham khảo với sách khác thì thấy Vũ quân giải rất đúng, tôi xin tóm tắt :

Theo sách *Hoài Nam Tử* : Có ông ở gần cửa ải (*Cận tái thượng chi nhân*) mất con ngựa, có người thăm hỏi, ông nói : Chưa chắc đã là sự *rủi* đâu. Sau đó con ngựa trở về đưa theo một con tuần mã, ông nói chưa chắc đã là *may* đâu. Ít hôm sau con trai ông cưới con tuần mã bị ngã què, ông nói chưa chắc đã là một sự *rủi*. Quả nhiên sau đó con ông vì què nên không bị bắt đi lính.

Về phần thơ thì đang còn chuyện nói (kể cả phần III), nhưng bài đã dài rồi, xin dừng bút.

Paris, ngày 1-4-1996

Nguyễn Hữu Thành

Một người tiền sử nào đó, một hôm, vô tình hay hữu ý, chuyển từ đồ đá sang mài đá đã là một trong những cuộc cách mạng lớn nhất trong đời sống nhân loại. Công cụ mới đã đẻ ra năng suất mới trong hoạt động săn bắn và hái lượm. Đồ ăn không hết, phải lo để dành. Từ đó nảy sinh ra chăn nuôi và trồng trọt.

Người nông phu và kẻ mục phu có ước vọng nhân nhanh những cá thể : cây cối hoa sai quả đậu, vật nuôi sinh năm đẻ bảy, thậm chí con người cũng phải “ *sòn sòn năm một* ” để lấy thêm sức lao động. Nhu cầu hiện thực dễ chuyển hoá thành nhu cầu tâm linh, bởi lẽ tâm thức nguyên thủy coi mọi sự ở thế giới *thực* đều có nguyên nhân nằm khuất trong thế giới *huyền*. Cái không nhìn thấy chi phối cái nhìn thấy, *huyền* quan trọng hơn *thực*. Người ta thờ cúng để cầu phồn thực phồn sinh.

Tín ngưỡng phồn thực (*culte de fécondité*) là một hiện tượng tôn giáo có tính toàn thế giới. Hầu như ở đâu ngày nay người ta cũng bắt gặp những vết tích của nó. Những hình vẽ trong hang động, những tượng đá cổ sơ nhất đào được ở nam Pháp, bắc Tây Ban Nha... là những người đàn bà đầu nhỏ, mặt mũi không rõ nét, nhưng mông, vú, âm vật thì rất to. Các nàng vệ nữ nguyên thủy này thời ấy được tôn sùng chỉ vì sự mắn đẻ¹. Các cơ quan sinh sản được đặc tả để nói về sự sinh sản. Tục thờ sinh thực khí và những gì gợi nhắc đến sinh thực khí là ước vọng phồn sinh. Người sơ cổ tin rằng, năng lượng ở thiên nhiên hay ở con người có khả năng truyền dẫn sang vật nuôi và cây trồng.

Không ở đâu như ở Ấn Độ, Nepal (thậm chí với cả các nền văn hoá ngoại Ấn như Champa), tục thờ linga – yoni (dương – âm vật) phổ biến đến như vậy. Đó là hai vị thần, hay nguyên lý khởi nguyên của vũ trụ, phân biệt và hoà hợp với nhau để sinh ra vạn vật ở các ngôi đền Ấn giáo, Phật giáo Mật tông, trên mặt tiền, dưới chân cột hoặc trong nội điện đầy các tượng thần nam, nữ đang ở trạng thái cương cứng hoan lạc. Người xem tưởng như đang đọc các hình minh hoạ ở trong những cuốn sách dạy kỹ thuật làm tình như *Dục lạc kinh* (Kamasutra), *Sử nữ kinh*, *Vườn hương*²... Tuy không giàu chất tâm linh như dân Ấn, nhưng với đầu óc khá quát cao, người Trung Hoa nâng cái yếu tố dục – cái thành hai nguyên lý phổ quát là âm và dương. Sự kết hợp âm dương sinh thành mọi vật.

Ở Việt Nam, tín ngưỡng phồn thực không mang tính chất vũ trụ luận cao và xa như ở Trung Hoa và Ấn Độ. Nó còn ở trạng thái tự nhiên như cây cỏ, bò lan trên mặt đất và cắm sâu rễ vào lòng đất. Mảnh đất gió mùa nhiệt đới, tuy được lợi về ánh sáng và độ ẩm, nhưng nhiều thời bệnh và không hẳn đã màu mỡ. Hơn nữa, hệ sinh thái tiền sử xứ này *thực vật* nhiều hơn *động vật*, số lượng *loài* nhiều mà số lượng *cá thể* trong mỗi loài ít. Sự không ưu đãi đó của thiên nhiên, nhất là

khi chuyển sang trồng lúa nước ở châu thổ chưa hẳn định hình, công cụ sản xuất chủ yếu là đồ đồng, đã làm cho nhiều người Việt Nam, từ xưa đến nay, lâm vào cảnh “ *sống được là may* ”. Do đó, sống được như một nguyên tắc thiết cốt, trên hết, một cái gì đó như là “ *đạo sống* ”, “ *đạo sinh tồn* ”. Tâm thức đó là nền móng vững chắc của tín ngưỡng phồn thực trong một vũ trụ quan đậm màu sắc vật linh luận, dẫn được gói kỹ bằng các lớp phủ như của lễ thức, lễ nghi Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo.

Tín ngưỡng phồn thực trước hết biểu hiện ở tục thờ *sinh thực khí*, biểu tượng của *năng lượng* thiêng sinh ra muôn loài. Hiện nay khó tìm thấy tục này ở dạng nguyên sơ, hay tượng hình thô thấp như các linga – yoni Chăm. Đúng hơn người ta thường bắt gặp những bóng dáng của nó. Cột đá chùa Dạm ở Hà Bắc là biểu tượng của linga. Cây cột đá ở Vũ Ninh tương truyền nơi Thánh Gióng buộc ngựa cũng là linga. Các giếng nước ở đền, chùa như giếng Tiên ở

Lạng Sơn, giếng Ngọc ở Đền Hùng... đều là hình tượng yoni. Linga – yoni thấp thoáng có mặt ở khắp nơi : cây gậy chọc lỗ để gieo hạt, cái cày cày xuống lòng đất mẹ, chày và cối, bánh chưng (gói dài) và bánh dày, chiếc chìa vôi cắm vào bình vôi, *đũa bông* cắm vào bát cơm quả trứng trên quan tài người chết, cái roi ngựa (cái hoa tre) của Phù Đổng trong ngày hội Gióng... Mỗi biểu tượng này đều có những ý vị riêng biệt, nhưng chung một triết lý *phồn thực*. Cái cày (tục ngữ : *ngủ ngày cày đêm*) là biểu tượng *dương vật* giao hợp với đất mẹ để sản sinh ra hoa trái. *Bình vôi* cắm *chìa* có mặt trong mỗi gia đình là biểu hiện của sự hoà hợp, động tác *rút ra* *đút vào* khi lấy vôi tằm trâu, nhất là trâu cưỡi, chỉ sự giao hợp năng sinh năng bản. *Đũa bông* cắm trên bát cơm là cầu mong cho người chết được tái sinh trong kiếp khác. Cướp hoa tre trong hội Gióng là để lấy khước. Hiện nay một số gia đình ở thôn quê vẫn còn treo hình tượng *nô nường* lên giàn bầu, giàn bí để được sai quả.

Tục thờ sinh thực khí thường liên quan đến các hành động *tính giao*. Trên tháp đồng *Đào Thịnh* (Yên Bái) có bốn khối tượng nam nữ đang *giao phối*. Khối tượng dài 8 cm, cao 3,5 cm tạc hình đôi nam nữ chồng lên nhau, tư thế điển hình nhất của con người. Người đàn bà *vú nhọn*, hai tay ôm đỡ người đàn ông. Người đàn ông hai tay ôm quẩn lấy bạn tình, *dương vật* lớn quá cỡ³. Người xưa tin rằng, hành động giao hợp của con người sẽ gây cảm ứng sang muôn vật. Bởi vậy, có nơi vào ngày gieo trồng họ mang nhau ra bờ bãi để *giao hợp*. Ở Bắc Bộ đàn bà khi cấy lúa thường kể chuyện tục. Gầm giường các cặp vợ chồng mới cưới thường để *khoai giống*, *thóc giống*... Mùa trồng trọt được bắt đầu bằng *hội xuống đồng* hoặc lễ tịch điền, trong đó nhà vua cày những luống đầu tiên.

Liên quan đến tục thờ sinh thực khí và hành vi tính giao

TÍN NGƯỠNG PHỒN THỰC nhìn từ góc độ văn hoá – lịch sử

Đỗ Lai Thúy

là tục thờ cây thờ đá và các nghi thức có dính đến rước (biểu tượng của tinh dịch). Cây và đá được thờ vì chúng mang nữ tính : đá cũng mọc như cây, đều mang mầm mống của sức sống. Tục thờ các ông Đồng ở đồng quê Bắc Bộ cũng bắt đầu bằng tục thờ đá (chữ *đồng* là rút gọn của *pù-đồng* tiếng Tày – Thái là núi đá). Ở nhiều nơi hiện còn cầu cúng những hòn đá thiêng, hoặc những đồng đá (có khi chỉ là đồng đất do mối dùn). Mỗi khi đi chợ hoặc đi làm ăn qua đây, người ta đều bỏ thêm vào một **hòn đá** để cầu may. Những người **hiếm con** đi chùa Hương để xin **đá cô đá cậu**. Thậm chí, cạo bột đá ở đồng thóc đụn gạo mang về để lấy sự phồn vinh. Trẻ em khó nuôi thường được “**ăn mây**” (giao làm con nuôi) thần đá. Có lẽ nguồn gốc của giả sơn là ở tục thờ đá. Xưa kia núi giả sơn thường được đặt vào những nơi thờ nữ thần.

Tín ngưỡng phồn thực phát triển rất mạnh suốt thời Bắc thuộc, mặc dù lúc ấy tam giáo đã xâm nhập vào đất Việt. Dĩ nhiên, bấy giờ đã diễn ra quá trình đan xen văn hoá giữa các tín ngưỡng bản địa và tôn giáo ngoại lai. Nhưng sự biến đổi của cả hai bên chỉ thật sự mạnh mẽ khi bắt đầu kỷ nguyên độc lập. Phật giáo trở thành tôn giáo chủ đạo, phần nào được nhà nước hoá. Phải nói rằng, Phật giáo đã có những đóng góp không nhỏ cho văn hoá Việt Nam. Nó giữ vai trò cơ chế thống nhất tư tưởng sau khi đất nước đã thống nhất địa lý. Nó mang đến thái độ khoan hoà, lòng nhân ái và tư tưởng bình đẳng. Với thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã xuất hiện những tư tưởng triết học, những thắc mắc bản thể luận. Nhưng Phật giáo với tư cách là quốc giáo cũng đã chèn ép các tín ngưỡng bản địa. Sử cũ còn ghi chuyện Trần Nhân Tông, vị vua hai lần đánh thắng quân Nguyên Mông, sau khi từ bỏ ngôi vua, làm chùa Trúc Lâm Đệ Nhất Tổ, đã đi khắp nơi thuyết pháp để loại bỏ các dâm thần và dâm tử. Tín ngưỡng phồn thực, trước tình thế đó, phải *hoá thân* vào Phật giáo để tồn tại.

Chùa Dâu có lẽ là hiện tượng đặc trưng của sự hoá thân này. Sự thờ cây, thờ đá, thờ mẫu đã trở thành thờ Phật. Hòn đá biến thành Thạch Quang Phật. Bà Dâu là nhân vật trọng tâm của Phật điện. Cùng với ba bà khác, đó là tứ pháp (mây, mưa, sấm, chớp) để làm ra nước cho cây cối sinh sôi nảy nở⁴. Những lễ rước nước, lễ tắm Phật, những cơn mưa rửa chửa (trước hội) đều dính dáng đến tín ngưỡng phồn thực. Thậm chí, hình tượng hoa sen của chùa Một Cột qua giấc mơ của một ông vua nhà Lý cũng chỉ là một lớp phủ Phật giáo lên cây hương thờ — một biến thể của *linga*.

Đến thời Lê sơ với sự độc tôn Nho giáo, chính quyền trung ương được củng cố một bước nhờ bộ máy cai trị là tầng lớp nho sĩ thư lại. Nho giáo thực dụng, đề cao đạo đức và tôn ti trật tự. **Đình** từ chỗ là trạm dịch chuyển thành đình làng và dần dần lấn át **chùa**. Nhà nước tiến hành sắc phong thành hoàng cho một loạt đình. Các nhiên thần, nhân thần, nhân vật lịch sử trở thành người bảo trợ cho các làng. Trong đó không ít những **dâm thần** cũng trở thành thành hoàng làng...

Như vậy, tín ngưỡng phồn thực có một sức sống mãnh liệt trong đời sống tâm linh Việt. Nó không chỉ hoá thân vào thần Phật để tồn tại mà còn buộc thần Phật cũng phải thay đổi theo nó. **Quan Thế Âm Bồ Tát** vốn là đàn ông mà sang đến

Việt Nam đã trở thành **đàn bà** : Phật Bà Quan Âm (*). Đẳng sau các lễ hội, dấu mang tính chất chính thức đến đâu, người ta cũng thấy dấu vết của các **hội xuân, hội mùa** mà hạt nhân của nó là **tín ngưỡng phồn thực**. Hơn nữa, đối dụng với phần *lễ* mang tính chất chính thức, nghiêm trang, bao giờ cũng có phần *hội* đậm chất dân gian, vui nhộn. Hội làng Đức Bắc (huyện Lập Thạch, Vĩnh Phú) có tục **rước nõ nường** (chày gỗ vòng và mo cau). Ở hội Chen làng Nga Hoàng (huyện Quế Võ, Hà Bắc), sau khi tế lễ xong, **trai gái tự do chen nhau, sờ soạng nhau**. Cũng vậy, trong đêm *rã đám* ở hội **La** (thị xã Hà Đông), người ta tắt hết đèn đóm để trai gái tự do vui chơi : *Boi Đăm, rước Giá, hội Thầy, vui thì vui thật chẳng tây rã La*. Trong một số hội, các hành vi tính giao không chỉ có tính chất tượng trưng mà là *làm thực*. Những đứa trẻ ra đời nhân dịp này không hề làm cho mẹ chúng phải phạt và *gọt đầu bôi vôi*, mà ngược lại còn được quý trọng vì đã mang lại sự phồn thực cho cả làng.

Những khi Nho giáo không giữ được địa vị độc tôn, hoặc chính sách của nhà nước ít nhiều khai phóng như dưới triều Mạc chẳng hạn, tín ngưỡng phồn thực đặc biệt phát triển. Cùng với chùa, quán, các đền, miếu cũng được xây dựng trở lại. Đặc biệt có chùa thờ **Bà Banh**, tượng **nữ thần loa loa** mà ai đến lễ bái đều phải lấy chiếc gậy gỗ chọc vào âm vật. Các nhân vật hề chèo, chú Tễu ra đời. Hát của đình thành hát **ả đào**. Các trò hát ví, hát đúm, hát xoan, **hát ghẹo** phát triển. Những truyện tiểu lâm, những câu **đố tục giảng thanh** hẳn cũng ra đời vào lúc này. Thậm chí giữa chốn đình trung thâm nghiêm là những bức tranh khắc gỗ tả cảnh trai gái tắm ao, đùa rồn nhau. Chính niềm tin vào sự phồn thực phồn sinh khiến người ta không còn thấy những hiện tượng trên là nghịch mắt nghịch tai nữa.

Như thế, tín ngưỡng phồn thực không phải là hiện tượng dâm tục như trước đây và ngày nay có người còn nghĩ như vậy. Nó là ước vọng *com no áo ấm* ngàn đời của dân tộc, một hiện tượng văn hoá — tôn giáo được thời gian lịch sử mã hoá đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu và xử lý thận trọng.

Đỗ Lai Thuý

(*Thông tin khoa học N-T*, Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, số 1 năm 1996).

¹ Xem R. Lewinsohn, *Histoire de la vie sexuelle*, Payot, Paris 1958. Trong cuốn *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience* (Editions sociales, Paris 1973), giáo sư Trần Đức Thảo giải thích hiện tượng mô to quá cỡ của các nàng Vệ nữ nguyên thủy hơi khác như sau : người đàn bà đứng thẳng đi bằng hai chân, móng còn chưa phát triển nên khi để tỷ lệ tử vong rất cao, chỉ những người khung chậu lớn mới thoát chết.

² Xem Tucci, *Rati-Lila*, Ed. Nagel, Genève 1969.

³ Xem Nguyễn Văn Huyền, *Từ những tượng nam nữ yêu nhau trên thập Đạo Thịnh suy nghĩ về ước vọng phồn thực lâu đời của nhân dân ta*, Tạp chí Văn hoá dân gian.

⁴ Xem Phan Đại Doãn & Lê Văn Mỹ, *Phật giáo dân gian vùng Dâu*, Văn hoá dân gian, số 1-1987.

(*) Về điểm này, người đánh máy sợ rằng tác giả đã quá *vơ vào* : Quan Thế Âm Bồ Tát đã trở thành Phật Bà Quan Âm tại Trung Á, Trung Quốc, Tây Tạng trước khi sang Việt Nam.

Dài ý kiến về
**nhà ở cho nông dân
miền Tây Nam Bộ**

Nguyễn Đạt

Trong dịp về thăm gia đình, tôi có được nghe nói về đề tài xây dựng mô hình nhà ở cho nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long. Đề tài này đã được thảo luận và triển khai trên ba năm nhưng vẫn chưa có được một mô hình nào tạm coi là... “vừa ý” nhất! Có một bác đề nghị “các anh ở nước ngoài thử có ý kiến về việc này xem sao”. Thú thật, cá nhân tôi không dám “đụng” đến bởi hai lẽ:

– Thứ nhất, phải thật sự hiểu rõ về con người và hoàn cảnh ở địa phương này, nhất là nếp sống, phong tục tập quán, những nhu cầu thường ngày, những điểm đặc thù từ hoàn cảnh tự nhiên và xã hội. Cho dù tôi sinh ra ở ngay miền Tây Nam Bộ nhưng tôi thật tình biết rất mờ mờ về vùng đất này bởi từ lúc mới một tuổi đã lên sống tại Sài Gòn. Tất cả hình ảnh và hiểu biết về vùng đất quê hương này chỉ có từ những chuyến đi chơi ngắn ngày, qua sách vở hay lời kể của thân quyến, bạn bè.

– Thứ hai, Việt Nam đã có những kiến trúc sư mà “tên tuổi” đã đi vào lịch sử kiến trúc quốc tế qua các giải thưởng nổi tiếng, ví dụ như ông Thụy, như anh Tấn. Kinh nghiệm xử lý các vấn đề thuộc dạng này không thể không có ý kiến từ các tên tuổi đó.

Tôi chỉ thắc mắc vì không hiểu tại sao các nhà kiến trúc và xây dựng Việt Nam không “thích thú” với đề tài này (?). Từ ngày ra đề tài này đến nay, hầu như chỉ lác đác vài mô hình được thực hiện một cách “nghèo nàn”. Vài mẫu nhà lắp ráp theo kiểu nhà tiền chế (tựa như *mobile home*) với vật liệu chính là “tôn lá” và tấm lợp fibro-ciment, có căn như nhà sàn, có căn như *trailer*, từ màu sắc đến kiểu dáng thật khó được nông dân ưa chuộng. Có một vài Việt kiều (hình như từ Canada, Đức, Úc thì phải) cũng trình bày vài kiểu dáng mới mẻ với vật liệu ngoại nhập nhưng giá thành lại quá cao và cũng chưa phù hợp sở thích cũng như nhu cầu của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tôi không biết có phải vì ngoài hai lý do như tôi vừa nêu trên, còn có những lý do nào khác, chẳng hạn như: đối tượng (nông dân) không phải là “mối bỏ” (vừa không có nhiều tiền, lại khó tính), hay vì bế tắc trong việc phải giải quyết cùng lúc 5 mối (nhu cầu+sở thích+re+đẹp+bền)? Cũng có thể vì nhiều lý do “thầm kín” khác mà không ai tiện nói ra. Chỉ biết một điều: đề tài này đã không thu hút giới kiến trúc và xây dựng trong nước, nhất là giới trẻ. Tôi có đề nghị với kiến trúc sư Nguyễn Quang Nhạc (Sài Gòn): Thử tổ chức một giải thưởng với đề tài này xem sao? Trước mắt, các sinh viên ngành kiến trúc và xây dựng có thể tham gia vừa với tư cách nhóm hay cá nhân thực hiện đề tài tốt nghiệp (cũng có

thể mở rộng cho sinh viên năm thứ hai tới năm cuối); vừa có thể với tư cách cá nhân tham gia tranh giải (competition) ở tầm mức quốc gia mà kết quả không chỉ là hiện kim, tặng phẩm hay phần thưởng giá trị hơn từ các công ty đa quốc gia/ngoại quốc bảo trợ, đó còn là vinh dự đáng hãnh diện, là một kỷ niệm sẽ lưu lại trong cả album, portfolio (press-book) và resume của họ sau này. Trên hết, nếu như đồ án trúng giải trở thành kiểu mẫu được ưa chuộng nhất sẽ nhanh chóng được xây dựng ở khắp vùng châu thổ sông Cửu Long trong chương trình quy hoạch và phát triển toàn vùng thì... hạnh phúc, sung sướng đến dường nào nhỉ? Các bạn trẻ thử nghĩ đến điều đó đi, bởi đó không chỉ là giấc mơ của từng con người đã và đang đi theo ngành xây dựng và kiến trúc mà còn là giấc mơ ấp ủ từ lâu ngày của hàng triệu con người đã sinh ra và sống trên vùng đất phù sa châu thổ sông Cửu Long này. Giấc mơ này bao giờ mới thành sự thật, nếu như ngay thể hệ chúng ta vẫn còn ngoảnh mặt làm ngơ? Không lẽ lại đợi đến thế hệ con cháu chúng ta?

Tôi xin phép các tên tuổi đã thành danh, dù còn ở trong nước hay đã bốn ba hải ngoại, để được nêu lên vài ý kiến về đề tài này như một trách nhiệm lương tâm chứ hoàn toàn không vì phách lối, kiêu ngạo mà phô trương, khoe lác nọ kia. Rất mong quý vị sẽ cho ý kiến, chỉ dạy và hướng dẫn thêm, nếu như bài viết có những điểm chủ quan, sai lầm. Với các bạn trẻ, tôi rất mong được tiếp tục chia sẻ vì một tương lai tốt đẹp của Việt Nam, hoàn toàn không phải vì cái “tôi” mà là vì quê hương của tất cả chúng ta, bởi tôi tin sự sáng tạo và chịu khó sẽ được đền bù xứng đáng.

Miền Tây Nam Bộ — khi cố hình dung lại mảnh đất quê hương yêu dấu này của tôi thì con sông Cửu Long với chín cửa và hàng ngàn kilômét kinh rạch chằng chịt, với mùa nước nổi, với chiếc ghe tam bản, chiếc xuồng ba lá là hình ảnh nổi bật nhất luôn đọng lại trong tâm trí tôi. Y hệt mạng lưới xa lộ (freeway) ở California, hệ thống sông rạch này ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống, nhu cầu, cá tính và thói quen của nông dân vùng đất này. Có thể nói sông rạch là mạch máu luân lưu nuôi sống toàn miền. Xây dựng nhà ở trên miền đất này không thể không quan tâm đến con sông Cửu Long và mạng lưới sông rạch chằng chịt ở đây, hướng hồ hầu như nhà nào ở đây cũng có một chiếc xuồng ba lá và ai cũng thích sống gần sông rạch bởi đó vừa là nơi cung cấp nguồn nước ngọt cho cuộc sống, cho tưới tiêu, cung cấp thực phẩm (cá, tôm, tép...), vừa là nơi tắm rửa, giặt giũ, vừa là “xa lộ” êm mát và trữ tình nhất thế gian này. Gần sông rạch, không khí mát mẻ và dường như thanh tịnh hơn. Tuy vậy, lụt lội và mùa nước nổi lại là một vấn đề “đau đầu” bởi không dễ khắc phục thiên tai này. Cho nên đây là vấn đề mà bản thân tôi lưu ý trước hết, chưa thể giải quyết mọi vấn đề ở tầm mức quy mô hơn.

Tuy sống gần sông rạch nhưng bao giờ người nông dân Nam Bộ cũng coi nước như là một mối quan tâm hàng đầu bởi đó cũng là nhu cầu quan trọng bậc nhất, như cơm gạo và không khí vậy. Nhà nào cũng có ít nhất một lu nước uống, khá hơn thì có vài lu nước xài, cũng có khi đào một cái ao hay xây luôn một hồ chứa nước (thường chỉ 5 hay 3 thước khối) ngay phía sau nhà. Cho đến tháng 7-94, tôi vẫn thấy

hầu như nhà nào trong miệt vườn cũng chỉ xài nước mưa, nước từ ao hồ hay sông rạch chứ chưa có được hệ thống dẫn nước từ Nhà Máy Nước quận hay tỉnh. Trước 1975, Nha Cấp Thủy (Bộ Công Chánh) có nhiều cố gắng trong việc đào giếng để cung cấp cho các vùng thôn quê hẻo lánh nhưng từ đó đến nay, các hệ thống giếng, máy bơm và ống dẫn nước không được cải thiện mà cũng không thấy xây dựng thêm được là bao (?). Cho nên, khi xây dựng mô hình nhà ở cho nông dân vùng này, chúng ta không thể quên vấn đề này.

Nông dân gắn liền với mảnh đất, ruộng vườn như thế nào thì họ cũng yêu con trâu, cái cày, cái bừa... của họ như thế đó. Mất những thứ đó là mất chén cơm, manh áo, mất cuộc sống. Cho nên, chúng ta không thể không quan tâm đến một nơi cất giữ “gia tài” nhỏ nhoi này. Ở Mỹ, nếu không có nhà kho thì cũng có một tủ cất giữ dụng cụ trong nhà xe (garage). Nông dân Nam Bộ cũng có nhu cầu không thể thiếu này.

Kiểu nhà ở đây phổ biến nhất cũng vẫn là kiểu nhà “ba gian, hai chái” thường trên một nền đất cao hay là một loại nhà sàn với chuồng trâu, bò, heo, gà... phía dưới (chủ yếu ở vùng có mùa nước nổi hay dễ bị lũ lụt hàng năm). Cửa chính mở rộng ra ngay giữa gian chính — đó cũng là nơi thờ phượng, tập hợp gia đình và sinh hoạt chung (như living room ở Mỹ vậy). Trước tủ thờ thường là một bàn khách với hai hay bốn ghế (tuỳ giàu hay nghèo mà thay đổi). Đây cũng là bàn ăn chung của gia đình, ngoại trừ các gia đình khá giả hơn thì có bàn ăn riêng hoành hơn phía sau, gần khu chái bếp. Chỗ ngủ thường là một bộ ván ngay phía sau tủ thờ hay hai gian bên. Đầu bộ ván là tủ quần áo. Chái phải thường chứa thóc, lúa, giống... và các nông ngư cụ. Chái trái thường là nơi để ghe xuồng, với phòng tắm sát bên chái bếp phía sau. Góc bếp nằm phía sau chái hè, gần sàn nước và mấy cái lu. Dưới mấy cái bếp thường là mấy đùn rơm rạ, củ hay mấy tàu lá khô — tôi muốn nói đến nơi chứa “chất đốt”. Khối bếp cứ mặc nhiên toả ra “thoải mái” theo các khe hở giữa mái lá và vách đất. Mái thường lợp bằng lá dừa nước, trung bình năm hay ba năm thay lại một lần. Mái ngói, tường gạch quét vôi chỉ có ở những nhà khá giả hơn, thường gần quận lỵ hay tỉnh lỵ, thị trấn. Phòng tắm thường sát cạnh bếp, kế sàn nước. Nhà vệ sinh thường là loại “cầu cá tra” nằm trên ao cá xa nhà một tí nhưng thoáng mát, tiện lợi và rất đơn giản. Các nhà khá hơn thì cất một phòng tắm chung với nhà vệ sinh ngay sau chái bếp, gần hồ chứa nước. Tuỳ địa phương, tuỳ sở thích và khả năng tài chánh của gia chủ, nhà ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có sự sắp xếp bên trong (interior design) và kiểu cách bên ngoài (exterior) có thay đổi chút ít nên dù có “lai Tây” hay “lai Tàu” thêm chút đỉnh nhưng nhìn chung vẫn là vậy. Nói tóm lại, khái niệm về nhà ở của nông dân miền đồng bằng Tây Nam Bộ còn đọng lại trong ký ức tôi chỉ đơn giản và vốn vẹn như vậy thôi. Cho nên, đó cũng chính là cái “sườn”, từ đó có thể phác hoạ một bình đồ (floor plan) của một căn nhà tiêu biểu với những nhu cầu, hoàn cảnh và điều kiện tiện nghi căn bản như vậy. Sau đó mới là sự sắp xếp lại “không gian” (Space) — nói nôm na, chúng ta sẽ bắt đầu chơi với các Khối (Form) và Không gian, sẽ tìm ra Khoảng trống (Open spaces) và Nối kết (Connection) để tạo ra Lưu thông (Circulation) hợp lý và thuận tiện nhất. Sự sáng tạo của mỗi cá nhân được thể hiện

trong bước quan trọng này trước khi đi tiếp giai đoạn kế: kết cấu và tạo dáng cho một tổng thể hoàn chỉnh. Vật liệu được sử dụng cho vùng này cùng lúc phải thoả mãn 5 mối chính mà tôi đã nêu trên đây, nhất là phải đáp ứng được điều kiện địa lý, khí hậu, thủy văn của vùng này. Bên cạnh đó, phí tổn lại thu hẹp trong con số 1500 đến 3500 Mỹ kim cho mỗi căn nhà (không kể tiền đất). Bởi thế, sự kết hợp với các sinh viên khoa Xây Dựng và các khoa khác thuộc các trường Đại học Bách Khoa và Tổng Hợp sẽ là điều bắt buộc và cần thiết phải có trong việc nghiên cứu, tìm tòi một vài loại chất liệu mới nhằm cung ứng cho việc sản xuất ra các loại vật liệu mới cho ngành xây dựng địa phương. Chẳng hạn, chúng ta thử nghiên cứu các xo dừa hay nhân dừa để trộn với thạch cao hay đất sét cùng với các loại hoá chất khác nhằm làm ra một loại tường vách chế sẵn (drywall/sheetrock) mới bằng chính nguyên liệu tại chỗ, vừa tận dụng tài nguyên đất nước, vừa giải quyết nguồn lao động và tiết kiệm rất nhiều, chưa kể có thể xuất khẩu sau này. Vách tường không thể chỉ nhắm vào tôn kẽm hay kim loại nào khác bởi chúng không đáp ứng nhu cầu và sở thích của “thân chủ” của chúng ta. Với mái nhà cũng vậy, chúng ta không thể quanh quẩn mãi với tấm lợp fibro-ciment. Làm sao người sử dụng có thể tự làm hay thay thế dễ dàng theo kiểu “Do-It-Yourself” thì quả là thành công đáng kể. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây vấn đề tạo nguồn vật liệu mới, phù hợp với sự phát triển hiện đại và nhu cầu mới của cuộc sống chúng ta.

Quanh nhà ở không thể thiếu một mảnh vườn nho nhỏ để trồng hoa và cây kiểng hay các loại rau, trái cây. Chính điều này nâng cao giá trị thẩm mỹ và kinh tế của căn nhà mà ông cha ta đã biết từ lâu. Một vườn cây ăn trái, một hàng dâm bụt, một chậu mồng tơi, dầm bụi húng quế... sẽ làm căn nhà thêm tươi mát mà chúng ta không thể quên “khoảng xanh” rất cần thiết này. Một điểm quan trọng không thể xem thường: tuyệt đối tránh phá vỡ cảnh quan thiên nhiên trong một không gian chưa hề bị ô nhiễm hay lai tạp. Chỉ có thể cho phép củng cố (enhanced) chứ không phá hại được.

Đây là một đề tài hay nhưng không dễ, không đơn giản, không thể giải quyết đơn lẻ mà cần phối hợp để từng bước gỡ 5 mối (nhu cầu, sở thích, rẻ, đẹp, bền) mà không phá vỡ không gian tổng thể, nhất là cảnh quan thiên nhiên. Trên một địa bàn còn mới nguyên, dân số còn ít, việc quy hoạch và phát triển có thể tiến hành dễ dàng, đi trước một bước nhưng cần cẩn thận trong mọi bước cải thiện, chỉnh trang, quy hoạch hay xây dựng trong vùng này... Từ đây, chúng ta sẽ từng bước tìm kiếm những mô hình thích hợp với các địa phương khác mà vẫn tôn trọng những truyền thống tốt đẹp, những giá trị văn hoá, lịch sử, môi sinh, cảnh quan, những nhu cầu và tiện nghi của người sử dụng.

Trên đây là một vài ý kiến có tính cách mời gọi các nhà kiến trúc và xây dựng trẻ ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại tham gia trong việc tìm lời giải cho một bài toán của nông thôn Việt Nam: một mô hình về nhà ở cho nông dân vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Rất mong chúng ta sẽ sớm có nhiều câu trả lời lý thú cho vấn đề này.

Nguyễn Đạt

2/95

Những mảnh đời khốn khổ

Lê Minh

Ngày...

Sáng nay xướng thêm người mới. Cũng con Ròng cháu Tiên như mình. Thằng Georg da đen nhảy tung tung : “ *Ein schönes Mädchen !* ”; gò má đen ; mắt lồi, môi dày ; hàm răng trắng đến phát ngại cúi sát mình : “ *Con gái xú mày đẹp quá !* ”. Cái bụng bia của nó phập phồng ngay trước mũi mình. Rõ đồ của nợ !

Người đàn bà bé nhỏ, không đẹp, có lẽ đã chớm tuổi hồi xuân. Nhưng ở xứ này, ra đường nhìn mẹ nào trông cũng hết cái *Wurst*⁽¹⁾ nhồi lỏng, đàn bà nhà mình nhìn quả có hay mất thật. Giống những cô bé vào tuổi lớn.

Ngày...

Tận hôm nay mới có dịp trò chuyện với bà chị bằng tiếng Việt phong phú và giàu đẹp. Được có vài câu. Giờ nghỉ mình chỉ muốn nghỉ, không phải nói năng gì. Một rữ ! Biết có khi nào được cái *Pass 51* để thoát khỏi công việc nặng nhọc như khổ sai này không ?

Người đàn bà cúi mặt ; giọng dấp dính nước mắt : “ *Tôi mệt quá chú ạ. Có hôm cố ăn, xong rồi nôn bằng sạch. Ngày ở nhà tiếng vậy chứ có bao giờ tôi có phải làm cật lực thế này đâu. Nói chú bỏ lỗi, đến đi ngoài cũng không dám đi, buồn đến sung cả dít* ”.

Lạ thể. Giọng vừa nhún nhường thế mà ngay lập tức táo tợn đến không ngờ. Chị già này cũng khiếp lắm đây. Ở cái xứ này thế lại tốt. Liều lĩnh là điều kiện đầu tiên để hội nhập mà.

Ngày...

Hoá ra bà chị đã hội nhập được thật. Bằng cách cưới một gã Đức cao nhòng và tốt bụng ; tốt cả rìa nữa. Hết Đônkihôtê.

Chỉ có điều họ nói chuyện với nhau chủ yếu bằng tay. “ *Nói mỗi cả tay chú ạ !* ” Bà chị bảo. “ *Tôi có tý tiếng Đức nào trong bụng đâu. Khổ thế !* ”

“ *Chị hẳn có ai làm mối ?* ” – “ *Vâng, chú ạ. Với lại cũng là cái duyên cái số nó vỗ lấy nhau thôi. Bước chân sang đây tôi có nghĩ đâu đến sự này nữa. tôi cũng hai lần dò rồi. Chẳng giấu gì chú cả ! Cả hai lần tôi đều phải bước chân ra khỏi nhà người ta. Khổ quá ! Chồng già đánh. Chồng trẻ đánh. May tôi gặp ông Ebòhac. Thật tôi không ngờ mình vừa được ở lại Đức vừa được hạnh phúc. Cũng nhờ lấy ông ấy mà tôi được vào làm cùng chú ở đây đấy chứ. Chứ hồi còn ở trại, tôi chỉ biết ăn xén tiền xã hội còn thì dành dụm gửi về nuôi cháu. Mấy lại để trả nợ, khổ thế chú ạ !* ”

Lại khóc. Rõ đúng là giống đàn bà. Mình chỉ lăm lăm cầm hời đưa đũa đọc một câu, lại thành tháo cồng tâm tình cho bà

chị. Đàn ông nghe, có khóc được cùng đâu. Giá kể vợ cũng ngồi đấy ! Khéo xướng này lụt !

Ngày...

Nghĩ tội nghiệp bà chị. Tuổi tàn rồi, rồi lại không quen chuyện sách vở, chẳng làm sao nhồi được tiếng xứ người vào đầu. Thỉnh thoảng nhìn ra, thấy cái bóng bé nhỏ cúi gập trên cái xe đẩy chất đầy hàng, buồn đến thất lòng. Sao người mình khổ thế. Nào có dám mong mỗi gì nhiều đâu. Hạnh phúc trong khao khát của dân mình tỷ lệ thuận với hình vóc dân mình thôi. Vậy mà người ta phải ra đi để tìm nó ở tận đâu đâu. Minh đàn ông, bạt xứ vì nợ vợ nợ con, cũng là xong một kiếp. Phận đàn bà, lơ ngơ ở đất người, tội quá !

Ngày...

Ở xưởng, gương mặt bà chị luôn căng thẳng. Có lẽ vì không hiểu người ta muốn gì mình, gỡ bánh mì ra nhai, mới thấy mặt bà chị hết căng thẳng. Nhưng chao ôi buồn ! Cái nhìn của bà chị lúc đó vừa vô hồn vừa vô tuổi. Tự nhiên mình mừng tượng thấy những mắt trẻ con ở Xomalia, ở Ruanda. Thật khác. Mà lại giống.

Ngày...

Bà chị bảo :

“ *Tôi muốn đến thăm cô ấy nhà chú. Về ở gần cô chú từ bấy đến giờ mà chưa đến, tôi áy náy lắm. Có điều tôi chưa có tiền mua quà cho cô ấy. Tôi đến tay không liệu cô nhà chú có cười tôi không ?* ”

Ngày...

Vợ bảo : “ *Chị Thuỷ trông mặt ấy ở nhà không ai bắt nạt được đâu. Nhưng ở đây bà ấy lơ ngơ đến chết cười. Bà ấy kể đã học lớp một ba lần. Em cứ ngỡ ra. Hoá ra là bà chị ba lần theo Kurs thứ nhất ở Volkshochschule. Nhưng còn đâu óc nào mà học. Cảnh chị ấy cực quá. Cực hơn cả nhà mình.* ”

Ngày...

Vợ phán : “ *Tan ca mình rủ chị Thuỷ về nhà mình ăn cơm. Em nhồi mướp đắng. Bà ấy ăn đồ Tây mãi nóng ruột chết. Với lại hai vợ chồng bà ấy làm trái giờ nhau ; ở nhà gặm bánh mì một mình thì buồn nẫu.* ”

Nghe thôi. Nhưng hơi hãi. Thế này làm về hết được năm. Nhà xã hội đất cửa cổ mà hẹp bằng cái lỗ mũi. Chả lẽ mời khách về lại nằm. Giá kể có cái *Wohnung* rộng, khách tới ăn thân mật xong có thể ngủ thân mật thì cả hai bên cùng sướng. Với lại đàn bà lắm chuyện lắm. Sang đây, các mẹ chỉ được nói mỗi dịp gặp nhau. Thế này chỉ thiếu có con vịt là hai mẹ hợp thành cái chợ...

Vợ kể lể : “ *Em sang đây là vì phải theo ông xã. Ông xã em lo cho hết. Chị sang bằng cách nào. Một thân một mình lo lết xoay xoã đi được thế là giỏi lắm.* ”

– “ *Tôi đi được là nhờ các dì cháu. (Mặt bà chị linh hoạt hẳn) Nói không khoe chứ, các dì nó nhà tôi giỏi lắm cô chú ạ. Các cụ bảo tứ nữ bất bần cấm có sai. Nhà tôi khá giả lắm. Các dì nó nhà tôi ai cũng giàu. Phải mỗi tôi lật dật thế này. (Giọng xiu đi) Tôi có bao giờ nghĩ đến chuyện đi đâu. Làm gì có tiền. Lấy đời chồng đầu lúc ra đi tôi trắng tay. Ông bà tôi chửi quá. Chẳng còn biết trồng cây vào đâu. Tôi đành phải*

để cháu về với bố cháu. May số cháu gặp được bà di ghê tốt quá. Tôi ơn chị ấy cô chú ạ. Chẳng bao giờ tôi nói được với chị ấy như thế. Nhưng tôi sống để dạ chết mang theo. (Giọng ngàn ngạt) Sau tôi gặp bố cháu Phúc. Cũng được mấy năm đầu. Rồi bố cháu lao vào đề đốc. Lúc bỏ được nhau thì cũng chẳng còn gì mà chia. Các di ấy mới tính cho tôi nước này. Tôi đi bằng tiền của các di ấy cả. Tôi vụng về thế mà cũng dẫn được bốn cháu con các di ấy sang lọt Đức đấy. ”

Vợ hỏi : “ Thế sao chị không đưa luôn cháu nhà chị đi ? ”

Chị bật khóc, khuôn ngực mỏng cứ rướn mãi lên vì những tiếng ầm ục :

“ Tôi làm gì có tiền. Tôi đi được vì các di ấy cần người đưa các cháu sang ; mới gọi đến tôi. Cũng phải tính liều. Tôi bàn với cháu Hạnh, cháu con tôi với đời chồng đầu, lúc đó cháu cũng đã có gia đình riêng ; nhờ cháu trông em đỡ mẹ – Cháu bảo tôi tính thế cũng phải, may ra về có dẫn vốn nuôi em nó. Cô chú tính lúc đó bị giảm biên, biết lấy gì nuôi mình nuôi con. Cũng muốn đưa cháu theo, sang có mẹ có con yên tâm, rồi lo làm ăn trả dần cho các di cháu. Nhưng các di ấy không bằng lòng ; chỉ cho vay có một suất đi, lại bắt đưa cháu Phúc về bên nội. Có hôm gọi về nhà, con cháu Hạnh nói được mấy câu, thằng Phúc thì chỉ nắc ; tôi cũng thế, vài phút là hết tiền. May giờ tôi lấy được Ebòhac. Ông ấy bảo từ từ rồi sẽ đón con tôi sang cho tôi. Giờ làm một thế nào tôi cũng phải cố để có tiền. Tôi không dám xin ông ấy tiền gửi về nuôi cháu. Chú với cô bảo tôi phải làm thế nào để giữ lương riêng. Hay chú giúp tôi nói với ông ấy. Chú đầy tiếng mà. Tôi cần có tiền riêng. Ngần ấy ngày ở trại, gom góp tiền xã hội vừa trả nợ, vừa nuôi con, tôi cố mãi chưa xong mấy ngàn đô nợ ấy. Có

lần các di ấy còn nhiech tôi là cứ bám các di ấy như là xã hội thứ hai. Nói ra thì xấu hổ với cô chú. Số tôi nó khổ thế. ”

Ngày...

Vợ kể :

“ Bà Thuỷ số lật đặt thật mình ạ. Người ta đi từ Tiệp qua Đức như đi picknik. Bà ấy với bọn trẻ bị tắc ba lần. Đi, tha bốn đứa trẻ mà bố mẹ chúng chả đưa đồng nào dất lưng. Đến lúc tắc, phải đi hầu thiên hạ để họ bao ăn mấy bác cháu. Sang tới Đức hôm trước, hôm sau cô em bảo : “ Bà có đi hái anh đào không ? Kiểm tiền trả nợ chứ. ” Thế là đi. Hết anh đào để hái, các em bà bảo : “ Thôi cho bà ấy nhập trại để hưởng tiêu chuẩn xã hội. ” Lại tay không đi. Tiền hái anh đào phần trả tiền ăn, phần để trừ nợ. Em có cảm giác nhà bà này y như “ Không có vua ” (2). Khắc cái là toàn con gái. Kinh khủng ! Kinh khủng nhất là bà ấy coi điều đó hết sức bình thường. Chẳng lẽ đó là chuyện không phải của một nhà. Tay chồng Đức này tốt. Song dù sao thì vẫn là Tây, có phải cái gì cũng nói được với nhau đâu ; mà tiếng đâu để mà nói ! ”

Ngày...

Mình sẽ không viết về bà chị nữa. Cứ tưởng trông xuống chẳng ai bằng mình thì lòng sẽ nhẹ. Nhưng sao chỉ thấy nặng nề...

Lê Minh (Trích Cánh Én số 54)

(1) Wurst : xúc xích ; Pass 51 : một loại thẻ cư trú chính thức ; Kurs : lớp học ; Volkhochschule : trường học bình dân (chú thích của Diễn Đàn)

(2) Truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp

Mafia Việt Nam tại Đức : mười người bị giết

Trong vòng ba, bốn ngày đầu tháng năm, cảnh sát Đức đã phát giác ra ba vụ thủ tiêu lẫn nhau trong giới Việt kiều tại Bá Linh. Chiều chủ nhật 12.5, sáu nạn nhân từ 23 tới 38 tuổi đã được tìm thấy trong một căn hộ hai phòng ở khu Marzahn, đông Bá Linh. Tất cả bị trói và mỗi người bị hai viên đạn bắn vào đầu. Cả sáu người đều quê ở miền Trung, và được cảnh sát biết là những tay buôn lậu thuốc lá. Cùng ngày, một xác chết người Việt khác, chân tay cũng bị trói, được tìm thấy ở một khu phía nam thành phố. Khám nghiệm thi thể cho thấy cả hai vụ giết chóc đã xảy ra hai ngày trước đó. Trong khi cảnh sát chưa tìm được một dấu vết hoặc nhân chứng nào cho cuộc điều tra thì ba ngày sau, thứ tư 15.5, ba xác người Việt khác bị đạn chết lại được tìm thấy cạnh một đường rầy xe lửa ở khu Lichtenberg, đông Bá Linh. Theo cảnh sát, hai băng đảng đồng hương, mỗi băng quê tại một tỉnh khác nhưng cùng ở miền Trung, đối chọi với nhau để giành phần trong thị trường buôn lậu thuốc lá. Vòng trong của thị trường này là những tay buôn lớn người Đức hay Ba Lan. Nhiều người Việt Nam sang làm thuê ở Đông Đức, bị sa thải sau năm 1990 và không muốn hoặc không có điều kiện về nước, và những người ở các nước Đông Âu khác sang Đức không có giấy tờ, được tuyển vào đội ngũ bán lậu thuốc trên lề đường. Mỗi bao thuốc

được mua của trung tâm 1 Đức Mã và bán ra 2,5 (thay vì 5 DM theo giá chính thức). Trong hoàn cảnh đó mà những băng mafia nói trên ra đời, cưỡng bức những người bán lẻ thuốc phải nộp tiền cho chúng để được “ quyền hành nghề ” trong một địa phận được chúng phân chia. Hơn 60 người Việt trên nước Đức, kể cả những nạn nhân không liên quan, đã bị giết trong các vụ thanh toán lẫn nhau, phần lớn ở đông Bá Linh, của các băng đó từ năm 1992.

Những vụ giết chóc làm đau đầu cảnh sát Đức cũng là một nhân tố thúc đẩy chính quyền Bonn đòi Việt Nam mau nhận về nước khoảng 40 000 người Việt đang sống bất hợp pháp trên nước Đức. Ngày 9.5, thủ trưởng nội vụ Đức Kurt Schelter đã lên tiếng tố cáo Hà Nội tìm cách trì hoãn thi hành hiệp định hồi hương ký từ tháng 7 năm trước. Theo ông Schelter, bộ nội vụ Đức đã ghi nhận 8100 đơn hồi hương từ ngày ký hiệp định, 4000 trong số đó đã được chuyển về Hà Nội nhưng bộ nội vụ Việt Nam chỉ mới xác nhận 287 hồ sơ, và chưa một người nào đã lên đường về nước theo các thủ tục của Hiệp định. Ngày 17.5, ngoại trưởng Klaus Kinkel cho biết ông cũng đã gửi một thông điệp tới ngoại trưởng Việt Nam, đòi Hà Nội đẩy nhanh việc thi hành hiệp định. Mấy ngày sau, thủ trưởng ngoại giao Werner Hoyer tuyên bố “ không loại trừ làm áp lực kinh tế trên Hà Nội ” để đạt yêu cầu. (AFP các ngày 9, 13, 15, 17 và 22.5.1996)

trắng xóa

truyện ngắn

Vũ Hồi Nguyên

Nữ ca sĩ Cúc Phương và nhà kinh doanh Trần Vĩnh Phúc đi với nhau như một đôi đũa lệch. Vợ trông có da có thịt, cao hơn người thường. Chồng thì xương xẩu thấp lùn, cứ phải ngước mắt lên trời khi nhìn vợ. Không hiểu sao cô nàng da trắng mịn đến độ ai cũng muốn sờ vào một chút. Thật tương phản với cái vỏ vừa xám vừa khô của Trần Vĩnh Phúc. Cũng may, hắn biết phận mình. Ai có gặp Cúc Phương phải nhìn về đằng sau nàng hơn một thước mới tìm được bóng phu quân. Nếu thực sự nghĩ tới nhân vật không cần thiết này. Cô ca sĩ đi đâu cũng trưng ra một nụ cười thừa thãi. Nhà kinh doanh lăm lè như một góc trời u ám báo hiệu một cơn mưa.

Nói Cúc Phương đẹp thì quá đáng. Đồng ý, thân hình nàng làm như chỉ muốn dẫn con mắt đàn ông đến những chỗ da ở trần. Không để những con mắt này lẩn la ở những nét đều đặn của khuôn mặt hay vùng mượt mà của mái tóc dài. Phần của khoa học thẩm mỹ ở đây gồm có bộ ngực ngạo nghễ, cái mũi Tây phương và hai lúm đồng tiền trên má. Nhưng vẫn có gì thiếu thanh nhã, hơi thô ở nàng. Có lẽ là vẻ mặt ngơ ngác, không thể gọi là thông minh nhanh nhẹn. Hay điệu bộ vụng về, dáng đi không thuốt tha. Cách trang điểm quá nặng, mùi nước hoa rẻ tiền và những kiểu quần áo cầu kỳ còn gây khó chịu. Dù sao đi nữa, cái đẹp nếu có cũng tan biến khi người ta thử nói chuyện với Cúc Phương. Có ai còn biết nói gì với nàng sau vài ba câu trao đổi? Khó nhất là phải chịu đựng những chuỗi cười lớn của nàng. Tiếng cười bất ngờ, nhạt thếch, chẳng vui chút nào. Ở người đàn bà này không có gì là tự nhiên. Mọi cử chỉ lời nói đều tìm kiếm sự chú ý của người chung quanh. Có cảm tưởng như lúc nào nàng cũng cần có khán giả chiêm ngưỡng mình. Nữ ca sĩ Cúc Phương có vài khía cạnh hấp dẫn thật. Nhưng ở nàng thiếu vắng một nét duyên.

Nhìn Trần Vĩnh Phúc thì làm sao có được cảm tình? Chỉ cần để ý đến đôi mắt hắn. Đôi mắt luôn luôn trốn tránh người đối diện, lăm lét nhìn trước nhìn sau như sợ điều ám hại. Khi hắn mở mồm ra nói chuyện, đôi mắt nhắm nghiền lại, đôi môi chu về phía trước, những câu nói vướng víu nhau, xiêu vẹo vì thiếu thẳng thắn. Khỏi tả những lúc, dưới viển rêu lún phún, cặp môi mỏng dính và thâm xỉ méo mó một nụ cười nịnh bợ. Hắn ngồi đầu một lúc là bắt đầu rung đùi bần bật. Người ta rung đùi khi sung sướng, không ai như hắn, rung vô cớ từ một tâm trạng bất an thường trực. Trần Vĩnh Phúc còn có tật xỉa răng suốt ngày. Cái bàn tay che giấu góc miệng

chỉ càng làm chú ý đến những lực lợi của que tăm. Thịt rau dính ở khe răng tất nhiên nằm trong tưởng tượng của hắn. Một nhà tâm lý học sẽ giải thích cái ám ảnh về vệ sinh ở đây bằng một mặc cảm đầu óc không trong sạch, có từ một tuổi thơ nhiều thiếu thốn. Đã vậy, hắn còn mặc những áo vét xanh đỏ lòe loẹt, không làm quên được nước da đen đui của hắn. Tất cả ở Trần Vĩnh Phúc như có gì giả dối và sợ sệt. Hiếm có trường hợp một hình tướng lại để lộ rõ như vậy cái thấp hèn của một con người.

☞

Cúc Phương không thuộc vào những giọng ca nổi tiếng ở Mỹ hay Pháp. Nàng sẽ không bao giờ được chọn cho những băng video bán chạy nhất, đang từ Paris và California tràn ngập về trong nước. Trần Vĩnh Phúc đã có lần lỗ vốn khi đưa vợ từ băng nhựa lên CD. Chỗ hành nghề của Cúc Phương là cái phòng trà Việt Nam nằm ở ngoại ô Paris. Những lúc nó không bị đóng cửa vì một trận ẩu đả hay một lần gian thuế. Ngoài ra, một năm được hai ba đại nhạc hội, một vài dạ vũ của các hội cựu học sinh hay đồng hương, và những đám cưới trước hè. Thỉnh thoảng lắm mới được một nhà hàng Tàu sang trọng. Thu nhập của ông chồng kinh doanh thất thường khiến Cúc Phương phải có thêm ở nhà nghề sửa quần áo, và nhận làm chả giò bánh cuốn suốt năm.

Vậy mà mỗi khi nữ ca sĩ Cúc Phương bước vào tiếng nhạc, nàng cứ tưởng cả vũ trụ đã náo nức chờ nàng. Chính nàng làm những giòng nhạc bùng tỉnh dậy, hòa vào nhau, chen nhau chạy đến đón nàng. Không gian được mở rộng cho riêng một người. Cô nghệ sĩ buông trôi cho âm nhạc thấm dần vào mình. Nàng sẽ say hơi ấm của những ánh sáng đã lên màu, đến tận mê thân thể nàng, bám theo từng cử chỉ bước đi của nàng, như bao nhiêu cặp mắt ở đâu đó trong vùng bóng tối. Tiếng hát nàng xua đi những ưu phiền của cuộc sống, dẫn vào thế giới huyền ảo của cảm xúc. Ở đó, tình yêu đã giành lại ngôn ngữ, đưa lòng người về những xao xuyến, vì một ánh nắng, vì một cơn mưa. Không còn người đàn bà tầm thường của hàng ngày, Cúc Phương đã hóa thân thành nhạc thành thơ. Những lời nàng hát là những bông hoa tàn mác trong đêm, bay bổng về một góc nhỏ của người nghe. Cúc Phương thấy mình đẹp tuyệt vời ở nơi gặp gỡ của thơ và nhạc.

Những lúc đó Cúc Phương quên đi số phận hẩm hiu của giọng ca nàng. Nàng không nhớ người ta chỉ cần nàng đóng góp cho một không khí văn nghệ, giúp vào một buổi khiêu vũ. Cô ca sĩ cứ việc hát, những món thịt cá tiếp tục lan tràn các bàn tiệc, rượu ngon vẫn làm mọi người cười nói oang oang. Những cái nhìn âm thầm quan sát không ngừng lâu ở người ca sĩ, mau chóng trở về so sánh sự giàu sang hạnh phúc của những kẻ cùng giới. Khi bụng no, người ta ra sàn nhảy, muốn tiếng hát đừng át tiếng trống giũ nhịp cho điệu nhảy. Ở một vài nơi còn có các bà các ông nóng lòng chờ cô ca sĩ hát cho xong để đến phiên mình trình diễn. Con cái của họ đã lớn, họ cần làm văn nghệ để lấp các khoảng trống, và cần cái nhìn của thiên hạ để hiện hữu. Những người như họ yêu văn nghệ là chuyện dĩ nhiên, vì trong đời sống đầy đủ của họ tình cảm cũng có thừa. Đừng làm họ với những kẻ

xướng ca vô loài, hát vì đồng tiền bát gạo.



Ở những nơi Cúc Phương trình diễn, Trần Vĩnh Phúc leo đèo theo vợ như một bóng mờ. Sự hiện diện của hắn không cản nổi những chàng hào hoa phong nhã đến quàng vai tán tỉnh cô nghệ sĩ lẳng lơ. Trần Vĩnh Phúc lo mọi chuyện hợp đồng giá cả cho vợ, nhưng nhất định không nhận mình là ông bầu. Hắn tự giới thiệu là một nhà kinh doanh. Có hùn vốn vào một vài công ty thương mại hoạt động trong cộng đồng Việt Nam ở Pháp, và gần đây ở cả trong nước. Hắn mà kinh doanh cái quái gì ! Khá lắm là lâu lâu làm môi giới trong những chuyện buôn đi bán lại lật vặt. Nếu không, tại sao cô vợ còn phải trát phấn trát son đi hát đêm, và hắn còn phải ngồi chờ vợ hàng giờ, mặt thiếu não trong một góc tối phòng trà ?

Không ai biết rõ quá khứ của gã Phúc này. Những lúc bắt buộc phải nói gì đó về hắn, người ta lại mang ra những câu chuyện đồn đại. Sự nghiệp kinh doanh của hắn nghe đâu bắt đầu vào đúng những ngày bộ đội bước vào Sài Gòn. Hắn đã nhanh trí tụ tập được nhân công để may gấp những lá cờ Mặt Trận Giải Phóng đủ cỡ, bán khắp thành phố. Khi có người bắt chước làm theo thì hắn đã chuyển qua cờ đỏ sao vàng, còn nhận làm thêm biểu ngữ, bích chương, vòng hoa chiến thắng... Thu nhập của hắn tăng vùn vụt theo số lượng các buổi mít tinh, diễn hành, liên hoan của chế độ mới. Khi giai đoạn ăn mừng giải phóng đi qua, hắn biến mất một thời gian, rồi xuất hiện lại ở một xóm lao động khác, xa nơi cũ. Người ta kể ở đó hắn thân thiện với nhóm công an của phường. Một con người như hắn đâu có chế độ chính trị nào tin được, cho dù hắn khoe khoang « thành tích » đào ngũ quân đội cộng hoà. Nhưng thời đó cần nhiều lớp trung gian giữa chính quyền mới và nhân dân thành phố. Hắn lại sẵn sàng làm những chuyện đòi hỏi phải cất đi nhân cách. Người ta nghe nói, khi trong phường có cậu Việt kiều yêu nước về thăm gia đình, hắn đã đến ngồi cả ngày ở phòng khách gia đình cậu ta, cho tới khi nhận được tờ giấy 10 đô, vài hộp thuốc Tây và bao thuốc lá ngoại. Trần Vĩnh Phúc lấy được Cúc Phương là nhờ chút quyền hành cách mạng được chia. Đừng ai trách cô thiếu nữ mới vào sống ở thành phố đang cần hộ khẩu. Phải hiểu thêm cho, cô ta lúc đó vừa bị chồng bỏ, đến thẳng con trai cũng từ chối theo mẹ. Đầu óc làm ăn của gã Phúc có lẽ hợp với một nền kinh tế chưa có thị trường (xã hội chủ nghĩa). Những năm thiếu thốn mọi thứ, gã Phúc lúc nào cũng có đồ để bán cho các cán bộ từ Bắc vào, từ thuốc lá Ba Sô giả vào ngã Trung quốc thay vì Thái Lan, đến đủ loại văn hóa phẩm đồi trụy lính Mỹ để lại. Rồi hắn đứng ra tổ chức những chuyến tàu vượt biên, khi thành công khi đổ bể. Trong trường hợp những cây vàng của thiên hạ biến mất trước khi tàu đóng xong, hắn lại chỉ rõ thủ phạm, chứng minh được mình chỉ là trung gian, cũng bị lừa như mọi người. Người ta đoán phần lớn vốn liếng của gã Phúc có từ thời hoạt động cho thiên hạ tìm tự do.

Rồi một ngày hai vợ chồng lên tàu đến trại tỵ nạn ở Poulo Bidong. Không đầy một năm sau, họ được chọn vào Pháp. Chẳng hiểu bằng cách nào Trần Vĩnh Phúc có giấy chứng

nhận là cựu nhân viên hãng dược phẩm Roussel của Pháp ở Sài Gòn. Cho dù người ta nghi ngờ đến cả tờ giấy khai sinh của hắn. Ở Paris, quả thật gã Phúc có hùn vốn vào hai ba tiệm phở Việt Nam, thường đóng cửa khi hết những năm miễn thuế. Hắn có làm chung với người Hoa một vài nơi may quần áo lậu. Gần đây, hắn đứng làm môi giới cho các gia đình ở Pháp muốn tìm con nuôi ở Việt Nam. Hắn đi đi về về, mỗi lần lại có nhiều thêm tên tuổi những nhân vật hắn coi là thân, trong chính quyền và ở các cơ nhi viện. Cộng sản, Phật giáo, Công giáo hay Cao Đài đều là chỗ quen biết. Hắn lôi ra một lần nữa cái luận điệu thời tổ chức đi chui, nói mình chỉ muốn làm việc thiện, đâu có kiếm chác được gì trong đó. Chẳng ai tin ở lòng nhân ái của gã Phúc. Người ta chỉ cần cái kinh nghiệm luồn cúi của hắn.

Trần Vĩnh Phúc không chịu sống với những người cùng hoàn cảnh và trình độ với mình. Hắn còn tuyên bố rằng giới nghệ sĩ chung quanh vợ hắn là những kẻ đáng nghi ngờ. Nếu nghe hắn thì chỉ có những người nhiều quyền lực hay tiền tài mới đáng tin cậy. Gã Phúc tìm mọi cách len lỏi vào môi trường người Việt thượng lưu ở Paris. Ở đó người ta khinh rẻ hắn, cũng vì vậy mà nghĩ hắn không đủ khả năng lừa bịp, làm hại được ai. Người ta chấp nhận quan hệ với hắn chỉ để làm nổi bật lòng rộng lượng và giá trị của mình. Có thể hắn cũng biết điều đó. Nhưng hình như cách kiếm sống của Trần Vĩnh Phúc chính là để người khác bước đạp lên mình.



Thiên hạ thường nghĩ đời một cô ca sĩ chắc phải sóng gió, với những mối tình cho và nhận bừa bãi ở những chốn ăn chơi hời hợt. Trong trường hợp Cúc Phương, sự chung thủy với một kẻ kém cỏi như gã Phúc càng không thể tưởng tượng được. Lạ thay, mặc dù tất cả ở Cúc Phương như một lời mời mọc, nàng lại từ chối những chàng nghệ sĩ tình cảm lai láng và những tay chơi tiền tài dư thừa. Không ai nghĩ gã Phúc đủ sức làm cho người vợ sợ mình. Kẻ xấu mồm nghĩ hắn giữ cô nàng bằng bùa ngải. Nhiều người đồng ý với một giải thích sâu sắc hơn. Cúc Phương chỉ có bề ngoài, nàng sợ đàn ông thất vọng khi nhìn thấy con người thật của nàng. Nàng thoả mãn với một ông chồng chẳng có gì cho phép hắn đòi hỏi ở người khác.

Chuyện nàng dan díu với ông dược sĩ Nghĩa không xảy ra ở thế giới vui đêm. Nó bắt nguồn từ cái bệnh máu khiến Cúc Phương phải mua thuốc chữa trị tháng này qua tháng khác. Không có bệnh máu này thì ông dược sĩ và cô ca sĩ chẳng thể nào gặp nhau. Tiệm dược phẩm của ông Nghĩa ở gần nhà nàng, ông còn là người đồng hương. Ông Nghĩa chỉ có một mình, ở xa nơi gia đình cư ngụ và chỗ vợ làm việc. Buổi sáng tiệm thuốc vắng khách, Cúc Phương rảnh rang, hai người có thể ngồi nói chuyện cả giờ. Nàng thấy mọi thứ ở đây đều có vẻ trong lành, làm yên tâm. Từ tiệm thuốc sạch bóng, đến cái blouse trắng và đôi kính cận thị của ông chủ tiệm.

Ông Nghĩa không có cái nhìn cõi quần áo và những câu nói thô tục của loại đàn ông Cúc Phương thường gặp. Ngược lại, ông nói chuyện đúng đắn lịch sự, văn vẻ trí thức. Nghe ông kể về những chuyến du lịch ở các nước xa xôi lạ lẫm, Cúc Phương thấy ông hiểu biết rộng và có cuộc sống phong

phú. Đời của ông ổn định làm sao, với bà vợ làm kỹ sư và hai đứa con vừa học giỏi vừa ngoan. Cô nghệ sĩ không bị loè mắt bởi cái xe Mercedes mới toanh của ông, hay các loại giải trí đắt tiền của gia đình ông. Nàng biết của cải và may mắn trên đời không thể chia đều cho mọi người. Nhưng nàng không ngờ một người thành công như ông Nghĩa lại giản dị, dễ thân như vậy. Phải nói Cúc Phương chỉ thực sự bị lôi cuốn từ khi, quen nàng hơn, ông Nghĩa bắt đầu tâm sự về cuộc đời của ông. Cô khách không cùng môi trường sống, không cùng giới, ông không có gì phải thận trọng giấu giếm.

Hoá ra ông Nghĩa không có hạnh phúc ! Từ hồi trẻ đến bây giờ, đã gần 50 tuổi, mọi chuyện trong đời ông đều được vạch sẵn, tổ chức chặt chẽ, không có chỗ cho tình cờ và may rủi. Thời chiến tranh ông đi du học, gia đình đủ phương tiện để ông chọn đường học vấn dài, ra trường ông lấy vợ liền, con nhà đảng hoàng và có nghề nghiệp vững chắc, bố mẹ ông và gia đình vợ ngay lúc đó hùn vốn mua tiệm thuốc, thiếu bao nhiêu thì nhà băng vui vẻ cho mượn tiền, vợ chồng lập kế hoạch có 2 con, cách nhau 2 tuổi, và 2 nhà, 1 biệt thự ở ngoại ô cho mình và 1 căn hộ ở trong Paris cho thuê. Những gì gặt hái được là những kết quả không thể khác.

Nhưng ông Nghĩa thiếu những thất bại để hưởng sự thành công của mình. Mặt khác, sự nghiệp của cả hai vợ chồng đã ổn định, con cái đã vào đại học, tiền của đã đủ chỗ đầu tư, nhà cửa không thể làm đẹp hơn, tiêu thụ đã cạn nhu cầu, giải trí phải bớt đi vì tuổi tác... Ông thương vợ con không thua gì ai. Nhưng tình thương này cũng thành thói quen, con mắt không còn nhìn thấy. Như bức tranh đắt tiền rơi vào quên lãng khi treo quá lâu. Cuộc sống mất dần mùi vị và ý nghĩa. Ông được sĩ chán đời giữa cảnh gia đình đầm ấm và sự giàu sang. Vẫn biết thiếu gì người thêm thường địa vị của ông. Nhưng họ không hiểu, chẳng có niềm hạnh phúc nào mọc lên được từ đất khô cằn của một đời người quá phẳng lặng.

Ông Nghĩa càng than vãn, cô ca sĩ càng muốn gần gũi ông hơn. Tất nhiên Cúc Phương không thể hiểu và thông cảm một hoàn cảnh xa lạ với nàng như vậy. Nhưng nàng nhìn thấy ở người này một cái gì tương tự như một tâm trạng nàng có. Phải chăng mọi nỗi bất hạnh, dù khác nhau đến đâu đi nữa, đều muốn xích lại gần nhau? Vì cái thiếu hạnh phúc của kẻ khác làm nguôi đi cái khổ của chính mình. Thêm vào đó, chưa bao giờ có ai cần tình thương của Cúc Phương như vậy, kể cả chồng nàng. Cúc Phương không ngờ cá nhân mình cũng có thể cần thiết cho một người khác. Khi an ủi ông được sĩ, nàng thấy lòng trong sáng, cao thượng lên. Mỗi lần đến tiệm thuốc, người đàn bà tưởng như đẩy lùi được những hạn chế của mình, thoát ra ngoài một thân phận thấp kém.

Ông được sĩ và cô khách thân cùng nhau vào sâu những tình cảm tâm tư thầm kín của mỗi người. Lần này qua lần khác, họ cởi bỏ từng lớp của cái bí mật che chở cá nhân. Cứ như vậy họ bị thu hút về chỗ trần trụi nhất của con người là thể xác. Bắt đầu là những thoáng đụng chạm, tình cờ như vô ý, đi theo những lời trêu mếu. Sau đó, hai người càng chối nhận sự dao động của mình, hai thể xác càng tưởng được phép giục gọi nhau. Cuối cùng, cuộc gặp gỡ xác thịt trở thành cần thiết để họ gần nhau hơn. Họ làm tình vội vàng

vào những giờ nghỉ trưa, nơi căn phòng nhỏ phía trong tiệm thuốc, đến cả cái giường cũng thiếu. Có khi họ cuồng loạn như say khướt tội lỗi. Có khi họ vụng trộm như trốn tránh chính mình.

Phúc sẽ không bao giờ biết được chuyện của vợ chàng với ông Nghĩa. Tiệm dược phẩm chỉ cách nhà có hai ngã tư nhưng ở rất xa thế giới của Phúc. Hai người đàn ông có gặp nhau vài lần trong khu phố. Nhưng người Việt ở đây chẳng mấy khi chào nhau ngoài đường khi không quen biết. Suốt thời gian tới lui tiệm thuốc, thái độ của Cúc Phương và cả tình cảm của nàng đối với chồng không thay đổi nhiều. Không phải vì nàng giả dối với Phúc hay với chính mình. Nàng gặp ông được sĩ ở ngoài cái thực tế của nàng. Những giờ nghỉ trưa của tiệm thuốc là những khoảng thời gian nằm trong dấu ngoặc, tách rời khỏi cuộc sống thật. Như những giấc mơ vừa xa vừa gần, chúng không để lại những dấu vết lâu dài. Ông Nghĩa không có mặt trong địa phận Cúc Phương chung với chồng. Ông đứng ngoài với một phần riêng tư của nàng, cái phần dù sao cũng không có chỗ trong đời sống vợ chồng nàng.

Với thời gian, ông Nghĩa nhận ra sự sa ngã của mình. Ham muốn và thỏa mãn quá gần gũi so với những dằn vặt sau đó. Ông còn thấy chẳng đổi chác gì được với cô nhân tình. Vì chỉ có ông mới có thứ để cho, để mất. Cô ta không như ông, đâu có một hiện tại và một tương lai đáng được bảo vệ bằng bất cứ giá nào. Những giá trị của ông ngày càng lung lay, do lỗi cô nghệ sĩ đùa nghịch với đạo đức người khác. Cúc Phương phải thấy rõ hạnh phúc của gia đình ông.

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

- * Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
- * Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277,
Garden Grove CA 92642, USA
Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M. Mme Lê Tất Luyện,
15 Place Souham, F- 75013 Paris.
Tel. 45 83 19 12

Đối Thoại đình bản

Chúng tôi được ban biên tập tạp chí Đối Thoại (P.O. Box 4692, Garden Grove, CA 92642) thông báo : vì lý do tài chính, tạp chí đành phải đình bản.

Cái chết của một tờ báo bao giờ cũng là điều đáng buồn. Đối với những ai thiết tha với sự đối thoại giữa người Việt Nam (trong nước và ngoài nước) về những vấn đề của đất nước, thì việc đình bản Đối Thoại là cả một sự xót xa, luyến tiếc.

Mong sao con đường Đối Thoại sẽ được tiếp tục bằng những nỗ lực khác.

Ông tỏ ra chăm lo gia đình hơn trước, ông điện thoại cho vợ con trước mặt cô nhân tình, ông dẫn nàng đi mua quà cho họ... Ông Nghĩa đi từ mặc cảm tội lỗi qua cái sợ. Ông cầu cứu Trời Phật, tổ tiên, thầy bói, đồng cô đồng cậu. Ma lực hãy tha cho ông. Để ông trở về với cuộc sống trước đây, một cuộc sống ít nhất còn được yên ổn. Cúc Phương lúc đó mới biết, giữa nàng và người đàn ông này chỉ có sự hiểu lầm hai chiều.



Trong căn hộ nhỏ, người đàn bà tội lỗi ngồi chờ chồng về. Căn hộ giống cả trăm căn hộ khác trong dãy nhà chung cư nằm dài theo đường xe lửa, ở một ngoại ô xa Paris. Buổi chiều ở đây có một bộ mặt thần thờ. Khu phố loay hoay với những sinh hoạt vô nghĩa. Thời gian như lết từng bước khập khuễng nặng nề. Người đàn bà nhìn ra cửa sổ chỉ thấy những bức tường. Những bức tường bằng xi-măng, bằng gạch, bằng đá thô, bằng gỗ, bằng tôn, bằng kính mờ, bằng vải cũ... Màu sắc khi tẻ nhạt, khi đục bần, khi sặc sỡ vô duyên. Những bức tường giam hãm các căn nhà và mẫu sân, chia cắt không gian, che giấu ánh sáng, chặn đứng tầm nhìn, áp đặt những giới hạn. Có cả những bức tường nằm ngang dọc trong đầu người đàn bà.

Sáng hôm nay, Cúc Phương đến tiệm thuốc lần cuối cùng. Nàng đã chuẩn bị từng lời nói để cuộc chia ly giữ đủ tư cách cho hai người. Chắc ông dược sĩ cũng đã sẵn sàng phần ông. Liên hệ của họ đã loãng nhạt đi nhiều, nhưng còn phải chấm dứt làm sao cho dàng hoàng. Vậy mà họ vẫn làm hỏng cái cảnh chót của một chuyện tình nhàu nát. Hai người tình nhân hệt hẫng, tình cảm đã cạn khô quá mức họ tưởng tượng. Những lời nói khi thốt ra mới lộ hết sự què quặt của chúng. Cố gắng của mỗi người chỉ làm tăng một sự giả dối không còn cần thiết. Cuối cùng, còn lại những cái nhìn xin lỗi nhau, thăm thương. Tình yêu này là một chuyện vô lý. Một sai lầm. Nó không xứng đáng có một kết cuộc tử tế.

Người đàn bà giờ đây đứng ngẩn ngơ bên cửa sổ, mắt ướt nhoà. Nước mắt không gửi về người nhân tình đã thành xa lạ. Cũng không tiếc nuối cái thời gian có ảo ảnh của một hạnh phúc. Cúc Phương khóc cho thân phận mình. Nàng đã bị chặn lại khi định ra khỏi thế giới nghèo nàn của mình. Nàng đã bị xô đẩy trở về cái góc đời đặt sẵn cho mỗi cá nhân. Cô nghệ sĩ đã nhìn lại mình chưa mà đem lòng tội nghiệp người khác? Sự rộng lượng chỉ nên có ở những kẻ nhiều may mắn. Cúc Phương vươn lên cũng vô ích, không ai cần những tình cảm cao thượng đến từ hạng người như nàng. Những ý nghĩ như thế cứ quanh quẩn trong đầu, để nước mắt từng giọt rớt xuống những ảo tưởng bị dập vùi.

Cúc Phương chợt nhớ, mỗi lần nàng đau khổ vì một thất bại hay một mất mát nào đó, lại có Phúc ở gần. Người chồng lúc nào cũng có mặt, như bao nhiêu lần chờ đợi nàng ở cuối những đêm khuya. Phúc là nơi trở về của nàng. Là thực tế của nàng sau những ước mơ vỡ vụn. Người đàn ông này không bao giờ biết nói những câu yêu đương, làm sao tìm được một lời dỗ dành an ủi. Nhưng tất cả ở trong sự hiện diện và đôi mắt của chàng. Phúc hiện diện như một nhân chứng, để Cúc Phương không còn một mình với những ác nghiệt và

những bất công nàng phải nhận. Đôi mắt Phúc sẽ ở bên nàng thật lâu, cho đến khi tiếp thu được hết nỗi bất hạnh từ nàng. Chỉ như vậy thôi, cặp vợ chồng đã chung nhau từng ngày mưa nắng, từng niềm vui nỗi buồn, từng đoạn đường của một hành trình dài. Họ chia sẻ với nhau những hy vọng từ khi chớm nở, những tủi nhục cho đến khi quên. Họ gom góp lại cả sự cô đơn của mỗi người. Hai số phận không thể xa cách. Cúc Phương đã mang trong người sự hiện hữu của Phúc, và đã gửi chồng cả một phần của nàng.

Bàn tay chưa lau xong nước mắt Cúc Phương đã mỉm cười. Nàng nghĩ tới những đêm vợ chồng đỡ chứng mờ tối nhau trong chăn mền. Lần nào, sau khi tắt đèn đầu giường, họ cũng đợi một lúc cho tắt hẳn âm vang của những ngày đang đi qua. Tắt đi phần nhìn thấy của cuộc sống. Ngón tay cái của Phúc sau đó bấm nhẹ vào một nơi nào đó trên người Cúc Phương. Hay nàng kêu gọi chồng mình ở đầu những ngón chân. Người đàn bà ngồi dậy, đưa lưng cho chồng. Chàng cẩn thận vén mái tóc dày qua hẳn phía bên kia bờ vai. Mở thật chậm từng khuy áo, kéo dài thời gian đón nhận những hương vị đầu tiên của nàng. Từ đó người đàn ông đi theo vết hằn của sườn lưng, bắt đầu cuộc phiêu du vào hiện thực người đàn bà. Các mảnh vải nhường chỗ dần cho da thịt cọ xát vào nhau. Những ngón tay ân cần và đầu lưỡi ướt mềm của ai lang thang khắp thân thể Cúc Phương. Đi từ những đầu ngọn, đến các góc khe, vào tận chốn cội nguồn của khoái cảm. Đi tới đâu lại khơi dậy những ngọn sóng tỏa về muôn hướng. Không biết từ lúc nào bóng tối đã thành màu sắc. Trong bóng tối đó hai người nhận diện được nhau trọn vẹn. Chỉ còn lại sự thật của thể xác, những hơi thở, và cuộc trao đổi cảm xúc. Khi Cúc Phương đón nhận người đàn ông vào mình, sự hiện diện của chàng đột nhiên đầy ắp không gian, và từ các vùng da thịt thoát lên những âm thanh nguyên thủy. Tất cả ở nàng muốn bám chặt vào sự hiện diện này, theo về những đỉnh cao. Ở sâu trong Cúc Phương, các con sóng càng lúc càng đổ nhanh về nơi hội tụ. Rồi tình yêu nổ rộ bất ngờ.

Chỉ có Phúc mới biết lắng nghe, bắt gặp những dao động nhỏ nhất trong Cúc Phương. Vì tất cả xúc cảm của chàng tùy thuộc vào những gì trở ra từ đó. Bây giờ Cúc Phương mới hiểu. Trong ân ái Phúc không giành một thân thể cho riêng mình. Chàng muốn mỗi chi tiết của thân thể này là một mẫu đất vun trồng sự hoà nhập của hai người. Chàng gửi vào đó một tình cảm ít khi Cúc Phương nhận được ở đời. Một tình cảm quý hơn sự ham muốn. Là sự tôn trọng một con người. Phúc tôn trọng toàn vẹn con người Cúc Phương.

Trong căn hộ nhỏ, người đàn bà biết chồng sắp về. Chiều ngã mình vào lòng tối khiến chân trời ửng đỏ một nỗi xôn xao. Những vết nắng cuối cùng long lanh một ánh sáng thần diệu. Bóng tối như mái tóc thiếu nữ loang dần xuống làn da của một ngày. Những người lao động trở về làm khu phố rít cả lên. Từ dưới nhà vọng lên tiếng trẻ thơ đùa nghịch, tiếng gia đình tìm gọi nhau, và muôn vạn tiếng động của cuộc sống. Có ai ngờ âm nhạc đã tràn đầy không gian, làm có người ngây ngất một niềm vui rạo rực.

Vũ Hồi Nguyên